



MỘT HÀNH TRÌNH CHẠM ĐẾN TRIỆU TIN – YÊU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023

Lời tựa
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

04
06

CHƯƠNG I

Về chúng tôi

Giới thiệu chung về NCB	10
Mô hình quản trị	10
Địa bàn kinh doanh	11
Văn hóa doanh nghiệp và Phát triển bền vững	11
Quá trình hình thành và phát triển	12
Ngành nghề kinh doanh	16
Cơ cấu cổ đông	17
Hội đồng Quản trị	18
Ban Kiểm soát	22
Thành viên HĐQT, BKS, BDH	24
Cơ cấu bộ máy quản lý	30

CHƯƠNG II

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của NCB

Tình hình vĩ mô chung và các thách thức riêng	34
Báo cáo của Ban Điều hành	35
Tổ chức nhân sự	48
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, giải trình của BDH	50
Đánh giá của HĐQT	110

CHƯƠNG III

Hoạt động kinh doanh 2023

Bảng điều khiển buồng lái	114
Điểm sáng hành trình 2023	116
Tăng cường năng lực tài chính	121
Đầu tư giải pháp công nghệ hướng đến số hóa quy trình	122
Hoạt động Marketing - Truyền thông nâng cao thương hiệu và hỗ trợ kinh doanh	126
Nền tảng vững chắc cho giai đoạn 2024 - 2028	128

CHƯƠNG IV

Định hướng kinh doanh 2024

Hội ký thể hệ hoa tiêu	132
Định hướng kinh doanh 2024	138
• Năng lực tài chính	138
• Hoạt động kinh doanh	138
• Công nghệ	141
• Dự án Chiến lược	142
• Dự án Chuyển đổi số	146
• QTRR và Kiểm soát nội bộ	150
• Nguồn nhân lực	150
• Marketing - Truyền thông	151
Phụ lục	153

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

NCB	Ngân hàng TMCP Quốc Dân
ALCO	Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có
AMC	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân
BCTC	Báo cáo tài chính
BDH	Ban Điều hành
BKS	Ban Kiểm soát
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
CBNV	Cán bộ, nhân viên
CNTT	Công nghệ thông tin
CSKH	Chăm sóc Khách hàng
DPRR	Dự phòng rủi ro
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
HĐQT	Hội đồng Quản trị
KHCN	Khách hàng Cá nhân
KHDN	Khách hàng Doanh nghiệp
KHKD	Kế hoạch kinh doanh
KSNB	Kiểm soát Nội bộ
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTM	Ngân hàng thương mại
NV&TTTC	Nguồn vốn và thị trường tài chính
QLRR	Quản lý Rủi ro
QLTD	Quản lý Tín dụng
QTNNL	Quản trị Nguồn nhân lực
QTTC	Quản trị Tài chính
ROA	Tỷ lệ lợi nhuận trên tổng tài sản
ROE	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
TCTD	Tổ chức tín dụng
TĐTD	Thẩm định tín dụng
TĐTS	Thẩm định tài sản
TMCP	Thương mại Cổ phần
TOI	Tổng thu nhập hoạt động thuần
TSBĐ	Tài sản bảo đảm

LỜI TỰA

Hành trình vạn dặm luôn xuất phát từ những bước đi vững chãi đầu tiên.

Giữa bối cảnh thị trường biến chuyển không ngừng, các tổ chức phải liên tục nỗ lực, linh hoạt chuyển đổi, nâng cấp, NCB cũng đã chọn cho mình một hành trình mới. Đó là hành trình nhiều thử thách nhưng đáng tự hào, hứa hẹn mang lại nhiều giá trị cho khách hàng, cổ đông và cộng đồng.

Trên hành trình chuyển đổi mạnh mẽ ấy, động lực thôi thúc nhất đến từ khao khát vươn tầm của người NCB. Một NCB phiên bản mới đặt khách hàng làm trung tâm, lấy đổi mới công nghệ làm nền tảng cho sự phát triển, coi con người là cốt lõi của thành công. Đó là nơi mục tiêu phát triển vượt trội và bền vững trở thành hệ quy chiếu cho toàn bộ công tác hoạch định chiến lược và quản trị điều hành.

Năm 2023 đã chứng kiến những bước khởi hành vững vàng đầu tiên của chuyến “Tàu Du hành” NCB trên hành trình chinh phục quỹ đạo mới. Vượt qua nhiều thách thức và khó khăn của nền kinh tế, con tàu NCB đã thẳng trọng lực để đặt mình trên bệ phóng đầy xung lực, tạo đà bút phá, thiết lập quỹ đạo riêng bay vào kỷ nguyên tiên tiến của Công nghệ, của các Giải pháp tài chính Tiên phong, Sáng tạo. Ở đó, trải nghiệm của khách hàng là ưu tiên hàng đầu và sẽ được chúng tôi nâng tầm lên những tiêu chuẩn mới.

Tất cả đã sẵn sàng để NCB cùng quý vị cập bến Điểm đến 2024 với những giá trị mới mẻ, vượt trội và ý nghĩa cho Quý Khách hàng, Cổ đông và cho cộng đồng.

Hành trình tâm huyết này sẽ được khắc hoạ sống động trong cuốn Báo cáo Thường niên 2023 được chúng tôi tự hào gọi tên: **Một hành trình chạm đến triệu Tin - Yêu.**

Một hành trình chạm đến triệu Tin - Yêu

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



"Tập thể NCB tự hào đã đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực vượt qua chính mình, để mang tới cho cộng đồng một "NCB phiên bản mới" – nâng cấp cả về diện mạo và chất lượng, đem đến ngày càng nhiều giá trị cho các khách hàng, đối tác, cổ đông, nhà đầu tư, vững vàng hướng tới các mục tiêu chiến lược đã đề ra."

KÍNH THƯA QUÝ KHÁCH HÀNG, QUÝ ĐỐI TÁC, QUÝ CỔ ĐÔNG,

Năm 2023 đánh dấu sự chuyển mình mang tính bước ngoặt của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) sau 28 năm hoạt động. Về cơ sở vật chất, NCB đã chính thức khai trương trụ sở mới tại vị trí đắc địa giữa trung tâm Thủ đô, bao gồm đầy đủ các phân khu công năng riêng biệt và chuyên nghiệp, cùng kiến trúc hiện đại và tiện nghi, đảm bảo đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng. Về chiến lược phát triển, NCB đã hợp tác cùng đối tác tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới, hoàn tất xây dựng chiến lược mới cho NCB giai đoạn 2024-2028.

Kết thúc một năm nhiều trở ngại, thách thức đến từ nền kinh tế trong nước và quốc tế, tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên NCB tự hào đã đoàn kết, sáng tạo, nỗ lực vượt qua chính mình, để mang tới cho cộng đồng một "NCB phiên bản mới" – nâng cấp cả về diện mạo và chất lượng, đem đến ngày càng nhiều giá trị cho các khách hàng, đối tác, cổ đông, nhà đầu tư, vững vàng hướng tới các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

Tiếp nối những thành quả của giai đoạn bản lề năm 2022, trong năm 2023, NCB đã triển khai tái cấu trúc toàn diện với lộ trình bài bản, chuyên nghiệp, đặt mục tiêu từng bước đưa NCB trở thành một ngân hàng phát triển lành mạnh, an toàn, tăng trưởng bền vững. Đến nay, NCB là một trong những ngân hàng sở hữu đội ngũ nhân sự đặc biệt chất lượng, bao gồm lực lượng nhân sự cấp cao giàu kinh nghiệm, năng lực chuyên môn và năng lực quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Dấu ấn này của NCB đã được các tổ chức uy tín ghi nhận và đánh giá cao, thông qua giải thưởng HR Asia Awards - "Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2023" do HR Asia - Tạp chí Nhân sự cấp cao hàng đầu châu Á xếp hạng. Song song với đó, NCB đã và đang triển khai các dự án chuyển đổi số toàn diện, tập trung xây dựng nền tảng dữ liệu, nền tảng hạ tầng công nghệ, không ngừng nâng cấp và số hóa các sản phẩm dịch vụ, gia tăng trải nghiệm khách hàng. Ứng dụng ngân hàng số NCB iziMobile dành cho khách hàng cá nhân với trải nghiệm an toàn, hiện đại, mượt mà, được đánh giá cao bởi người dùng và được Tạp chí Global Banking & Finance Awards trao tặng giải thưởng "Ứng dụng Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2023". Cùng với đó, ứng dụng ngân hàng số NCB iziBankbiz dành cho khách hàng doanh nghiệp cũng lọt "Top 50 sản phẩm dịch vụ tin dùng Việt Nam 2023" do Tạp chí Kinh tế Việt Nam (VnEconomy) trao tặng.

Với sự đồng hành của những đối tác đầu ngành trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng - Tư vấn chiến lược, sự định hướng và chỉ đạo sát sao của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và đặc biệt là tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám thay đổi của toàn thể cán bộ nhân viên, NCB đã đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận trong năm 2023.

Tính đến 31/12/2023, tổng tài sản của NCB đạt 96.265 tỷ đồng, tăng khoảng 7% so với cuối năm 2022, và vượt kế hoạch đề ra tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023. NCB cũng thành công cán mốc 1 triệu khách hàng theo mục tiêu đã đề ra tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023, cho thấy NCB đang giành được sự tin tưởng của ngày càng nhiều khách hàng. Kinh doanh ngoại hối là điểm sáng, ghi nhận lợi nhuận gần 202,5 tỷ đồng, tăng trưởng gần 142% so với cùng kỳ 2022. Trong khi đó, mức tăng trưởng giá trị phát hành giấy tờ có giá đạt gần 59% so với cuối năm 2022, đạt gần 3.167 tỷ đồng. Tỷ lệ an toàn hoạt động, tỷ lệ thanh khoản của NCB tuân thủ hoàn toàn quy định của NHNN.

Bước sang năm 2024, với mục tiêu phát triển bền vững, minh bạch, lấy khách hàng làm trung tâm và mong muốn đóng góp thiết thực vào sự phát triển lành mạnh nói chung của lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trên cả nước, NCB sẽ không ngừng nỗ lực và quyết liệt, linh hoạt nắm bắt thời cơ, tiếp tục biến thách thức thành cơ hội để hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2024.

Tôi tin tưởng với sự tâm huyết, đóng góp bền bỉ của các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, sự tận tâm và sáng tạo, đổi mới của các cán bộ quản lý và toàn bộ đội ngũ nhân viên, NCB sẽ có một năm 2024 nhiều dấu ấn bất phá, hoàn thành rực rỡ mọi kế hoạch và chỉ tiêu mà Đại hội đồng Cổ đông đề ra.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và toàn thể cán bộ nhân viên NCB, Tôi xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới các Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông, Nhà đầu tư, cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ quan báo chí, truyền thông đã luôn đồng hành cùng NCB trong những năm qua, và mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ của Quý vị trong thời gian tới, để chúng ta cùng nhau kiến tạo nên những giá trị bền vững, hướng đến tương lai phồn vinh và thịnh vượng.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!
Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Bùi Thị Thanh Hương

CHƯƠNG I

Về chúng tôi

THÔNG DIỆP SÁNG TỎ HIỆU TRIỆU NGÀN TINH TỬ

Giới thiệu chung về NCB	10	Cơ cấu cổ đông	17
Mô hình quản trị	10	Hội đồng Quản trị	18
Địa bàn kinh doanh	11	Ban Kiểm soát	22
Văn hóa doanh nghiệp và Phát triển bền vững	11	Thành viên HĐQT - BKS - BDH	24
Quá trình hình thành và phát triển Ngành nghề kinh doanh	12 16	Cơ cấu Bộ máy Quản lý	30

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NCB

Tên giao dịch:	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân
Tên tiếng Anh:	National Citizen Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt:	Ngân hàng Quốc Dân
Giấy ĐKKD:	1700169765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 02/08/2023
Địa chỉ:	25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại:	(84-4) 62693355
Fax:	(84-4) 62693535
Website:	http://www.ncb-bank.vn



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

NCB là TCTD hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, với cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp và Điều 32 Luật Các TCTD gồm: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Ban Điều hành (BDH - đứng đầu là Tổng Giám đốc). NCB duy trì khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của NHNN, quy định pháp luật liên quan đảm bảo tính minh bạch rõ ràng giữa các chức năng quản trị, điều hành và kiểm soát.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Đến 31/12/2023, Ngân hàng NCB có 01 Hội sở chính, và 76 Chi nhánh, Phòng giao dịch trên toàn quốc. Trong đó:



Miền Bắc
27 Chi nhánh, Phòng giao dịch

Miền Trung
06 Chi nhánh, Phòng giao dịch

Miền Nam
43 Chi nhánh, Phòng giao dịch

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2023, NCB định hình sắc nét văn hóa doanh nghiệp, tạo nên sợi chỉ xuyên suốt gắn kết đội ngũ trong thời kỳ mới với 5 giá trị cốt lõi:

TRUNG THÀNH

TÍN NHIỆM

TẬN TÂM

TINH TẾ

THĂNG HOA

Đồng thời, các hoạt động truyền thông nội bộ, văn hóa doanh nghiệp được triển khai mạnh mẽ, đa dạng đã định hình nên bản sắc riêng có của người NCB. Trên cơ sở đó, NCB dần trở thành một môi trường lý tưởng để cán bộ nhân viên gắn bó, sống và làm việc, gắn kết với cổ đông, khách hàng, đối tác bằng sự chuyên nghiệp, uy tín, tận tâm, các trải nghiệm tinh tế để thăng hoa trên hành trình mới của sự Tin – Yêu.

2023 cũng ghi dấu mốc quan trọng khi NCB lựa chọn cho mình một chiến lược phát triển mới với tầm nhìn dài hạn và định hướng trở thành một ngân hàng cung cấp dịch vụ cao cấp, mang lại các trải nghiệm ngân hàng thông qua tư duy đổi mới, sáng tạo, là trung tâm của sự đổi mới dịch vụ tài chính, tiên phong phát triển các sản phẩm trên nền tảng công nghệ tối tân nhất. Từ đó, trở thành một nhà tư vấn tài chính, người bạn đồng hành đáng tin cậy, một doanh nghiệp vững mạnh, có trách nhiệm với xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng nơi NCB phục vụ.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1995

Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB được thành lập từ năm 1995, khởi nguồn từ Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên. Ngày 18/5/2006, NCB chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đô thị, chuyển đổi trụ sở chính từ Kiên Giang về TP. Hồ Chí Minh, đồng thời chính thức sử dụng tên Ngân hàng TMCP Nam Việt – Navibank thay cho tên gọi Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên.

2014

Chính thức đổi tên từ Ngân hàng TMCP Nam Việt – Navibank thành Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB, và tiến hành tái cấu trúc hệ thống, hướng đến sự chuẩn hóa và hoàn thiện các dịch vụ tài chính, đặt mục tiêu nằm trong Top 10 ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, và trở thành “Ngân hàng bán lẻ hiệu quả nhất”.

2015

NCB giới thiệu nhận diện thương hiệu mới. Cũng trong năm này, NCB được trao giải thưởng “Ngân hàng có văn hoá doanh nghiệp sáng tạo nhất Việt Nam năm 2015” – giải thưởng quốc tế về đổi mới sáng tạo – và giải thưởng “Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam năm 2015” bởi Tạp chí Tài chính và Ngân hàng Toàn cầu.

2016

NCB triển khai hạ tầng Công nghệ thông tin mới: Nền tảng ngân hàng lõi Temenos T24; Ký hợp đồng chiến lược liên kết kinh doanh bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng với Công ty Bảo hiểm nhân thọ uy tín Prevoir; Tăng số chi nhánh từ 22 lên 24; Tăng Tổng tài sản lên trên 69 nghìn tỷ đồng.

2017

NCB tập trung phát triển nền tảng ngân hàng kỹ thuật số toàn diện với hàng loạt sản phẩm như: Ứng dụng thông minh NCB, thanh toán hoá đơn, chuyển khoản...

2018

NCB mở rộng hệ sinh thái khách hàng; Triển khai hợp tác toàn diện với các đối tác lớn; Liên tục đón nhận các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế như: Giải thưởng Thương hiệu mạnh 2018, Giải thưởng Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam 2018, Ngân hàng vì cộng đồng tốt nhất Việt Nam 2018...

2019

NCB chuyển đổi mô hình hoạt động, kinh doanh và sản phẩm dịch vụ theo hướng số hóa đích thực. Song hành với các kênh phân phối truyền thống, NCB đầu tư vào Ngân hàng Số (Digital Banking) thông qua việc xây dựng các sản phẩm, dịch vụ được triển khai trên nền tảng Ngân hàng Số như: Mở tài khoản – mở sổ tiết kiệm online, thanh toán hóa đơn chủ động và tự động, chuyển tiền 24/7 trên ứng dụng di động, thanh toán QR code, mua sắm online và đặc biệt là đã ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong chatbot để tối ưu trải nghiệm tương tác với khách hàng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

(Tiếp theo)

2020

NCB triển khai tái cơ cấu mô hình hoạt động kinh doanh theo ngành dọc. Đồng thời, Ngân hàng tích cực thực hiện số hóa hệ thống khi cho ra mắt ứng dụng NCB iziMobile nhằm cải thiện trải nghiệm cho khách hàng, đưa vào vận hành các phần mềm hệ thống hỗ trợ vận hành như: Phần mềm CAR41, Hệ thống Core thẻ, Hệ thống ILOS 3.0.

2021

NCB tiếp tục triển khai nhiều dự án chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng trải nghiệm khách hàng như: Áp dụng quy trình eKYC để mở tài khoản, rút tiền bằng cách quét mã QR, nâng cấp hệ thống core thẻ... Bên cạnh đó, NCB thực hiện ký kết hợp tác toàn diện với doanh nghiệp quy mô lớn nhằm gia tăng lượng khách hàng cá nhân thuộc phân khúc khách hàng cao cấp và khách hàng doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất, xây lắp, dịch vụ... hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

2022

NCB tiếp tục triển khai đầu tư vào hạ tầng công nghệ, quản lý dữ liệu tập trung, đầu tư nhiều dự án chuyển đổi số nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng trải nghiệm khách hàng. Ngân hàng đã nâng cấp thành công hệ thống Ngân hàng lõi T24 phiên bản R21 nhằm tăng tốc độ phục vụ khách hàng và nâng cao công tác quản trị điều hành nội bộ. NCB là ngân hàng đầu tiên sử dụng phiên bản hiện đại nhất trong số các tổ chức tín dụng tại Việt Nam. Bên cạnh đó, với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Tổng tài sản NCB năm 2022 đạt gần 90 nghìn tỷ đồng.

2023

Năm 2023 đánh dấu bước phát triển mang tính bước ngoặt trong hành trình tái cơ cấu và chuyển mình hướng tới các mục tiêu chiến lược của NCB với dấu ấn khai trương trụ sở mới tại một trong những vị trí đắc địa tại thủ đô Hà Nội. Đồng thời, NCB chính thức ký kết hợp tác với đối tác tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới để triển khai chiến lược mới cho ngân hàng giai đoạn 2023-2028 và trong dài hạn.

Vượt qua khó khăn, chuyển mình tích cực giữa bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước nhiều biến động, NCB đã kiện toàn bộ máy và chính sách nhân sự, nâng cao năng lực điều hành, đầu tư nâng cấp nền tảng công nghệ, sản phẩm và dịch vụ, sẵn sàng cho hành trình chuyển mình đón tương lai đầy hứa hẹn với những dấu ấn mới chất lượng và ấn tượng. Đồng thời, thương hiệu và hình ảnh NCB đã lan tỏa sâu, rộng hơn tới cộng đồng, ngày càng được tin dùng và được ghi nhận thông qua nhiều giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

Tổng tài sản của NCB năm 2023 đạt trên

96.000 TỶ ĐỒNG

Tính tới ngày 31/03/2024, ngân hàng NCB có

01 TRỤ SỞ CHÍNH

76 ĐIỂM GIAO DỊCH

trên toàn quốc.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Mua, bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - Cho vay;
 - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - Bảo lãnh ngân hàng;
 - Phát hành thẻ tín dụng;
 - Bao thanh toán trong nước;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Mở tài khoản:
 - Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
 - Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Hoạt động mua nợ;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu chính phủ, tín phiếu ngân hàng nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Tính đến 31/12/2023

NCB có tổng số (Cổ phần phổ thông)

Tương ứng với vốn điều lệ (Đồng)

560.155.587

5.601.555.870.000

THÔNG TIN CỔ PHẦN

THÔNG TIN CỔ PHẦN	SỐ LƯỢNG
Số lượng cổ phần lưu hành	556.803.587
Số lượng cổ phiếu quỹ	3.352.000
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	553.386.410
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	3.417.177

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2023

LOẠI HÌNH CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ CỔ PHẦN (%)
Cơ cấu cổ đông (lớn/nhỏ)			
Cổ đông lớn	0	0	0
Cổ đông nhỏ	2.652	560.155.587	100%
(1) Cổ đông trong nước			
Tổ chức	23	50.851.856	9,078%
Cá nhân	2.604	487.217.854	86,977%
Tổng (1)	2.627	538.069.710	96,055%
(2) Cổ đông nước ngoài			
Tổ chức	6	20.943.511	3,738%
Cá nhân	19	1.142.366	0,203%
Tổng (2)	25	22.085.877	3,941%
Tổng (1) + (2)	2.652	560.155.587	100%

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu: Không thay đổi; Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không thay đổi; Các chứng khoán khác: Không có.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	HỌ VÀ TÊN	VỊ TRÍ ĐẢM NHẬN	THỜI KỲ ĐẢM NHẬN		CÁC CHỨC DANH NẮM GIỮ TẠI CÁC TỔ CHỨC KHÁC	TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN
			NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM		
1	Bà Bùi Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT Không điều hành	29/07/2021		Không có	Không có
2	Bà Hoàng Thu Trang	Phó Chủ tịch HĐQT Không điều hành	18/06/2022		Không có	Không có
3	Ông Dương Thế Bằng	Thành viên HĐQT Không điều hành	18/11/2023		Không có	Không có
4	Bà Nguyễn Thị Hải Hoà	Thành viên HĐQT Không điều hành	18/11/2023		Tổng Giám đốc (Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ view)	Không có
5	Bà Trịnh Thanh Mai	Thành viên HĐQT độc lập Không điều hành	18/06/2022		Không có	Không có
6	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT Không điều hành	29/07/2021	18/11/2023	Không có	Không có
7	Bà Trương Lệ Hiền	Thành viên HĐQT Không điều hành	29/07/2021	18/11/2023	Không có	Không có

Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc để giúp HĐQT thực hiện chức năng quản lý cấp cao.

Ủy ban Nhân sự

Danh sách thành viên Ủy ban Nhân sự:

- Bà Hoàng Thu Trang (Chủ tịch);
- Bà Bùi Thị Thanh Hương (Thành viên);
- Ông Tạ Kiều Hưng (Thành viên).

Hoạt động của Ủy ban Nhân sự:

Với vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT về vấn đề tổ chức, bộ máy nhân sự trong quá trình quản trị Ngân hàng, trong năm 2023, Ủy ban Nhân sự đã tiếp nhận, giải quyết các hồ sơ, vụ việc, tổ chức họp và tham mưu, tư vấn cho HĐQT các vấn đề sau:

- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và Người điều hành Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;

- Trình HĐQT ban hành các Quyết định về cơ cấu tổ chức, thực hiện sắp xếp nhân sự, sáp nhập, phân chia lại đơn vị có cùng chức năng nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động;
- Nghiên cứu, tư vấn cho HĐQT về nguyên tắc đánh giá, xây dựng định biên và chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi chức danh, tái ký hợp đồng;
- Tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và tham mưu HĐQT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới;
- Đề xuất, xây dựng, trình HĐQT ban hành Chính sách cho vay đối với CBNV, Quy định hệ thống cấp bậc và khung đãi lương, Bộ chuẩn mực hành vi theo giá trị cốt lõi.

Ủy ban Quản lý rủi ro

Danh sách thành viên Ủy ban QLRR:

- Bà Bùi Thị Thanh Hương (Chủ tịch);
- Ông Dương Thế Bằng (Thành viên);
- Bà Trịnh Thanh Mai (Thành viên);
- Ông Tạ Kiều Hưng (Thành viên);
- Bà Phạm Thị Hiền (Thành viên).

Hoạt động của Ủy ban QLRR:

Với vai trò tham mưu cho HĐQT các vấn đề về quản lý rủi ro, năm 2023, Ủy ban QLRR họp định kỳ hàng quý, và thực hiện các hoạt động sau:

- Nghiên cứu, xây dựng, trình HĐQT ban hành và giám sát TGD trong việc tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro, chính sách đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;

- Tham mưu HĐQT ban hành các văn bản quy định về nghiệp vụ, đảm bảo hoạt động Ngân hàng được vận hành thông suốt, kiểm soát được rủi ro;
- Xây dựng, trình HĐQT ban hành Quy chế, bộ thẩm quyền phê duyệt xử lý nợ/xử lý rủi ro và bộ thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng;
- Tham mưu HĐQT trong việc triển khai các tiểu dự án nâng cao năng lực quản lý rủi ro trên cơ sở tư vấn độc lập của Dự án rà soát tổng thể và xây dựng lộ trình kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ tại NCB;
- Giám sát BDH trong việc: Thực hiện các biện pháp khắc phục lỗ hổng trong công tác vận hành kinh doanh, quản lý rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ; Thực thi bộ chỉ số quản lý rủi ro, đảm bảo khuôn khổ và quy trình quản lý rủi ro được thực hiện hiệu quả, thống nhất.

Ủy ban Tín dụng

Danh sách thành viên Ủy ban Tín dụng

- Bà Bùi Thị Thanh Hương (Chủ tịch);
- Bà Nguyễn Thị Hải Hoà (Thành viên);
- Ông Tạ Kiều Hưng (Thành viên);
- Bà Phạm Thị Hiền (Thành viên);
- Giám đốc Khối Khách hàng cá nhân/Khách hàng doanh nghiệp.

Hoạt động của Ủy ban Tín dụng:

Là cấp tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền HĐQT, năm 2023, Ủy ban Tín dụng đã tổ chức và trình HĐQT phê duyệt các khoản cấp tín dụng/điều chỉnh cấp tín dụng thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

Ủy ban Công nghệ

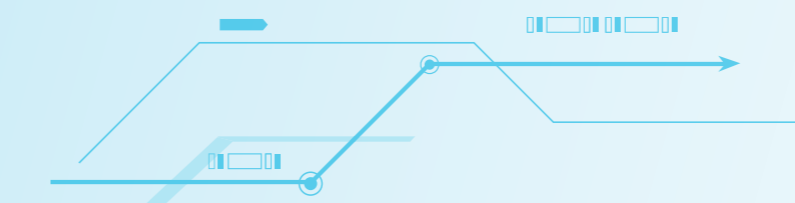
Danh sách thành viên Ủy ban Công nghệ:

- Bà Bùi Thị Thanh Hương (Chủ tịch);
- Bà Hoàng Thu Trang (Phó Chủ tịch);
- Ông Tạ Kiều Hưng (Thành viên thường xuyên);
- Ông Nguyễn Vịnh (Thành viên thường xuyên);
- Các thành viên không thường xuyên gồm: Giám đốc/Phụ trách Khối Vận hành, Khối QTRR, Khối QTTC, Khối QTNNL, Khối KHCN, Khối KHDN.

Hoạt động của Ủy ban Công nghệ:

Ủy ban Công nghệ có vai trò tham mưu cho HĐQT về định hướng phát triển công nghệ, các ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, thúc đẩy hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Trong năm 2023, Ủy ban Công nghệ đã tổ chức các cuộc họp định kỳ tháng/quý và các cuộc họp khác theo yêu cầu của Chủ tịch UBCN, tham mưu, tư vấn cho HĐQT các vấn đề sau:

- Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Công nghệ; Cơ cấu tổ chức, phương án nguồn lực của Khối Công nghệ để đảm bảo triển khai các phương án công nghệ đã được phê duyệt;
- Chỉ đạo tổ chức, thẩm định trước khi trình HĐQT phê duyệt các dự án công nghệ, dự án hệ thống an ninh bảo mật; đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin và viễn thông, giải pháp phần mềm.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Thành viên và cơ cấu của HĐQT (Tiếp theo)

Hội đồng Xử lý rủi ro

Danh sách thành viên Hội đồng XLRR:

- Bà Bùi Thị Thanh Hương (Chủ tịch);
- Bà Hoàng Thu Trang (Thành viên);
- Ông Tạ Kiều Hưng (Thành viên);
- Bà Phạm Thị Hiền (Thành viên);
- Ông Lê Viết Phúc (Thành viên);
- Giám đốc Khối Quản trị tài chính (Thành viên);
- Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân/Khách hàng Doanh nghiệp (Thành viên).

Hoạt động của Hội đồng XLRR:

- Trong năm 2023, Hội đồng XLRR đã tổ chức các cuộc họp để:
- Xem xét và phê duyệt hồ sơ phân loại nợ, trích lập DPRR, xử lý tài sản bảo đảm, khởi kiện khách hàng... theo thẩm quyền;
 - Tham mưu và trình HĐQT phê duyệt các hồ sơ thuộc thẩm quyền của HĐQT.



Hoạt động của HĐQT

Hoạt động của HĐQT trong năm 2023 được tổ chức, triển khai tuân thủ theo Điều lệ, Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy định Pháp luật hiện hành.

Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực và thể mạnh của mỗi thành viên. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên HĐQT luôn lấy lợi ích của Ngân hàng, cổ đông làm trách nhiệm của mình, hoàn thành tốt vai trò giám sát cấp cao, định hướng chiến lược, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình quản trị, điều hành Ngân hàng. Đồng thời, HĐQT cũng đã tăng cường năng lực quản trị Ngân hàng theo chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt nhất về nguyên tắc quản trị công ty đại chúng; đảm bảo tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ ngân hàng về việc tổ chức các cuộc họp, thông qua Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.

Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn của nền kinh tế 2023, HĐQT đã thể hiện vai trò nổi bật và tích cực trong việc định hướng chiến lược và hoạt động của hệ thống, giám sát việc thực thi, đóng góp tích cực vào kết quả hoạt động của hệ thống. Cụ thể:

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ	SỐ BUỔI HỌP TRÊN CƠ SỞ PHIẾU LẤY Ý KIẾN	TỶ LỆ	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
1	Bà Bùi Thị Thanh Hương	Chủ tịch HĐQT (từ 1/1/2023 đến 31/12/2023)	8/8	100%	182/182	100%	
2	Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó chủ tịch HĐQT (từ 1/1/2023 đến 18/11/2023)	2/6	33%	136/153	89%	Lý do sức khỏe
3	Bà Trương Lệ Hiền	Thành viên HĐQT (từ 1/1/2023 đến 18/11/2023)	6/6	100%	153/153	100%	
4	Bà Hoàng Thu Trang	Thành viên HĐQT (từ 1/1/2023 đến 18/11/2023) Phó Chủ tịch HĐQT (từ 18/11/2023 đến 31/12/2023)	8/8	100%	180/182	99%	
5	Ông Dương Thế Bằng	Thành viên HĐQT (từ 18/11/2023 đến 31/12/2023)	2/2	100%	29/29	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Hải Hòa	Thành viên HĐQT (từ 18/11/2023 đến 31/12/2023)	2/2	100%	29/29	100%	
7	Bà Trịnh Thanh Mai	Thành viên HĐQT độc lập (từ 1/1/2023 đến 31/12/2023)	8/8	100%	181/182	99%	

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập đã hoạt động tích cực với sự chủ động và hiệu quả cao trong hoạt động của mình, đảm bảo tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng; hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT giao một cách cẩn trọng, trung thực; đóng góp tích cực vào việc duy trì sự minh bạch trong các quyết định của HĐQT.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát (BKS) tại NCB gồm 02 thành viên chuyên trách và 01 thành viên không chuyên trách do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, bao gồm 01 Trưởng Ban Kiểm soát, 02 thành viên của Ban Kiểm soát, đáp ứng cơ cấu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của NCB.

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Bà Đỗ Thị Đức Minh	Trưởng Ban Kiểm soát	08/4/2023	Thạc sỹ Kinh tế
2	Bà Vũ Kim Phượng	Thành viên Ban Kiểm soát	26/4/2015	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
3	Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên Ban Kiểm soát	08/4/2023	Cử nhân Tài chính Ngân hàng

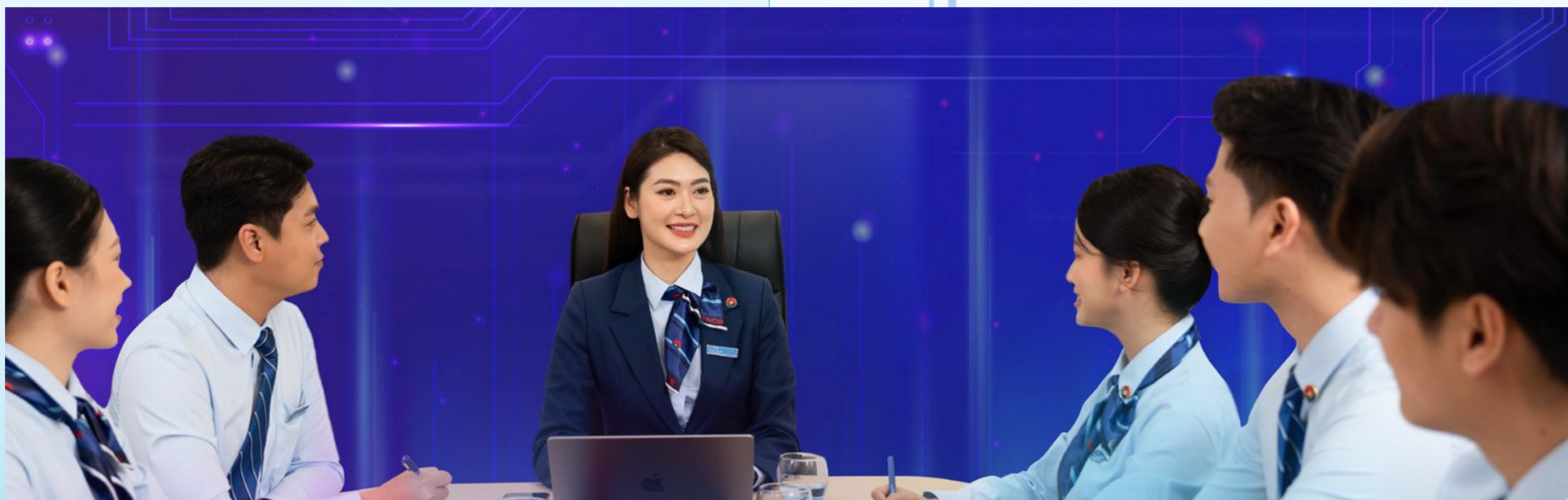
Hoạt động của BKS

Năm 2023, BKS đã triển khai, thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ NCB và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS.

Công tác giám sát của BKS đối với hoạt động của NCB được thực hiện thường xuyên. BKS giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, giám sát HĐQT, TGD trong việc triển khai các Nghị quyết, định hướng, mục tiêu kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua, cũng như triển khai kịp thời, đầy đủ các chủ trương, chính sách, chỉ đạo của Chính phủ, của NHNN; Giám sát các chỉ tiêu an toàn hoạt động, giám sát việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS, kiểm toán viên nội bộ đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Các thành viên BKS được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên trách của mỗi thành viên. BKS đã tổ chức 09 cuộc họp với 100% thành viên tham dự nhằm trao đổi, thảo luận để triển khai kế hoạch công tác và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên BKS thực hiện tốt vai trò giám sát, kịp thời phát hiện các rủi ro hoạt động của ngân hàng. Các kiến nghị của BKS được HĐQT và Tổng Giám đốc xem xét thực hiện đảm bảo lợi ích của NCB, tuân thủ các quy định của Pháp luật và các quy định quản lý nội bộ của NCB.

BKS hoạt động theo nguyên tắc độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban Lãnh đạo Ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành nhằm ngăn ngừa, phát hiện, xử lý các tồn tại, góp phần nâng cao năng lực hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao năng lực quản trị điều hành của hệ thống.



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN ĐIỀU HÀNH

Giới thiệu thành viên HĐQT

HĐQT là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT có 05 thành viên, bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, trong đó có 01 thành viên độc lập. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu. Chủ tịch HĐQT là người đại diện pháp luật của Ngân hàng. HĐQT thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.



BÀ BUI THI THANH HUONG
CHỦ TỊCH HĐQT

- ✦ Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán, trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân.
- ✦ Kinh nghiệm công tác: Bà Bùi Thị Thanh Hương đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng. Bà từng là Phó Giám đốc Khối Tài Chính, Kế toán trưởng tại SeABank; Phó Tổng Giám đốc TPBank; TGD Công ty TNHH Đầu tư Tập đoàn Mặt Trời.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.



Bà HOÀNG THU TRANG
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

- ✦ Trình độ học vấn: Cử nhân Khoa học Quản lý - Đại học Thăng Long.
- ✦ Kinh nghiệm công tác: Bà Hoàng Thu Trang có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, là lãnh đạo cấp cao tại nhiều doanh nghiệp và tổ chức tín dụng lớn như: Techcombank, MSB, TPBank.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.



Ông DƯƠNG THẾ BẰNG
THÀNH VIÊN HĐQT

- ✦ Trình độ học vấn: Cử nhân Ngành Thông tin vô tuyến, phát thanh và truyền hình - Đại học Kỹ thuật Truyền thông và Tin học Mát-xcơ-va, Liên bang Nga.
- ✦ Kinh nghiệm công tác: Ông Dương Thế Bằng có hơn 26 năm kinh nghiệm công tác và điều hành tại các doanh nghiệp quy mô lớn ở nhiều lĩnh vực trong vai trò thành viên HĐQT và Giám đốc điều hành.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.



Bà NGUYỄN THỊ HẢI HOÀ
THÀNH VIÊN HĐQT

- ✦ Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế - Đại học Ngoại Thương Hà Nội.
- ✦ Kinh nghiệm công tác: Bà Nguyễn Thị Hải Hoà có hơn 17 năm kinh nghiệm công tác và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các TCTD và doanh nghiệp lớn
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.



Bà TRỊNH THANH MAI
THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

- ✦ Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế - Trường Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh.
- ✦ Kinh nghiệm công tác: Bà Trịnh Thanh Mai là hội viên cao cấp Hiệp hội Kế toán viên Công chứng - Anh, hội viên Hiệp hội kế toán viên Công chứng - Úc và từng là lãnh đạo cấp cao tại nhiều doanh nghiệp và tổ chức lớn như: Công ty TNHH PwC Việt Nam, Ngân hàng ANZ Việt Nam, Ngân hàng ANZ - Úc.
- ✦ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Giới thiệu Ban Kiểm soát



BÀ ĐỖ THỊ ĐỨC MINH

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Đỗ Thị Đức Minh được ĐHĐCĐ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát từ năm 2023 đến nay.

Bà Đỗ Thị Đức Minh là Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính – Tín dụng – Lưu thông tiền tệ - Học viện Ngân hàng. Bà có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại các tổ chức như cán bộ Vụ Chiến lược PTNH NHNN, Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ Đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam VFMVF4, Phó Giám đốc phụ trách Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư, Chánh Văn phòng Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc PGBank.

BÀ VŨ KIM PHƯỢNG

Thành viên chuyên trách
Ban Kiểm soát

Bà Vũ Kim Phượng được ĐHĐCĐ của NCB bầu vào Ban Kiểm soát từ năm 2015 đến nay, đảm nhiệm chức danh thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát.

Bà Vũ Kim Phượng là Thạc sĩ quản trị kinh doanh – Đại học Kinh tế Quốc Dân. Bà có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán – Ngân hàng và từng đảm nhận vị trí kế toán trưởng tại các doanh nghiệp, Phó phòng kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Phó phòng Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.



ÔNG NGUYỄN VĂN QUANG

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Quang được ĐHĐCĐ của NCB bầu vào Ban Kiểm soát từ năm 2023 đến nay, đảm nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát.

Ông Nguyễn Văn Quang là Cử nhân Tài chính ngân hàng – Đại học Hà Nội. Ông có hơn 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Kiểm toán và từng đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại các doanh nghiệp lớn như Phó phòng Kiểm toán - Công ty TNHH PwC Việt Nam, Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH PwC Malaysia.

Giới thiệu Ban Điều hành

ÔNG TẠ KIỀU HƯNG

Tổng Giám đốc

Ông Tạ Kiều Hưng là Cử nhân Tài chính - Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Hưng có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, với nhiều chức vụ quan trọng tại Techcombank như: Giám đốc Chuyển đổi mảng Quản trị Rủi ro Khách hàng Bán lẻ và Doanh nghiệp vừa & nhỏ, Giám đốc Phát triển kinh doanh Khối Bán lẻ, Giám đốc sản phẩm Khối bán lẻ, Giám đốc Sáng kiến chuyển đổi năng lực lãnh đạo, Giám đốc Vùng, Giám đốc siêu Chi nhánh...



BÀ PHẠM THỊ HIỀN

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Bà Phạm Thị Hiền là Thạc sĩ Kinh tế Tài chính - Ngân hàng, Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Hiền có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, với nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Ngân hàng TMCP An Bình, Ngân hàng HSBC Việt Nam, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam.



BÀ VŨ THỊ THÙY DƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

(gia nhập NCB ngày 19/02/2024)

Bà Võ Thị Thùy Dương là Thạc sĩ Luật Kinh tế và Quốc tế - Đại học Luật Hà Nội.

Bà Dương có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực với nhiều chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp lớn và các ngân hàng uy tín như: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Ngân hàng TMCP Bảo Việt, Ngân hàng TMCP Quốc tế, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN KIỂM SOÁT - BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Giới thiệu Ban Điều hành (Tiếp theo)

ÔNG QUÁCH THÀNH LONG

Giám đốc Khối Quản trị Tài chính

Ông Quách Thành Long là Cử nhân Kinh tế Bảo hiểm, Đại học Kinh tế Quốc Dân;

Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng, Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Long có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính - Ngân hàng và từng đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp như: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank, Standard Chartered Bank, Panasonic Việt Nam, Nestlé Việt Nam.

ÔNG HOÀNG VŨ MẠNH

Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính

Ông Hoàng Vũ Mạnh là Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Mạnh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, với nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Ngân hàng TMCP Hàng Hải MSB, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank.

BÀ PHÙNG NGỌC VIỆT NGA

Giám đốc Khối Pháp chế Tuân thủ

Bà Phùng Ngọc Việt Nga là Thạc sĩ Luật học - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Bà Nga có 16 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Pháp chế Ngân hàng với các chức vụ quan trọng tại Vụ Pháp chế, NHNN Việt Nam.

BÀ ĐÀO MAI HƯƠNG

Giám đốc Khối Quản lý Tín dụng

Bà Đào Mai Hương là Thạc sĩ Tài chính ngân hàng - Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Bà Hương có hơn 12 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng với nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Ngân hàng TMCP Quân đội MB, Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei, Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện - PTF.

ÔNG NGUYỄN VỊNH

Giám đốc Khối Công nghệ

Ông Nguyễn Vinh là Kỹ sư CNTT - Đại học Bách Khoa Hà Nội; Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh - Trung tâm Pháp - Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG), Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông Vinh có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Công nghệ thông tin với nhiều chức vụ quan trọng về công nghệ tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Công ty TNHH Phần mềm FPT, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank.

BÀ NGUYỄN THÙY LINH

Giám đốc Khối Marketing - Truyền thông

Bà Nguyễn Thùy Linh là Cử nhân Quan hệ Kinh tế Quốc tế - Học viện Ngoại giao.

Bà Linh có hơn 15 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Marketing, Truyền thông và từng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD, doanh nghiệp lớn như: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank, Tập đoàn FLC, Tập đoàn TMS, Tập đoàn Đạt Phương.

ÔNG LÊ VIẾT PHÚC

Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ

Ông Lê Viết Phúc là Cử nhân Luật học - Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xử lý nợ với nhiều chức vụ quan trọng tại các TCTD như Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB, Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank.

ÔNG LÊ TUẤN TÚ

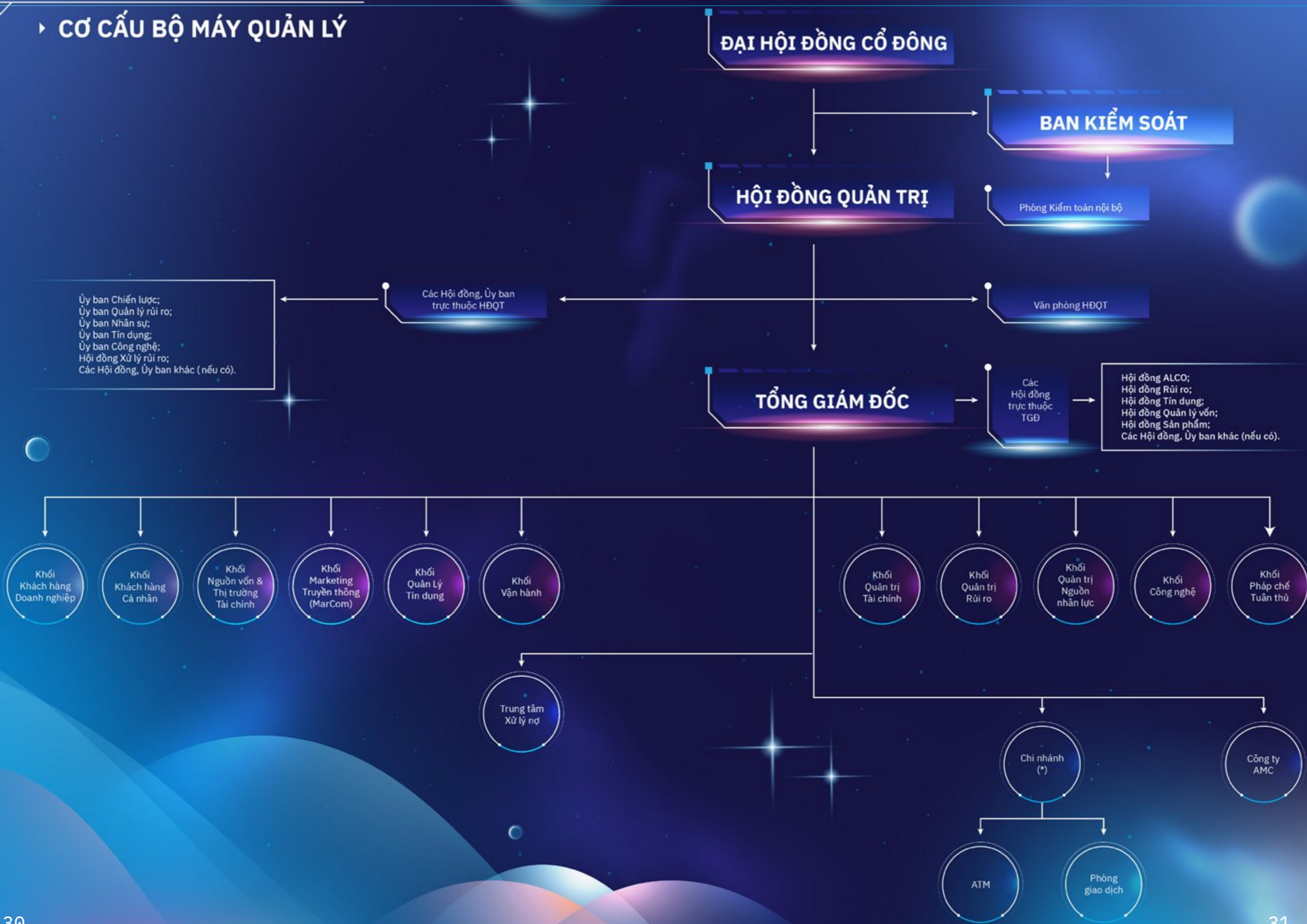
Giám đốc Dự án Chiến lược kiêm Phó Giám đốc Khối QTRR

Ông Lê Tuấn Tú là Cử nhân Công nghệ Thông tin - Đại học Kinh doanh và Công nghệ.

Ông Tú có hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng với nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Techcombank.



▶ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ





THĂNG TRỌNG TRƯỜNG MỞ MỘT LỐI ĐI RIÊNG

CHƯƠNG II

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của NCB

Tình hình vĩ mô chung và các thách thức riêng	34
Báo cáo của Ban Điều hành	35
Tổ chức nhân sự	48
Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán, giải trình của BDH	50
Đánh giá của HĐQT	110

TÌNH HÌNH VĨ MÔ CHUNG VÀ CÁC THÁCH THỨC RIÊNG

2023 tiếp tục là năm nhiều biến động với nền kinh tế nói chung, và lĩnh vực tài chính – ngân hàng nói riêng. Về kinh tế vĩ mô, sự bất ổn của nền kinh tế thế giới như chiến tranh thương mại, chính sách chống lạm phát của các NHTW, các sự kiện địa chính trị và hệ lụy sau đại dịch Covid-19... đã và đang tác động tiêu cực tới sức khỏe tài chính của các doanh nghiệp trên hầu hết các lĩnh vực hoạt động. Ngân hàng NCB cũng không nằm ngoài làn sóng ảnh hưởng này.

Từ cuối năm 2022 đến giữa năm 2023, lãi suất tăng cao, cùng với các sự cố có liên quan tới các doanh nghiệp lớn liên tiếp xảy ra đã ảnh hưởng tiêu cực tới đà tăng trưởng của thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu và bảo hiểm, ảnh hưởng đến nguồn thu phi tín dụng của Ngân hàng.



Cùng với đó, chi phí vốn tăng cao đã tạo ra áp lực tài chính cho các ngân hàng đang thực hiện tái cơ cấu như NCB. Một mặt, NCB khó tiếp cận được khách hàng tốt với chi phí vốn hợp lý. Mặt khác, NCB vẫn phải sử dụng nguồn vốn chi phí cao để tài trợ cho số nợ.

Đối với riêng NCB, Ngân hàng cũng đang cùng lúc đương đầu với nhiều vấn đề nội tại đã tích tụ trong thời gian dài, hiện là rào cản đối với công cuộc cơ cấu lại Ngân hàng. Quy mô vốn chưa lớn, chất lượng tài sản chưa tốt, mạng lưới, nhận diện thương hiệu không được quan tâm đầu tư đúng mức trong lịch sử, năng lực cạnh tranh chưa cao, sản phẩm dịch vụ chưa đa dạng... đều là những thách thức không nhỏ, đặt ra yêu cầu đối với Ban lãnh đạo để xây dựng một chiến lược tái cơ cấu toàn diện, mạnh mẽ, đảm bảo mục tiêu an toàn và bền vững.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình tài chính

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

- Nhờ sự chỉ đạo kịp thời, nhất quán từ HĐQT, cùng nỗ lực mở rộng hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống, NCB đã có một năm tăng trưởng ấn tượng về quy mô hoạt động, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trọng yếu về Tổng tài sản, Huy động và gần cán mốc Chỉ tiêu cho vay.
- Số lượng khách hàng tăng trưởng 35% (so với năm 2022), nhanh nhất trong các năm. Thu dịch vụ được chú trọng, gia tăng dần tỷ trọng trong tổng thu nhập hoạt động của NCB. Tuy nhiên, do các biến động khách quan bất lợi từ thị trường nói chung và ngành ngân hàng nói riêng, NCB cũng chịu những ảnh hưởng nhất định khi lợi nhuận chưa đạt như kỳ vọng.

Số lượng khách hàng tăng trưởng
35% (so với năm 2022)
nhanh nhất trong các năm

CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	2023	TỶ LỆ HOÀN THÀNH THEO KẾ HOẠCH ĐHCĐ
1. QUY MÔ			
Tổng tài sản	Tỷ đồng	96.265	102%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	5.602	
2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Huy động từ tổ chức kinh tế và cá nhân	Tỷ đồng	80.043	103%
Dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân	Tỷ đồng	55.344	96%
Lợi nhuận thuần từ hợp đồng kinh doanh trước trích lập rủi ro tín dụng	Tỷ đồng	(656)	
3. AN TOÀN			
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR riêng lẻ)	%	9.22%	

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Tình hình tài chính (TIẾP THEO)

Một số kết quả nổi bật:

TỔNG TÀI SẢN

Đạt **96.265** tỷ đồng
Tăng **6.370** tỷ đồng (Tăng 7% so với năm 2022)

Hoàn thành **102%** kế hoạch năm 2023

HUY ĐỘNG

Đạt **80.043** tỷ đồng
Tăng **6.639** tỷ đồng (Tăng 9% so với năm 2022)

Hoàn thành **103%** kế hoạch năm 2023

THU DỊCH VỤ

Đạt **102** tỷ đồng

CHO VAY KHÁCH HÀNG

Đạt **55.344** tỷ đồng
Tăng **7.622** tỷ đồng (Tăng 16% so với năm 2022)

Hoàn thành **96%** kế hoạch năm 2023

PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG

Tăng **265.475** khách hàng (Tăng 35% so với năm 2022)

Khách hàng doanh nghiệp tăng **1.144** khách hàng

Khách hàng cá nhân tăng **264.331** khách hàng trong đó tài khoản iziMobile mở mới đạt **235.638** tài khoản

Lợi nhuận trước thuế đạt (656) tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Các chỉ tiêu an toàn hoạt động

Trong năm 2023, dù phải đối mặt với những khó khăn, thách thức nhưng NCB vẫn hoàn thành tốt những mục tiêu quản trị rủi ro quan trọng.

Tính đến ngày 31/12/2023, tỷ lệ dự trữ thanh khoản duy trì ở mức 13,79%; tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi đạt ở mức 63,04%, và tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay (TDH) 27,98% - cao hơn nhiều so với yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả này cho thấy Ngân hàng đang duy trì một “bộ đệm thanh khoản vững chắc” có khả năng chống chịu tốt trước những biến động trên thị trường.

Sản phẩm Khách hàng Doanh nghiệp

Kết quả kinh doanh



Ngân hàng đang duy trì một “bộ đệm thanh khoản vững chắc” có khả năng chống chịu tốt trước những biến động trên thị trường.

Đơn vị tính doanh số: Triệu đồng

Dịch vụ Ngân hàng số dành cho KHDN

Năm 2023 đánh dấu bước ngoặt về chuyển đổi số dành cho KHDN khi NCB lần đầu tiên cho ra đời sản phẩm Mobiz app- NCB IZIMOBIZ và phiên bản Internet Banking được phát triển thêm nhiều tính năng mới đem lại trải nghiệm tối ưu cho khách hàng. Các giao dịch đang thực hiện trên nền tảng website sẽ được duyệt trên các thiết bị di động. Hệ thống “push notification” hỗ trợ khách hàng nhận thông báo giao dịch chờ xử lý, biến động số dư tức thì, tiết kiệm chi phí. Tính năng bảo mật được tăng cường cho phép khách hàng đăng nhập bằng nhận diện sinh trắc học (vân tay, nhận diện khuôn mặt). Các loại hình thanh toán được đa dạng hóa, đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng (thanh toán hóa đơn, thanh toán phí đường bộ, thanh toán lô, lương lên tới gần 10.000 bút toán). Tính năng phân quyền kiểm soát linh hoạt có thể hỗ trợ chủ tài khoản thiết lập các quy tắc quản trị, quy tắc bảo mật, cấp lại mật khẩu.



Đơn vị tính: Tỷ đồng

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Sản phẩm Khách hàng Cá nhân

Huy động Thị trường huy động vốn 2023 có nhiều biến động và cạnh tranh mạnh mẽ từ các tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, huy động từ KHCN của NCB vẫn đạt được mức tăng trưởng ấn tượng (trên 15%), đưa quy mô tổng tiền gửi từ phân khúc KHCN lên gần 74.000 tỷ đồng. Đặc biệt, huy động tiền gửi tiết kiệm online đạt quy mô gấp đôi so với cuối năm 2022.

Tín dụng Tiếp tục với mục tiêu cơ cấu tỷ trọng sản phẩm cho vay hướng đến phục vụ các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay mua nhà để ở, vay tiêu dùng phục vụ đời sống, NCB đã triển khai hợp tác với các đối tác phát triển bất động sản uy tín trên thị trường như VinHomes, và đạt được nhiều kết quả tích cực. Cũng trong năm 2023, tuân thủ các chỉ đạo và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, NCB đã tích cực triển khai công tác cơ cấu nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN và thực hiện nhiều đợt giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ các khách hàng gặp khó khăn sau đại dịch và ảnh hưởng từ nền kinh tế.

Phát triển khách hàng 2023 là năm đặc biệt thành công của NCB trong công tác phát triển khách hàng, gia tăng tỷ lệ sử dụng sản phẩm và tần suất sử dụng thường xuyên sản phẩm. Một số kết quả ấn tượng đã đạt được:

- Hơn 265 nghìn khách hàng mới.
- Số lượng giao dịch trên kênh online tăng trưởng hơn 70%.
- Doanh số giao dịch thẻ tín dụng tăng gần gấp 3 lần so với 2022.
- NCB được Tổ chức Thẻ Quốc tế Visa trao tặng giải thưởng “Ngân hàng Tăng trưởng doanh số tốt nhất 2023 – New Superstar in Payment Volume Growth 2023”.

Sản phẩm & dịch vụ Năm 2023, NCB đã tập trung cải tiến mạnh mẽ tính năng sản phẩm, thiết kế và triển khai nhiều gói giải pháp ưu việt dành cho khách hàng. Một số điểm nổi bật:

Ngân hàng số

- Ra mắt phiên bản NCB iziMobile hoàn toàn mới dành cho Khách hàng Cao cấp với nhiều tính năng, trải nghiệm vượt trội, thân thiện người dùng.
- Tích hợp đa dạng chuẩn QR đem lại sự tiện lợi cho khách hàng sử dụng tài khoản: Napas VietQR, VNPAY QR... Là 1 trong số ít Ngân hàng đầu tiên triển khai tính năng rút tiền bằng mã QR tại ATM liên minh không cần thẻ vật lý.
- Cuối năm 2023, NCB cũng đã chính thức giới thiệu đến khách hàng bộ đôi tính năng phát hành thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ nội địa ảo ngay trên ứng dụng iziMobile.
- Song song với việc ra mắt phiên bản mới và các tính năng vượt trội, NCB triển khai nhiều chương trình ưu đãi, khuyến mại hấp dẫn được khách hàng ưa thích và lựa chọn.

Bancas

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng sản phẩm bảo hiểm ưu việt, minh bạch, rõ ràng, cạnh tranh trên thị trường, NCB đã ký kết triển khai hợp tác với các công ty bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ uy tín hàng đầu trên thị trường như Generali, VBI, BSH. Nhờ đó, danh mục sản phẩm bảo hiểm được đa dạng hóa, phù hợp với nhu cầu của toàn bộ tập khách hàng và lực lượng bán của NCB.

Hoạt động Nguồn vốn và Thị trường tài chính

Năm 2023, hoạt động NV&TTTC đã thành công trong việc đảm bảo cân đối, thanh khoản cho toàn Ngân hàng. Với quan điểm chú trọng đầu tư an toàn và tối ưu bằng cân đối, hoạt động NV&TTTC tiếp tục đạt được kết quả kinh doanh tích cực với tổng thu nhập hoạt động thuần (TOI) tăng trưởng 164% so với năm 2022. Trong đó, hoạt động kinh doanh lãi suất và hoạt động kinh doanh ngoại hối là điểm sáng với mức TOI vượt lần lượt 65% và 40% so với kế hoạch được giao. Các quan hệ định chế tài chính, quan hệ hạn mức tiếp tục được duy trì và mở rộng. Đồng thời, tháng 11/2023, NCB mở mới thành công tài khoản Nostro USD tại Mỹ, tạo tiền đề tăng trưởng khối lượng giao dịch kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm chuyển tiền quốc tế dành cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp.

Về hoạt động cung ứng ngoại hối và sản phẩm thị trường tài chính, NCB đã cung cấp các dịch vụ, sản phẩm ngoại hối chất lượng cho KHCN và KHDN. Doanh số mua bán ngoại tệ của NCB với khách hàng tiếp tục duy trì ổn định, cung cấp đa dạng các sản phẩm ngoại hối phục vụ thanh toán quốc tế, chuyển tiền định cư, du học, trợ cấp thân nhân... đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Hoạt động Quản lý Tín dụng

2023 là năm có nhiều khó khăn trong hoạt động tín dụng của NCB nói riêng và các ngân hàng nói chung khi tình hình kinh tế còn nhiều trở ngại về phát triển sản xuất, thương mại, lãi suất huy động và cho vay cao, tiêu dùng của nền kinh tế chững lại trong bối cảnh nguồn thu của các doanh nghiệp và cá nhân bị thu hẹp, việc làm chưa thực sự phục hồi sau ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid kéo dài.

Trong bối cảnh khó khăn chung đó của thị trường, danh mục chất lượng nợ tín dụng tại NCB ở mức độ đáng báo động, đòi hỏi hoạt động quản lý tín dụng phải thay đổi để đảm bảo được chất lượng danh mục tín dụng mới cấp, đồng thời tăng cường công tác rà soát các khoản vay hiện hữu, đồng hành cùng với khách hàng để tìm giải pháp tài chính phù hợp với từng đối tượng, phân khúc. Vì vậy, các hoạt động quản lý tín dụng của NCB trong năm 2023 tập trung vào các mảng sau:



- **Cải tiến quy trình phê duyệt cấp tín dụng, chuyển từ phê duyệt phân tán tại các đơn vị kinh doanh sang phê duyệt tập trung tại Hội sở:** Theo quy trình được cải tiến, các đơn vị kinh doanh chỉ giữ vai trò tìm kiếm khách hàng và đề xuất các phương án cấp tín dụng, hoạt động thẩm định và phê duyệt tín dụng tập trung xử lý tại Hội sở để nâng cao chất lượng tín dụng (áp dụng từ tháng 8/2023 đối với phân khúc KHCN và từ tháng 12/2023 với phân khúc KHDN). Việc tập trung hoạt động thẩm định và phê duyệt đã cho thấy hiệu quả tích cực trong công tác chọn lọc khách hàng cấp tín dụng, đặc biệt là phân khúc khách hàng bán lẻ và thẻ tín dụng.



- **Xây dựng bộ chỉ số cảnh báo với khách hàng có tiềm ẩn rủi ro tín dụng:** Để có biện pháp ngăn chặn sớm các đối tượng khách hàng/nhóm khách hàng có khả năng chuyển nhóm nợ cao.



- **Rút ngắn thời gian ra quyết định và đơn giản hóa hồ sơ để nâng cao chất lượng dịch vụ:** Thời gian ra quyết định cấp tín dụng được cải thiện theo hướng nhanh chóng hơn, các hồ sơ được đơn giản hóa theo từng phân khúc khách hàng. Điều này góp phần nâng cao tính hiệu quả trong công tác thẩm định, phê duyệt, rút ngắn thời gian chờ đợi và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.



- **Ứng dụng công nghệ trong công tác phê duyệt cấp tín dụng:** Hệ thống của NCB cho phép tự phân tích các chỉ số thẩm định tín dụng và gợi ý kết quả phê duyệt tín dụng cho một số sản phẩm cốt lõi của NCB, hướng đến mục tiêu phê duyệt nhanh, chất lượng, hiệu quả.



- **Cải tiến công tác định giá tài sản đảm bảo cho khoản cấp tín dụng** được coi là một trong các nhiệm vụ trọng tâm, theo đó NCB ưu tiên cấp tín dụng với điều kiện tốt hơn cho các khách hàng có tài sản đảm bảo tốt. Song song với việc cải tiến quy trình, trong năm 2023 NCB thực hiện xây dựng hệ thống quản lý thẩm định tài sản đảm bảo (Flex Valuation) và áp dụng khung giá tài sản đảm bảo với từng loại tài sản, vị trí vùng miền để tốc độ, chất lượng định giá TSBĐ được nâng cao theo hướng chính xác và cạnh tranh nhất. Hệ thống chính thức go-live vào tháng 3/2024.



- **Xây dựng và triển khai cơ chế rà soát hoạt động cấp tín dụng theo định kỳ hàng tháng và thường xuyên:** Công tác rà soát việc tuân thủ các điều kiện phê duyệt áp dụng cho từng khách hàng trước và sau giải ngân được chú trọng thực hiện thường xuyên để phát hiện sớm các rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng và có biện pháp phòng ngừa kịp thời.

Với những tiền đề được xây dựng và phát triển trong năm 2023, hoạt động thẩm định, phê duyệt tín dụng, thẩm định tài sản đảm bảo và quản lý danh mục tín dụng đã phát triển theo hướng tích cực, chất lượng được cải thiện, trong đó nền tảng phát triển hệ thống công nghệ là công cụ hỗ trợ trọng tâm cho việc nâng cao chất lượng hoạt động cấp tín dụng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

Tình hình Quản trị rủi ro

NCB thực hiện quản trị rủi ro trên nguyên tắc cân bằng tối ưu giữa tính độc lập, khách quan, mức độ rủi ro, kiểm soát rủi ro và hỗ trợ kinh doanh. Trong năm 2023, Ngân hàng đã xây dựng lộ trình kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu tuân thủ theo quy định NHNN và hướng tới thông lệ tiên tiến; tăng cường năng lực quản trị rủi ro gắn liền với mô hình, công cụ, dữ liệu.

Ngoài ra, khung văn bản quản trị rủi ro của NCB tiếp tục được hoàn thiện hướng đến việc nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát toàn diện, hiệu quả các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của NCB.



Rủi ro thị trường và thanh khoản



Rủi ro thị trường thanh khoản là một trong những rủi ro trọng yếu của NCB, không chỉ xuất phát từ nội tại, mà cả từ các ảnh hưởng thị trường bất lợi. Trong giai đoạn nền kinh tế gặp nhiều biến động, xuất hiện thông tin tiêu cực từ thị trường tiền tệ (trái phiếu, khủng hoảng SCB...), trong năm 2023, NCB nâng cao công tác giám sát, dự phòng và cảnh báo sớm đối với rủi ro thanh khoản, thị trường, cụ thể như sau:

- Theo dõi, cập nhật và thường xuyên đánh giá tất cả các sự kiện xảy ra trong và ngoài NCB có ảnh hưởng tới NCB;
- Duy trì tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đáp ứng nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và khi có diễn biến bất lợi;
- Thiết lập các hạn mức cảnh báo sớm đối với các chỉ số thanh khoản, như: Tỷ lệ dự trữ thanh khoản, GAP thanh khoản 30 ngày, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, tỷ lệ cho vay trên huy động... từ đó chủ động trong công tác quản trị rủi ro thanh khoản;
- Thiết lập các hạn mức theo dõi thị trường (PVO1, cut loss, HM rủi ro tập trung đối tác, loại tiền...) trên cơ sở xây dựng các công cụ đo lường, định giá mark to market danh mục trading;
- Thực hiện tính toán, đo lường vốn cho rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất số ngân hàng, kiện toàn theo chuẩn mực Basel II;
- Công tác Quản trị rủi ro thị trường thanh khoản được giám sát và quản lý liên tục, chặt chẽ và thường xuyên từ Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (ALCO), theo đó Hội đồng ALCO đề xuất các chính sách để kiểm soát rủi ro thanh khoản, trong các trường hợp cần thiết có thể đề xuất điều chỉnh kế hoạch kinh doanh để giữ vững an toàn thanh khoản.

Rủi ro tín dụng



Theo chiến lược tổng thể 2023-2027 của NCB, trong năm 2023, công tác quản trị rủi ro tín dụng đã tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện các chính sách, quy định nội bộ nhằm củng cố năng lực tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định của NHNN liên quan đến hoạt động cấp tín dụng.

Kiên định với cam kết liên tục cải tiến, bộ phận quản trị rủi ro tín dụng đã thiết kế lại bộ máy phê duyệt cấp tín dụng, bộ máy phê duyệt xử lý rủi ro, xử lý nợ nhằm đảm bảo hiệu quả trong vận hành và ưu tiên nâng cao trải nghiệm khách hàng. Lộ trình phê duyệt tín dụng tập trung triển khai theo từng phân khúc và tiến tới hoàn thành vào quý I/2024.

Ngân hàng cũng đã xác định được mức độ trưởng thành của hệ thống kiểm soát nội bộ, đồng thời xây dựng lộ trình từ nay đến hết năm 2025 với các tiểu dự án thành phần, nhằm đạt được mức trưởng thành mục tiêu theo lộ trình 02 giai đoạn gồm: Đáp ứng yêu cầu tuân thủ và thiết yếu – Hướng tới thông lệ tiên tiến.

NCB tiếp tục triển khai các dự án xây dựng mô hình, công cụ đo lường rủi ro để kết nối giữa mục tiêu kinh doanh và mục tiêu quản trị, đảm bảo phục vụ khách hàng hiệu quả hơn trong quá trình cấp tín dụng. NCB triển khai dự án kết nối host-to-host với CIC và PCB, nhằm tối ưu hoá quá trình cung cấp và sử dụng dữ liệu thông tin tín dụng khách hàng trong quá trình ra quyết định cấp tín dụng.

Công tác báo cáo rủi ro tín dụng được thực hiện định kỳ trên phạm vi toàn hệ thống nhằm phân tích, đánh giá tổng thể các rủi ro tín dụng theo các giới hạn/hạn mức rủi ro tín dụng, quản lý danh mục tín dụng. Từ đó, làm cơ sở điều chỉnh các chính sách, sản phẩm, nhằm điều hành hoạt động tín dụng kịp thời, hiệu quả.

Rủi ro hoạt động



Rủi ro hoạt động là rủi ro phát sinh từ các quy trình nội bộ, yếu tố con người, các lỗi/sự cố của hệ thống hoặc từ các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với NCB (bao gồm cả rủi ro pháp lý), không bao gồm rủi ro chiến lược và rủi ro danh tiếng. Để quản lý rủi ro hoạt động, năm 2023, NCB tiếp tục:

- Tăng cường thu thập các sự kiện, dữ liệu rủi ro và phân loại theo các nhóm theo quy định tại Thông tư 13/2018/TTNHNN để xây dựng bộ dữ liệu về rủi ro hoạt động làm xương sống cho công tác quản lý rủi ro hoạt động;
- Triển khai các công cụ đánh giá rủi ro các chốt kiểm soát;
- Thu thập báo cáo tự đánh giá rủi ro hoạt động và an toàn của các đơn vị theo dõi các chỉ số rủi ro chính;
- NCB chú trọng đánh giá và kiểm soát rủi ro hoạt động trong tất cả các sản phẩm mới hoạt động trong thị trường mới;
- Theo dõi, đánh giá khả năng duy trì hoạt động ổn định trước nguy cơ phát sinh rủi ro hoạt động trong ứng dụng công nghệ;
- Thiết lập văn hóa quản trị rủi ro trên toàn hệ thống, mỗi cán bộ nhân viên đã nhận thức được các rủi ro phải đối mặt và cách thức tự đánh giá kiểm soát rủi ro trong hoạt động tác nghiệp hàng ngày. Định kỳ hàng tháng, các bản tin cảnh báo về rủi ro hoạt động đều được tuyên truyền, phổ biến trên toàn hệ thống làm bài học kinh nghiệm, từng bước xây dựng văn hóa quản trị rủi ro, văn hóa tuân thủ;
- Triển khai Dự án phòng chống gian lận, làm cơ sở tăng cường giám sát và cảnh báo từ Hội sở đối với các rủi ro gian lận phát sinh trong hoạt động ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)



Hoạt động của các công ty con trực thuộc

AMC là Công ty do NCB sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực Quản lý nợ và Khai thác tài sản. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid19, năm 2023, mặc dù Công ty AMC đã rất nỗ lực cố gắng thực hiện những kế hoạch kinh doanh mới, cơ cấu lại tổ chức, đề ra mục tiêu kinh doanh mũi nhọn, song, chúng tôi vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Dưới đây là một số các chỉ tiêu tài chính chúng tôi đã đạt được trong năm qua:

	NĂM 2023
Tổng giá trị Tài sản	217.133
Doanh thu thuần	29.078
Lợi nhuận trước thuế	(10.023)

Đơn vị tính: Tỷ đồng



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Số nhân sự có trình độ từ Đại học trở lên:

(1.716/1.954) đạt tỷ lệ 88%

Ngày 31/12/2023: 1.954 người

	BỘ PHẬN TÁC NGHIỆP (BACK OFFICE)	BỘ PHẬN KINH DOANH (FRONT OFFICE)	BỘ PHẬN QUẢN LÝ RỦI RO (MIDDLE OFFICE)	TỔNG CỘNG
Cán bộ nhân viên	114	891	393	1.398
Cán bộ quản lý	72	383	101	556
Tổng	186	1.274	494	1.954

Năm 2023, NCB đã thực hiện điều chỉnh cơ cấu tổ chức của các đơn vị chuyên môn và tinh gọn đội ngũ kinh doanh nhằm đảm bảo hiệu quả và tối ưu nguồn lực. Đồng thời, các chính sách quản trị, vận hành cũng được xây dựng phù hợp với định hướng mới và mục tiêu đề ra.

Song song với việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức, năm 2023, NCB tập trung xây dựng chiến lược phát triển nhân sự dài hạn và toàn diện; tối ưu bộ máy tổ chức, đánh giá khung năng lực và xây dựng kế hoạch đào tạo nhằm phát triển chuyên môn nghiệp vụ; chuyển đổi số trong công tác quản trị nhân sự; rà soát, nâng cao chính sách phúc lợi; phát triển văn hóa doanh nghiệp, xây dựng thương hiệu trên thị trường.

NCB không ngừng củng cố đội ngũ điều hành, nâng cao chất lượng nhân sự, thể hiện nỗ lực và quyết tâm của ngân hàng trong việc tăng cường nguồn lực đáp ứng nhu cầu phát triển nhanh, mạnh trong giai đoạn mới. Đặc biệt, đội ngũ lãnh đạo cấp cao của NCB được củng cố, bộ máy BDH được kiện toàn hứa hẹn giúp NCB có những bước chuyển mình mạnh mẽ trong thời gian tới.

Các chính sách nhân sự mới cũng được triển khai hàng loạt, đưa NCB trở thành “Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2023”

Đến nay, NCB là một trong những ngân hàng sở hữu đội ngũ nhân sự, đặc biệt là nhân sự cao cấp giàu kinh nghiệm, năng lực chuyên môn và năng lực quản lý trên thị trường Tài chính – Ngân hàng. Việc bổ sung nhân sự cao cấp có kiến thức sâu rộng và giàu kinh nghiệm, nhiệt huyết trong lĩnh vực nhân sự tiếp tục thể hiện sự quyết tâm và bài bản của NCB trong việc tái cơ cấu toàn diện và triển khai chiến lược phát triển mới từ năm 2024 và các năm tiếp theo. Các chính sách nhân sự mới cũng được triển khai hàng loạt, đưa NCB trở thành “Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2023” do HR Asia - Tạp chí Nhân sự cấp cao hàng đầu châu Á xếp hạng.

Công tác đào tạo luôn được chú trọng tại NCB. Với mục tiêu phát triển đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, đáp ứng chiến lược phát triển mới, các chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng chuyên sâu hơn, gắn liền với Khung năng lực cốt lõi, Khung năng lực Lãnh đạo đã ban hành. Hoạt động đào tạo không chỉ cung cấp lý thuyết mà hướng tới chuyển đổi tư duy cho CBNV. Các chương trình đào tạo đa dạng và chất lượng đã được triển khai, tạo cơ hội phát triển và tiến bộ trong sự nghiệp cho CBNV NCB.

Trong năm 2023, NCB đã tổ chức hơn 90 chuyên đề, 257 lớp học với 12.893 lượt CBNV tham gia đào tạo. Điểm đánh giá chất lượng giảng viên đạt 4.60/5 điểm (tăng 0,3 điểm so với năm 2022). Nhiều đề tài đào tạo mới như Lấy khách hàng làm trung tâm, Dịch vụ nội bộ tận tâm, Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ mới, Xây dựng và phát triển đội nhóm hoàn thành mục tiêu, Phương pháp huấn luyện nhân viên hiệu quả, Tuân thủ nội quy lao động và hạn chế rủi ro, Các chuyên đề về pháp luật, Workshop “Tăng giải ngân và quản trị nợ”, Kỹ năng bán hàng chủ

động... nhận được đánh giá tích cực từ các học viên tham gia. Thông qua đánh giá năng lực cốt lõi, năng lực lãnh đạo định kỳ hằng năm, CBNV sẽ nhận được khuyến nghị về các điểm mạnh, điểm cần cải thiện và các nội dung học tập phù hợp.

Bên cạnh việc đầu tư cho nội dung đào tạo, NCB chú trọng đa dạng hóa hình thức triển khai và linh hoạt hóa thời gian học tập để đáp ứng nhu cầu đa dạng của CBNV như: Kết hợp đào tạo trên hệ thống E-learning, tăng cường các chương trình có thời lượng ngắn (Microlearning); Blended learning (Kết hợp giữa đào tạo trực tiếp và trực tuyến); Học tập thông qua các cuộc thi; Ghép cặp...

Nhờ đó, CBNV có thể chủ động lựa chọn chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu và khả năng của bản thân, đảm bảo việc học tập hiệu quả và không ảnh hưởng đến công việc. Qua đó, NCB đảm bảo sự phát triển cá nhân cho CBNV và nâng cao vị thế của mình trên thị trường lao động.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày bản báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập

Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp.

Vào ngày 06 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giấy phép số 12/GP-NHNN thay thế cho giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995.

Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995) và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 02 tháng 8 năm 2023.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ công ty Con là Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty Con này hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 06/6/2023) với mức vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Ngân hàng theo giấy đăng ký kinh doanh là: 5.601.555 triệu đồng.

Hoạt động chính của Ngân Hàng

01

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;

02

Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;

03

Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;

04

Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;

05

Góp vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;

06

Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;

07

Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

Mã chứng khoán niêm yết: NVB

Trụ sở chính của Ngân hàng

Trụ sở chính của Ngân hàng: số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 22 chi nhánh, 54 phòng giao dịch.
Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Ngân hàng có 01 công ty Con.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH (Tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Chủ tịch	29/07/2021	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	29/07/2021	18/11/2023
Bà Hoàng Thu Trang	Thành viên	18/06/2022	
	Phó Chủ tịch	18/11/2023	
Ông Dương Thế Bằng	Thành viên	18/11/2023	
Bà Nguyễn Thị Hải Hòa	Thành viên	18/11/2023	
Bà Trương Lệ Hiền	Thành viên	29/07/2021	18/11/2023
Bà Trịnh Thanh Mai	Thành viên độc lập	18/06/2022	
BAN KIỂM SOÁT			
Bà Đỗ Thị Đức Minh	Trưởng ban	08/04/2023	
Bà Trần Thị Hà Giang	Trưởng ban	26/04/2018	08/04/2023
Bà Vũ Kim Phượng	Thành viên	24/04/2015	
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên	08/04/2023	
Bà Trần Thị Minh Huệ	Thành viên	26/06/2020	08/04/2023

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

		NGÀY BỔ NHIỆM	NGÀY MIỄN NHIỆM
	Tổng Giám đốc	27/06/2023	
Ông Tạ Kiều Hưng	Quyền Tổng Giám đốc	21/04/2023	27/06/2023
	Phó Tổng Giám đốc	08/12/2022	21/04/2023
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	13/05/2022	21/04/2023
Bà Hoàng Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	03/08/2021	18/11/2023
Ông Nguyễn Đức Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	12/09/2022	02/06/2023
Bà Phạm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc	14/11/2022	
Bà Đỗ Thị Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc	08/12/2022	07/04/2023
Bà Võ Thị Thùy Dương	Phó Tổng Giám đốc	19/02/2024	
Bà Bùi Thị Khánh Vân	Kế toán trưởng	02/12/2022	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là Bà Bùi Thị Thanh Hương - Chủ tịch HĐQT.

Theo giấy ủy quyền số 55/2023/QĐUQ-CTHĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2023, Bà Bùi Thị Thanh Hương đã ủy quyền cho Ông Tạ Kiều Hưng - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC (MOORE AISC) được chỉ định là kiểm toán viên năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH (Tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc

Tạ Kiều Hưng

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: A06.23.279-HN/MOORE AISC-DN1

KÍNH GỬI:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC DÂN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (“Ngân hàng”), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH (Tiếp theo)

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Số: A06.23.279-HN/MOORE AISC-DN1

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận kết luận kiểm toán nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến các chính sách đặc biệt mà Ngân hàng đang áp dụng trong thời gian thực hiện tái cấu trúc như sau:

- Thuyết minh mục IV.6 về chính sách kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ - chi tiết về phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; mục IV.16 về vốn chủ sở hữu - khoản lợi nhuận chưa phân phối của bản thuyết minh báo cáo tài chính sẽ được thực hiện theo Phương án cơ cấu lại của Ngân hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vào ngày 27 tháng 12 năm 2019. Theo đó, việc phân loại nợ vay; trích lập dự phòng cụ thể, dự phòng đầu tư của các khách hàng cũ; và các khoản khác trước giai đoạn tái cấu trúc sẽ được xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng đến năm 2028.



- Thuyết minh mục IV.7.2 đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, khoản dự phòng sẽ được trích lập trong 10 năm theo năng lực tài chính từ năm 2019 đến năm 2028 theo phương án cơ cấu lại đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Thuyết minh mục IV.6 về chính sách kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ; việc bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), các công ty mua bán nợ và các tổ chức khác sẽ được thực hiện theo Nghị Quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng như sau: Việc ghi nhận các khoản chênh lệch giữa giá bán nợ với giá gốc, thoái lãi dự thu của các khoản nợ đã bán trước ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh với mức tối thiểu bằng với chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh của năm.
- Thuyết minh V.6 - Góp vốn, đầu tư dài hạn, Ngân hàng đã trích lập dự phòng một phần dựa trên các báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các đơn vị nhận đầu tư và theo năng lực tài chính hiện tại của Ngân hàng.
- Các khoản phải thu từ hoạt động bán nợ (thuyết minh V.4 và V.9.2), Ngân hàng đã thực hiện việc nhận thêm tài sản đảm bảo từ bên thứ ba nhằm đảm bảo cho việc tuân thủ trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động này. Trong phương án cơ cấu lại của Ngân hàng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt vào ngày 27 tháng 12 năm 2019, các khoản này sẽ thực hiện thu hồi theo lộ trình và xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng. Các khoản này đã được báo cáo định kỳ đến các cơ quan có thẩm quyền. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023, một số khoản bán nợ cho các tổ chức mua bán nợ đã được Ngân hàng cơ cấu lại, xây dựng kế hoạch thu hồi, xử lý và cập nhật tại Phương án cơ cấu lại điều chỉnh phù hợp với quyết định 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 về việc cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
- Khoản phải thu, lãi và phí phải thu thuộc tài sản có khác trình bày tại thuyết minh V.9, Ngân hàng đã có báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền và xây dựng lộ trình thoái thu trong phương án cơ cấu lại gần giai đoạn 2023 - 2025 và định hướng đến năm 2030. Bên cạnh đó, Ngân hàng đang thực hiện việc ký các thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần cho các đối tác liên quan đến tài sản gán nợ chờ xử lý.

Nội dung cơ bản của phương án cơ cấu lại của Ngân hàng đang được thể hiện tại mục VIII.32 Thông tin khác - Thuyết minh các báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC



Nguyễn Văn Tuyên
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0111-2023-005-1

Đỗ Thị Hằng
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4226-2023-005-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số: B02/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	248.513	384.031
II. Tiền gửi tại Ngân hàng nhà nước	V.02	2.287.057	3.749.729
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	8.460.903	11.658.654
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		8.460.903	11.658.654
2. Cho vay các TCTD khác		-	-
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	223.373
VI. Cho vay khách hàng		54.266.164	46.762.611
1. Cho vay khách hàng	V.04.1	55.344.259	47.722.273
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.04.2	(1.078.095)	(959.662)
VII. Hoạt động mua nợ		-	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.05	13.111.761	11.452.483
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		7.736.856	5.934.530
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		5.652.828	5.949.596
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(277.923)	(431.643)

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.06	654.682	654.682
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		719.600	719.600
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(64.918)	(64.918)
IX. Tài sản cố định		785.746	743.115
1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	171.708	164.854
a. Nguyên giá tài sản cố định		362.648	382.055
b. Hao mòn tài sản cố định		(191.940)	(217.201)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.08	614.038	578.261
a. Nguyên giá tài sản cố định		735.147	678.926
b. Hao mòn tài sản cố định		(121.109)	(100.665)
X. Bất động sản đầu tư		-	-
XI. Tài sản có khác	V.9	16.434.673	14.218.564
1. Các khoản phải thu	V.9.1, 2	10.601.989	10.646.522
2. Các khoản lãi, phí phải thu		3.569.597	1.513.406
3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.9.3	2.482.357	2.258.636
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.9.4	(219.270)	(200.000)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		96.249.499	89.847.242

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH (Tiếp theo)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số: B02/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước			
		-	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác			
V.10		9.030.301	8.517.244
1. Tiền gửi của các TCTD khác		9.030.301	8.517.244
2. Vay các TCTD khác		-	-
III. Tiền gửi của khách hàng			
V.11		76.850.214	71.350.329
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			
		26.407	-
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro			
V.12		16.658	22.240
VI. Phát hành giấy tờ có giá			
V.13		3.166.906	1.996.755
VII. Các khoản nợ khác			
V.14		2.064.341	2.196.446
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.806.629	1.531.335
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		257.712	665.111
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		91.154.827	84.083.014
VIII. Vốn và các quỹ			
V.15		5.094.672	5.764.228
1. Vốn của TCTD		5.571.911	5.571.911
a. Vốn điều lệ		5.601.555	5.601.555
b. Vốn đầu tư XDCB		-	-
c. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d. Cổ phiếu quỹ		(29.644)	(29.644)

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
2. Quỹ của TCTD		157.516	157.516
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		(634.755)	34.801
Lợi nhuận / (lỗ) năm nay		(669.556)	8
Lợi nhuận / (lỗ) năm trước		34.801	34.793
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		96.249.499	89.847.242

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023	01/01/2023
1. Bảo lãnh vay vốn	VIII.28	28.644	28.644
2. Cam kết giao dịch hối đoái	VIII.28	4.438.665	10.526.850
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		-	-
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		72.765	-
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		4.365.900	10.526.850
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không hủy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	VIII.28	417.270	262.005
5. Bảo lãnh khác	VIII.28	2.871.193	3.582.868
6. Các cam kết khác	VIII.28	4.442.664	714.478
7. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được		10.090.644	5.929.940
8. Nợ khó đòi đã xử lý		978.304	167.574
9. Tài sản và chứng từ khác		23.992.325	2.567.183

Người lập bảng



Đỗ Quỳnh Trang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Khánh Vân

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Tạ Kiều Hưng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH (Tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số: B03/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.16	6.433.619	4.763.294
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.17	5.976.390	3.831.517
I. Thu nhập lãi thuần		457.229	931.777
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		102.350	275.030
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		68.832	142.188
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.18	33.518	132.842
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.19	202.454	83.813
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.20	160.484	166.748
5. Thu nhập từ hoạt động khác		82.286	59.238
6. Chi phí hoạt động khác		216.819	37.424
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.21	(134.533)	21.814
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
VIII. Chi phí hoạt động	VI.22	1.238.721	1.027.681
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(519.569)	309.313
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		146.950	268.075
X.2 Các khoản xử lý theo phương án cơ cấu lại NH		-	40.000
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		(666.519)	1.238
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		3.037	1.230
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.23	3.037	1.230
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		(669.556)	8
XIV. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu)	VI.15.2	(1.202)	0,02

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Đỗ Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Bùi Thị Khánh Vân

Tổng Giám đốc

Tạ Kiều Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp) Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số: B04/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.379.491	5.228.334
02. Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự đã trả		(5.803.178)	(3.858.637)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		33.728	132.842
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		362.938	250.561
05. Thu nhập khác		(24.558)	35.742
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		239	9.080
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(880.281)	(1.012.121)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm		(3.907)	(1.691)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		(1.935.528)	784.110
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		-	136.554
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(1.505.558)	(1.370.201)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		223.373	(223.373)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(7.621.986)	(6.107.254)
13. (Tăng)/Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý bù đắp tổn thất các khoản		(192.553)	(28)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(445.347)	1.271.952
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		-	(1.778)
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		513.057	7.907.949

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN, GIẢI TRÌNH CỦA BĐH (Tiếp theo)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp) Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu số: B04/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2024
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng		5.499.885	6.830.236
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		1.170.151	(16.426)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(5.582)	(21.444)
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		26.407	(39.179)
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		(406.392)	(58.673)
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.680.073)	9.092.445
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(105.463)	(73.726)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.370	185
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(11.775)	(53)
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		(115.868)	(73.594)

Mẫu số: B04/TCTD-HN

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	THUYẾT MINH	NĂM 2023	NĂM 2022
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	1.500.000
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	1.500.000
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.795.941)	10.518.851
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		15.792.414	5.273.563
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.24	10.996.473	15.792.414

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng



Đỗ Quỳnh Trang

Kế toán trưởng



Bùi Thị Khánh Vân

Tổng Giám đốc



Tạ Kiều Hưng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

I. Đặc điểm hoạt động của tổ chức tín dụng

1. Giấy phép thành lập và hoạt động, thời hạn có giá trị

Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCP Nông thôn Sông Kiên được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Vào ngày 06 tháng 5 năm 2014, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt. Ngày 10 tháng 3 năm 2023, Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giấy phép số 12/GP-NHNN thay thế cho giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995) và đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 02 tháng 8 năm 2023.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ công ty Con là Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty Con này hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 06/6/2023) với mức vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

2. Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần

3. Hoạt động chính của ngân hàng

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Góp vốn liên doanh & mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

4. Trụ sở chính:

Trụ sở chính của Ngân hàng: số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.
Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ của Ngân hàng theo giấy đăng ký kinh doanh là: 5.601.555 triệu đồng. Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 01 Hội sở chính, 22 chi nhánh, 54 phòng giao dịch. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam.

5. Công ty con được hợp nhất:

Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 06/6/2023) với tỷ lệ góp vốn của Ngân hàng là 100%.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty con là tiếp nhận, quản lý các khoản tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

6. Tổng số cán bộ, công nhân viên đến ngày 31/12/2023: 1.973 người (Tổng số nhân viên đến ngày 31/12/2022: 2.130 người).

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng tại ngân hàng

Báo cáo về tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) hoặc các quy định hiện hành:

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng kèm theo được lập theo quy ước giá gốc và phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước Việt Nam. Do đó, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước ngoài phạm vi Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với thông lệ tại các nước khác.

Chế độ và hình thức kế toán áp dụng:

Ngân hàng áp dụng chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng theo quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN, ngày 18/4/2007, thông tư 10/2014/TT-NHNN ngày 20/03/2014, thông tư 49/2014/TT-NHNN ngày 31/12/2014, thông tư 22/2017/TT-NHNN ngày 29/12/2017 và thông tư 27/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng

(*) Chính sách kế toán đối với một số khoản mục theo Phương án cơ cấu lại đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt

Ngân hàng đang thực hiện một số chính sách kế toán dựa trên Phương án cơ cấu lại đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phê duyệt theo “Quyết định phê duyệt mục tiêu, định hướng, giải pháp và lộ trình thực hiện Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2019-2020, tầm nhìn đến 2028 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc Dân” được trình bày tại khoản 6, 7, 8 của mục này.

1. Chuyển đổi tiền tệ

Tỷ giá sử dụng để hạch toán các nghiệp vụ mua, bán ngoại tệ/vàng là tỷ giá mua, bán thực tế tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để hạch toán các nghiệp vụ khác về ngoại tệ để chuyển đổi ra đồng Việt Nam: là tỷ giá bình quân mua và bán chuyển khoản giao ngay của đồng ngoại tệ đó tại ngày phát sinh giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao ngay tại thời điểm cuối ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo, nếu tỷ giá này nhỏ hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo. Nếu tỷ giá này lớn hơn 1% so với tỷ giá bình quân gia quyền mua và bán của ngày làm việc cuối cùng của kỳ báo cáo thì lấy tỷ giá bình quân gia quyền mua bán này.

Tỷ giá quy đổi tại ngày 31/12/2023

24.255 VND/USD	172 VND/JPY	707 VND/THB
18.281 VND/CAD	16.496 VND/AUD	
26.778 VND/EUR	18.398 VND/SGD	
30.870 VND/GBP	28.836 VND/CHF	

2. Nguyên tắc thực hiện hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con là những công ty mà Ngân hàng có quyền quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất vào báo cáo Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát các công ty con và sẽ không được hợp nhất từ ngày Ngân hàng không còn kiểm soát các công ty con này.

Ngân hàng hạch toán việc hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua. Giá phí mua bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản, các công cụ vốn do bên mua phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua công ty con.

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện cụ thể sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

3. Công cụ tài chính phái sinh và kế toán phòng ngừa rủi ro

Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị hợp đồng vào ngày giao dịch, và sau đó được đánh giá lại theo tỷ giá vào ngày cuối tháng. Lợi nhuận hoặc lỗ khi các công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động. Lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên bảng cân đối kế toán vào cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động vào thời điểm cuối kỳ báo cáo.

4. Kế toán thu nhập lãi, chi phí lãi và ngừng dự thu lãi

Ngân hàng ghi nhận thu nhập lãi và chi phí lãi theo phương pháp trích trước. Lãi của các khoản cho vay quá hạn không được ghi dự thu mà được ghi nhận trên cơ sở thực thu. Khi một khoản cho vay trở thành quá hạn thì số lãi trích trước được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản cho vay quá hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi thu được.

5. Kế toán các khoản thu từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ, phí từ các khoản bảo lãnh và thu khác về dịch vụ.

6. Kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng. Các khoản vay ngắn hạn có kỳ hạn đến 01 năm. Các khoản vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 01 năm đến 05 năm và các khoản vay dài hạn có kỳ hạn trên 05 năm.

Phân loại nợ và dự phòng rủi ro tín dụng

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 được áp dụng với các tài sản Có (gọi tắt là “nợ”) bao gồm:

- Cho vay;
- Cho thuê tài chính;
- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
- Bao thanh toán;
- Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng;
- Trả thay theo cam kết ngoại bảng;
- Mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do tổ chức tín dụng khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom (sau đây gọi tắt là trái phiếu chưa niêm yết), không bao giờ mua trái phiếu chưa niêm yết bằng nguồn vốn mà bên ủy thác chịu rủi ro;
- Ủy thác cấp tín dụng;
- Gửi tiền (trừ tiền gửi thanh toán, tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước) về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại ngân hàng chính sách xã hội) tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và gửi tiền tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài;
- Mua, bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về hoạt động mua, bán nợ;
- Mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Mua kỳ phiếu, tín dụng, chứng chỉ tiền gửi do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành.

Các khoản nợ được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Nợ xấu là các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro vào thời điểm cuối mỗi tháng trong năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (Tiếp theo)

Ngân hàng thực hiện giữ nguyên nhóm nợ đối với một số khoản vay theo quy định tại Thông tư 14/2021/TT-NHNN ngày 07 tháng 9 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2020/TT-NHNN ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Thông tư số 03/2020/TT-NHNN ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và các văn bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro.

Ngân hàng áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 24 tháng 4 năm 2023 (“Thông tư 02”) do NHNN Việt Nam ban hành quy định về việc Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ các khách hàng gặp khó khăn. Theo đó, Ngân hàng xem xét thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc/hoặc lãi của các khoản nợ (bao gồm các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi bổ sung) trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và đáp ứng các quy định tại điều 4 Thông tư 02.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ được tính bằng giá trị còn lại của các khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được khấu trừ theo các tỷ lệ được quy định trong thông tư 11. Dự phòng cụ thể được trích lập dựa trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản nợ theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

NHÓM	PHÂN LOẠI NỢ	TỶ LỆ LẬP DỰ PHÒNG CỤ THỂ
Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Theo thông tư 11, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa được xác định trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, trừ các khoản sau đây:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng ở nước ngoài
- Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam.
- Khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước.
- Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ theo quy định tại điểm l khoản 1 Điều 1 Thông tư 11/2021/TT-NHNN.

Đối với các khoản nợ liên quan đến nhóm khách hàng là cổ đông cũ và một số khoản tín dụng thuộc nhóm nợ xấu trong giai đoạn trước khi tái cấu trúc, Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận phương án cơ cấu lại về việc được gia hạn thời gian xử lý theo lộ trình do Ngân hàng xây dựng đến hết năm 2028. Ngân hàng có báo cáo định kỳ gửi Ngân hàng Nhà nước về tiến độ thực hiện theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

Sử dụng dự phòng rủi ro

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động riêng và được sử dụng để xử lý các khoản nợ được phân loại vào nhóm 5, khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, các nhân bị chết hoặc mất tích và để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ theo quy định tại Điều 18 của thông tư 11/2021/TT-NHNN.

Bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”), các công ty mua bán nợ và các tổ chức khác

- Ngân hàng thực hiện việc bán nợ cho VAMC theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 18 tháng 5 năm 2013, Nghị định 34/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 3 năm 2015 sửa đổi và bổ sung một số điều của Nghị định 53/2013/NĐ-CP, thông tư 19/2013/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 06 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán, xử lý nợ xấu của Công ty quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam.

Trái phiếu đặc biệt phát hành bởi VAMC tương ứng với khoản nợ xấu mà Ngân hàng bán, được ghi nhận là chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn.

- Ngân hàng thực hiện việc bán nợ cho các công ty mua bán nợ và các tổ chức khác theo thông tư số 09/2015/TT-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 17 tháng 7 năm 2015.

Khoản chênh lệch giữa giá bán và giá trị sổ sách của các khoản nợ đã bán được theo dõi tại khoản phải thu khác và phân bổ vào kết quả hoạt động hàng năm với mức tối thiểu bằng với chênh lệch thu chi từ kết quả hoạt động năm theo Nghị Quyết của Quốc hội số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Thời hạn phân bổ tối đa không quá 10 năm.

Việc trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu đã bán này được trích lập dựa theo năng lực tài chính của Ngân hàng từ năm 2019 đến năm 2028 theo đề án cơ cấu lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ngân hàng có báo cáo định kỳ gửi Ngân hàng Nhà nước về tiến độ thực hiện theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

7. Kế toán các nghiệp vụ kinh doanh và đầu tư chứng khoán

7.1. Nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán được mua và nắm giữ cho mục đích kinh doanh trong ngắn hạn nhằm thu lợi từ việc chênh lệch giá.

Nguyên tắc ghi nhận giá trị chứng khoán kinh doanh: Chứng khoán kinh doanh ban đầu được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có). Sau đó, các chứng khoán này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động theo số thuần.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán kinh doanh giảm xuống thấp hơn giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (Tiếp theo)

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc giá bình quân tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết, nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch Upcom, giá thị trường là giá bình quân của thị trường Upcom tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch Upcom nhưng được tự do mua bán trên thị trường, giá thị trường là giá bình quân của các giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Đối với các loại chứng khoán nợ kinh doanh đã niêm yết, giá thị trường được xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thu nhập thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở thực thu.

7.2. Nghiệp vụ đầu tư chứng khoán

Chứng khoán đầu tư gồm các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn và các chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và Ban Tổng Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với khoản cho vay khách hàng như thuyết minh tại mục 5.

Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ hoặc khi có dấu hiệu sụt giảm giá trị theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích.

Trái phiếu đặc biệt cho VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng, và được ghi nhận là chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn.

Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và được phản ánh theo mệnh giá trừ đi dự phòng cụ thể trong thời gian nắm giữ.

Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt là giá trị tương ứng với giá trị ghi sổ dư nợ gốc của khoản nợ xấu sau khi khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Dự phòng cụ thể các trái phiếu đặc biệt được trích lập trong 10 năm theo năng lực tài chính từ năm 2019 đến năm 2028 theo đề án cơ cấu lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Ngân hàng có báo cáo định kỳ gửi Ngân hàng Nhà nước về tiến độ thực hiện theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán bất cứ lúc nào.

- Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được (giá thị trường) của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng chứng khoán vốn đầu tư sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh được nêu ở thuyết minh mục số 7.1.

Lãi hoặc lỗ từ chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động theo số thuần. Thu nhập lãi từ chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Ngân hàng nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá vốn tại thời điểm mua.

- Chứng khoán nợ

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được thực hiện theo chính sách áp dụng đối với khoản cho vay khách hàng như thuyết minh tại mục 6.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động của Ngân hàng theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó. Nếu chứng khoán được bán trước ngày đáo hạn thì giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội chưa phân bổ được ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động tại ngày bán.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (Tiếp theo)

8. Góp vốn, đầu tư dài hạn

8.1. Kế toán các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư với tỷ lệ thấp hơn hoặc bằng 11% phần vốn của các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng là cổ đông sáng lập, hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình thành lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia vào Hội đồng Quản trị hoặc Ban Điều hành. Các khoản đầu tư dài hạn ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với một số khoản đầu tư dài hạn khác, Ngân hàng có kế hoạch thoái vốn theo lộ trình đến năm 2028 theo phương án cơ cấu lại đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

8.2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn được lập khi Ngân hàng xác định được các tổ chức kinh tế mà Ngân hàng đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019. Theo đó, mức trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Ngân hàng so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

9. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

10. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Mua tài sản cố định vô hình riêng biệt

Nguyên giá tài sản cố định vô hình mua riêng biệt bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khi quyền sử dụng đất được mua cùng với nhà cửa, vật kiến trúc trên đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

11. Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Phần mềm kế toán	5 năm
TSCĐ khác	5 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao phù hợp với thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (Tiếp theo)

12. Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, kim loại quý và đá quý, tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại TCTD khác có thời hạn không quá 90 ngày kể từ ngày gửi, trái phiếu chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Ngân hàng có một nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; Có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Khi có nhiều nghĩa vụ nợ tương tự nhau thì khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán nghĩa vụ nợ được xác định thông qua việc xem xét toàn bộ nhóm nghĩa vụ nói chung. Dự phòng cũng được ghi nhận cho dù khả năng giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán từng nghĩa vụ nợ là rất nhỏ.

Dự phòng được tính ở giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ nợ với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định gồm tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ kế toán.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản, nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách Nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

15. Kế toán các khoản chi phí đi vay từ vốn vay, phát hành chứng khoán nợ, công cụ vốn

Chi phí đi vay là lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trả lãi trong kỳ, khi phát sinh liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay được tính trực tiếp vào giá trị của tài sản đó theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn điều lệ được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng cổ đông hoặc theo quy định trong điều lệ hoạt động của Ngân hàng. Vốn điều lệ được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Ngân hàng.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của Ngân hàng đã phát hành và được Ngân hàng mua lại. Khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, được giảm trừ vào vốn chủ sở hữu đến khi các cổ phiếu quỹ được hủy bỏ hoặc tái phát hành. Số tiền thu do tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tái phát hành hoặc bán cổ phiếu quỹ được tính vào phần vốn chủ sở hữu.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

Lợi nhuận chưa phân phối

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ngày 21 tháng 6 năm 2017 Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng. Nghị quyết này được thực hiện trong thời hạn 05 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành, gia hạn đến ngày 31/12/2023.

Ngân hàng đang sử dụng toàn bộ các khoản lợi nhuận trong năm để xử lý các khoản nợ xấu cũng như các khoản khác trong giai đoạn tái cấu trúc.

Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ được căn cứ vào điều lệ của Ngân hàng và tờ trình Hội đồng Quản trị được thông qua Đại hội đồng Cổ đông hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

IV. Chính sách kế toán áp dụng tại Ngân hàng (Tiếp theo)

17. Các hoạt động ủy thác chịu rủi ro của Tổ chức tín dụng

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác vốn để cho vay thay mặt cho tổ chức kinh tế hoặc tổ chức tín dụng khác. Giá trị vốn đầu tư bằng nguồn ủy thác và vốn nhận ủy thác được ghi nhận khi hợp đồng ủy thác đã được ký kết và vốn ủy thác đã được thực hiện. Các quyền lợi và nghĩa vụ của bên nhận ủy thác và bên ủy thác đối với lợi nhuận, phân chia lợi nhuận, phí ủy thác và các quyền lợi và nghĩa vụ khác được quy định trong hợp đồng ủy thác.

Các hoạt động nhận ủy thác của Ngân hàng bao gồm:

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng không chịu rủi ro

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ, nhận ủy thác đầu tư và cho vay không được xem là tài sản của Ngân hàng và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Các hoạt động nhận ủy thác Ngân hàng chịu rủi ro

Ngân hàng thực hiện các hoạt động nhận ủy thác cho vay để cho vay lại khách hàng. Ngân hàng ghi nhận dư nợ cho vay từ nguồn vốn nhận ủy thác vào khoản cho vay khách hàng. Chính sách kế toán đối với cho vay lại khách hàng được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, như đề cập tại thuyết minh mục số 6.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng sau khi trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát ngân hàng hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết của Ngân hàng mà có ảnh hưởng đáng kể đối với ngân hàng, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt bằng VND	224.404	328.825
Tiền mặt bằng ngoại tệ	24.109	55.206
Tổng cộng	248.513	384.031

2. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước	2.287.057	3.749.729
<i>Bằng VND</i>	<i>2.251.489</i>	<i>3.695.467</i>
<i>Bằng ngoại tệ</i>	<i>35.568</i>	<i>54.262</i>
Tổng cộng	2.287.057	3.749.729

Dự trữ bắt buộc phải được gửi tại NHNN Việt Nam. Số dư được tính trước cho 30 ngày, được điều chỉnh mỗi tháng 1 lần và được tính bằng 3% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn dưới một năm và 1% số dư bình quân tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một năm trở lên, bằng 8% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới một năm và 6% số dư bình quân tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ một năm trở lên, bằng 1% số dư bình quân tiền gửi bằng ngoại tệ của Ngân hàng ở nước ngoài, tất cả đều được tính trên số dư bình quân tiền gửi của tháng trước. Tài khoản tại NHNN Việt Nam còn bao gồm tiền gửi để thanh toán bù trừ và thanh toán khác.

3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

3.1. Tiền gửi tại các TCTD khác

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi không kỳ hạn	5.460.903	4.349.604
<i>Bằng VND</i>	<i>5.078.502</i>	<i>4.022.432</i>
<i>Bằng ngoại hối</i>	<i>382.401</i>	<i>327.172</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	3.000.000	7.309.050
<i>Bằng VND</i>	<i>3.000.000</i>	<i>7.050.000</i>
<i>Bằng ngoại hối</i>	<i>-</i>	<i>259.050</i>
Cộng	8.460.903	11.658.654
Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi các TCTD khác	31/12/2023	01/01/2023
- Nợ đủ tiêu chuẩn	8.460.903	11.658.654
Tổng cộng	55.344.259	47.722.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán (Tiếp theo)

4.1 Cho vay khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	55.298.120	47.715.077
Các khoản trả thay cho khách hàng	42.739	-
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	3.400	7.196
Tổng cộng	55.344.259	47.722.273

4.1a Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2023	01/01/2023
Nợ đủ tiêu chuẩn	36.737.199	36.546.154
Nợ cần chú ý	2.138.081	2.619.629
Nợ dưới tiêu chuẩn	276.539	1.027.743
Nợ nghi ngờ	2.527.379	4.248.162
Nợ có khả năng mất vốn	13.665.061	3.280.585
Tổng cộng	55.344.259	47.722.273

4.1b Phân tích dư nợ theo thời gian

	31/12/2023	01/01/2023
Nợ ngắn hạn	20.767.054	15.945.165
Nợ trung hạn	21.059.422	16.597.448
Nợ dài hạn	13.517.783	15.179.660
Tổng cộng	55.344.259	47.722.273

4.1c Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2023	01/01/2023
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	312.596	393.440
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.044.725	3.680.292
Xây dựng	22.482.468	15.748.198
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	3.492.150	1.072.292
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	719.091	425.432
Thông tin và truyền thông	798.752	303.124
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	100.000	631.293
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.474.320	1.366.542
Hoạt động dịch vụ khác	28.023	1.406.270
Các ngành khác	3.975.051	798.657
Cá nhân	18.917.083	21.896.733
Tổng cộng	55.344.259	47.722.273

4.2 Đối với sự thay đổi (tăng/giảm) của Dự phòng rủi ro tín dụng

Năm nay	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể
Số dư đầu năm	343.698	615.964
Dự phòng rủi ro trích lập/ (hoàn nhập) trong năm	(31.104)	139.221
Tăng quỹ dự phòng do nhận lại nợ từ VAMC	-	10.316
Số dư cuối năm (*)	312.594	765.501
Năm trước		
Số dư đầu năm	303.086	388.529
Dự phòng rủi ro trích lập/ (hoàn nhập) trong năm	40.612	227.463
Sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng trong năm	-	(28)
Số dư cuối năm	343.698	615.964
Chi tiết số dư dự phòng cuối kỳ (*)	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	1.078.095	959.662
+ Dự phòng chung	312.594	343.698
+ Dự phòng cụ thể	765.501	615.964
Cộng	1.078.095	959.662

(*) Liên quan đến việc trích lập dự phòng đối với một số khách hàng thuộc nhóm 2 đến nhóm 5 và khoản cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC và người có liên quan, Ngân hàng đã có báo cáo và đề xuất tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc xây dựng lộ trình xử lý và trích lập dự phòng tại phương án cơ cấu lại giai đoạn năm 2023 - 2025 và định hướng đến năm 2030 của Ngân hàng.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã thực hiện nhận tài sản thế chấp bổ sung từ bên thứ 3 để đảm bảo cho các khoản nợ đã bán và tuân thủ việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản bán nợ chưa thu được tiền (thuyết minh tại mục V.9.2 Phải thu từ hoạt động bán nợ) theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

5. Chứng khoán đầu tư	31/12/2023	01/01/2023
5.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Chứng khoán Nợ	7.736.856	5.934.530
- Trái phiếu/tín phiếu Chính phủ	3.736.856	5.634.530
- Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	4.000.000	300.000
Cộng	7.736.856	5.934.530
5.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành (*)	5.652.828	5.949.596
- Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	(277.923)	(431.643)
Cộng	5.374.905	5.517.953
Tổng cộng	13.111.761	11.452.483

(i) Đối với trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành, khoản dự phòng đang được trích lập trong 10 năm theo năng lực tài chính của Ngân hàng theo phương án cơ cấu lại đã được NHNN phê duyệt cho giai đoạn 2019-2020 tầm nhìn đến năm 2028. Đến thời điểm 31/12/2023, Ngân hàng đã có báo cáo cho NHNN về tình hình thực hiện trích lập dự phòng trái phiếu VAMC. Tại phương án cơ cấu lại gần giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030, Ngân hàng đã báo cáo và xây dựng lộ trình trích lập dự phòng bao gồm số dự phòng trái phiếu VAMC phải trích lập.

5.2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (tt)

(*) Khoản đầu tư vào trái phiếu của các công ty sau:

Công ty phát hành	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Số lượng trái phiếu	Giá trị đầu tư
Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam (tên cũ Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp) - DATC (i)	Năm 2023	8,9%/năm	31.554	31.554
Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)	Năm 2023	0%/năm	8 mã	256.707
	Năm 2024	0%/năm	6 mã	13.000
	Năm 2025	0%/năm	60 mã	1.563.967
	Năm 2026	0%/năm	23 mã	593.184
	Năm 2026	0%/năm	5 mã	107.836
	Năm 2027	0%/năm	6 mã	349.482
	Năm 2028	0%/năm	16 mã	425.061
	Năm 2029	0%/năm	4 mã	46.660
	Năm 2025	0%/năm	21 mã	39.664
	Năm 2026	0%/năm	2 mã	172.161
	Năm 2027	0%/năm	3 mã	1.073.808
	Năm 2028	0%/năm	3 mã	979.744
	Tổng cộng			

- (i) Khoản đầu tư trái phiếu Công ty TNHH MTV Mua bán nợ Việt Nam đã đến hạn năm 2023, hiện tại NCB đang tích cực thực hiện các thủ tục để tắt toán khoản trái phiếu này. Trái phiếu này được bảo lãnh bởi Chính phủ.
- (ii) Đối với các trái phiếu VAMC đang nắm giữ, số lượng trái phiếu đến hạn năm 2023 có giá trị 256.707 triệu đồng, các trái phiếu này đã được tắt toán vào ngày 17 tháng 01 năm 2024.

6. Góp vốn, đầu tư dài hạn	31/12/2023	01/01/2023
- Phân tích giá trị đầu tư theo loại hình đầu tư		
Các khoản đầu tư dài hạn khác	719.600	719.600
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(64.918)	(64.918)
Tổng cộng	654.682	654.682

6. Góp vốn, đầu tư dài hạn:

- Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn của Ngân hàng

Tên	31/12/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần vốn (%)	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần vốn (%)
Đầu tư dài hạn khác	719.600	(64.918)		719.600	(64.918)	
Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (i)	273.700	(18.367)	3,18%	273.700	(18.367)	3,18%
Công ty CP ĐT Sài Gòn (ii)	338.200	(46.551)	11,00%	338.200	(46.551)	11,00%
Công ty CP Chứng khoán Navibank (iii)	17.700	-	7,02%	17.700	-	7,02%
Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận (iv)	90.000	-	9,00%	90.000	-	9,00%
Tổng cộng	719.600	(64.918)		719.600	(64.918)	

- (i) Ngân hàng sở hữu 3.500.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 273,7 tỷ đồng) tương đương 3,18% vốn điều lệ của Công ty CP Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn (vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- (ii) Ngân hàng sở hữu 16.500.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 338,2 tỷ đồng) tương đương 11% vốn điều lệ Công ty CP Đầu tư Sài Gòn (vốn điều lệ là 1.500 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- (iii) Ngân hàng sở hữu 1.770.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 17,7 tỷ đồng) tương đương 7,02% vốn điều lệ Công ty CP Chứng khoán Navibank (vốn điều lệ là 252 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).
- (iv) Ngân hàng sở hữu 9.000.000 cổ phần (với giá trị ghi sổ là 90 tỷ đồng) tương đương 9% vốn điều lệ Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà máy điện Sài Gòn - Bình Thuận (vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh là 1.000 tỷ đồng, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

Đối với các khoản đầu tư tại mục (i), (ii), (iv), Ngân hàng đã có kế hoạch thoái vốn khoản đầu tư theo phương án cơ cấu lại đã được NHNN phê duyệt, trong khoảng thời gian 2025 - 2027. Ngân hàng đang thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư này dựa theo năng lực tài chính hiện tại của Ngân hàng.

Tại ngày báo cáo, Ngân hàng chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

7. Tài sản cố định hữu hình

- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm nay:

KHOẢN MỤC	NHÀ CỬA. VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	43.551	183.117	65.541	88.779	1.067	382.055
- Mua trong năm	508	17.773	17.544	12.868	-	48.693
- Thanh lý, nhượng bán	(42)	(41.055)	(5.710)	(19.663)	(630)	(67.100)
Số dư cuối năm	44.017	159.835	77.375	81.984	437	363.648
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	13.473	91.952	40.627	70.383	766	217.201
- Khấu hao trong năm	1.424	16.540	4.631	7.296	47	29.938
- Thanh lý, nhượng bán	(23)	(30.788)	(5.689)	(18.166)	(533)	(55.199)
Số dư cuối năm	14.874	77.704	39.569	59.513	280	191.940
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	30.078	91.165	24.914	18.396	301	164.854
Số dư cuối năm	29.143	82.131	37.806	22.471	157	171.708

31/12/2023 01/01/2023

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

* Cam kết mua TSCĐ có giá trị lớn trong tương lai:	5.736	18.200
* Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết:	95.402	114.769

- Tăng giảm tài sản cố định hữu hình năm trước:

KHOẢN MỤC	NHÀ CỬA. VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	43.585	131.051	59.784	87.396	1.652	323.468
- Mua trong năm	-	52.131	6.217	2.742	-	61.090
- Thanh lý, nhượng bán	(34)	(65)	(460)	(923)	(585)	(2.067)
- Giảm khác	-	-	-	(436)	-	(436)
Số dư cuối năm	43.551	183.117	65.541	88.779	1.067	382.055
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	12.013	81.119	36.822	64.023	1.251	195.228
- Khấu hao trong năm	1.484	10.898	4.265	7.271	85	24.003
- Thanh lý, nhượng bán	(24)	(65)	(460)	(911)	(570)	(2.030)
Số dư cuối năm	13.473	91.952	40.627	70.383	766	217.201
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	31.572	49.932	22.962	23.373	401	128.240
Số dư cuối năm	30.078	91.165	24.914	18.396	301	164.854

8. Tài sản cố định vô hình

- Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm nay:

KHOẢN MỤC	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	85.143	57.636	678.926
- Mua trong năm	-	56.659	111	56.770
- Thanh lý, nhượng bán	-	(549)	-	(549)
Số dư cuối năm	536.147	141.253	57.747	735.147
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	52.037	48.628	100.665
- Khấu hao trong năm	-	12.157	8.836	20.993
- Thanh lý, nhượng bán	-	(549)	-	(549)
Số dư cuối năm	-	63.645	57.464	121.109
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	33.106	9.008	578.261
Số dư cuối năm	536.147	77.608	283	614.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

8. Tài sản cố định vô hình (tiếp)

- Tăng giảm tài sản cố định vô hình năm trước:

KHOẢN MỤC	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	72.493	57.264	665.904
- Mua trong năm	-	12.700	372	13.072
- Thanh lý, nhượng bán	-	(50)	-	(50)
Số dư cuối năm	536.147	85.143	57.636	678.926
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	45.979	40.132	86.111
- Khấu hao trong năm	-	6.097	8.496	14.593
- Thanh lý, nhượng bán	-	(39)	-	(39)
Số dư cuối năm	-	52.037	48.628	100.665
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	536.147	26.514	17.132	579.793
Số dư cuối năm	536.147	33.106	9.008	578.261

9. Tài sản có khác

	31/12/2023	01/01/2023
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.527	19.328
2. Các khoản phải thu	10.594.462	10.627.194
3. Các khoản lãi, phí phải thu (i)	3.569.597	1.513.406
4. Tài sản có khác	2.482.357	2.258.636
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bằng khác	(219.270)	(200.000)
Tổng cộng	16.434.673	14.218.564

(i) Liên quan đến các khoản lãi, phí phải thu, Ngân hàng đang thực hiện việc thoái thu đối với các khoản nợ xấu theo năng lực tài chính hiện tại của Ngân hàng và đã có báo cáo gửi NHNN tại phương án cơ cấu lại gần giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030.

9.1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2023	01/01/2023
- Mua sắm TSCĐ khác	7.527	19.328
Cộng	7.527	19.328

9.2 Các khoản phải thu

	31/12/2023	01/01/2023
- Các khoản phải thu nội bộ	2.727.294	2.580.844
- Các khoản phải thu bên ngoài	7.867.168	8.046.350
<i>Phải thu từ hoạt động bán nợ (ii)</i>	6.888.776	6.836.615
<i>Phải thu các khoản ký quỹ</i>	16.537	8.015
<i>Các khoản phải thu bên ngoài khác</i>	961.855	1.201.720
Cộng	10.594.462	10.627.194

(ii) Đối với các khoản phải thu từ hoạt động bán nợ, Ngân hàng đang thực hiện rà soát đánh giá cũng như có báo cáo với Ngân hàng Nhà nước về tình hình của các khoản bán nợ theo định kỳ. Đồng thời, tại phương án cơ cấu lại gần giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030, Ngân hàng đã có báo cáo gửi NHNN và xây dựng lộ trình xử lý đối với các khoản phải thu nêu trên.

9.3 Tài sản có khác

	31/12/2023	01/01/2023
- Tài sản khác	37.011	23.221
- Chi phí chờ phân bổ	529.420	293.835
- Tài sản gán nợ chờ xử lý (iii)	1.915.926	1.941.580
Cộng	2.482.357	2.258.636

(iii) Các tài sản gán nợ chờ xử lý chủ yếu là cổ phần của Công ty Cổ phần Hàng không Tre Việt. Tháng 5/2023, Ngân hàng đã ký thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần với đối tác, đồng thời báo cáo tiến độ xử lý gửi đến các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

9. Tài sản có khác (tiếp)

9.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

	31/12/2023	01/01/2023
- Dự phòng rủi ro các khoản nợ phải thu khó đòi	(219.270)	(200.000)
Cộng	(219.270)	(200.000)

10. Tiền gửi và vay các TCTD khác

Tiền gửi của các TCTD khác	31/12/2023	01/01/2023
a. Tiền gửi không kỳ hạn	5.023.296	2.517.244
- Bằng VND	5.023.229	2.517.181
- Bằng ngoại hối	67	63
b. Tiền gửi có kỳ hạn	4.007.005	6.000.000
- Bằng VND	4.007.005	6.000.000
- Bằng ngoại hối	-	-
Cộng	9.030.301	8.517.244

11. Tiền gửi của khách hàng

- Thuyết minh theo loại tiền gửi

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền, vàng gửi không kỳ hạn	4.586.717	6.243.580
- Bằng VND	4.307.669	5.859.176
- Bằng ngoại hối	279.048	384.404
Tiền, vàng gửi có kỳ hạn	71.984.138	64.733.457
- Bằng VND	71.904.816	64.607.237
- Bằng ngoại hối	79.322	126.220
Tiền gửi vốn chuyên dùng	283	802
Tiền gửi ký quỹ	279.076	372.490
- Bằng VND	277.159	372.490
- Bằng ngoại hối	1.917	-
Tổng cộng	76.850.214	71.350.329

- Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi của TCKT	6.106.560	9.428.231
Doanh nghiệp nhà nước	1.639.614	2.198.301
Công ty CP, TNHH, Hợp danh, Tài chính	3.577.523	5.696.947
Doanh nghiệp Tư nhân	1.190	953
Công ty chứng khoán, bảo hiểm, tài chính	108.875	766.407
Kinh tế cá thể, Kinh tế tập thể	752.073	717.749
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	27.285	47.874
Tiền gửi của cá nhân	70.743.654	61.922.098
Tổng cộng	76.850.214	71.350.329

12. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	31/12/2023	01/01/2023
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	16.658	22.240
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng vàng, ngoại tệ	-	-
Tổng cộng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	16.658	22.240

Vốn nhận từ Hiệp định vay vốn số VNXII-5 cho Dự án Tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ được ký kết giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA). Việc giải ngân theo thỏa thuận khung được ký kết giữa Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng TMCP Quốc Dân ngày 01/7/2015.

13. Phát hành giấy tờ có giá thông thường

	31/12/2023	01/01/2023
Chứng chỉ tiền gửi	3.166.906	1.996.755
- Bằng VND	3.166.906	1.996.755
Tổng cộng	3.166.906	1.996.755

14. Các khoản nợ khác

	31/12/2023	01/01/2023
Các khoản phải trả nội bộ	174.706	26.332
Các khoản phải trả bên ngoài	83.006	638.779
Lãi và phí phải trả	1.806.629	1.531.335
Tổng cộng	2.064.341	2.196.446

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

15. Vốn quỹ của Tổ chức tín dụng

15.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

CHỈ TIÊU	Vốn góp chủ sở hữu (*)	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	4.101.555	(29.644)	-	29.644	1.105	78.998	47.769	34.793	4.264.220
- Tăng vốn trong năm	1.500.000	-	-	-	-	-	-	-	1.500.000
- Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	8	8
Số dư tại ngày 31/12/2022	5.601.555	(29.644)	-	29.644	1.105	78.998	47.769	34.801	5.764.228
Số dư tại ngày 01/01/2023	5.601.555	(29.644)	-	29.644	1.105	78.998	47.769	34.801	5.764.228
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(669.556)	(669.556)
Số dư tại ngày 31/12/2023	5.601.555	(29.644)	-	29.644	1.105	78.998	47.769	(634.755)	5.094.672

Vốn quỹ của Tổ chức tín dụng

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Chính Phủ ban hành, các Ngân hàng thương mại phải trích lập các quỹ trước khi chia cổ tức và sau khi chia lãi cho các thành viên liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có), bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% lợi nhuận sau thuế, số dư tối đa số dư tối đa của quỹ này bằng vốn điều lệ hiện có của các tổ chức tín dụng. Quỹ này sẽ được chuyển sang vốn điều lệ khi có sự phê chuẩn của ngân hàng Nhà nước Việt nam và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.
- Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; số dư tối đa của quỹ này không vượt quá 25% vốn điều lệ hiện có của các tổ chức tín dụng. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Trích các quỹ khác như quỹ đầu tư XDCB, quỹ khen thưởng phúc lợi... do Ban lãnh đạo Ngân hàng đề xuất và do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15.2. Thu nhập trên một cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
- Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(669.556)	8
- Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản	557	445
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ/1 cổ phiếu)	(1.202)	0.02

15.3. Chi tiết vốn đầu tư của TCTD

	31/12/2023			01/01/2023		
	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi	Tổng số	Vốn CP thường	Vốn CP ưu đãi
- Vốn góp các thành viên khác	5.601.555	5.601.555	-	5.601.555	5.601.555	-
- Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
- Cổ phiếu quỹ	(29.644)	(29.644)	-	(2.644)	(29.644)	-
Tổng cộng	5.571.911	5.571.911	-	5.571.911	5.571.911	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

15. Vốn quỹ của Tổ chức tín dụng (tiếp)

15.4. Cổ tức

	Năm 2023	Năm 2022
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc năm tài chính:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

16. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập lãi tiền gửi	82.400	77.449
Thu nhập lãi cho vay khách hàng (*)	5.731.074	4.408.672
Thu từ lãi kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ	472.330	147.202
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	91.256	70.054
Thu khác từ hoạt động tín dụng	56.559	59.917
Tổng cộng	6.433.619	4.763.294

(*) Tại phương án cơ cấu lại cho giai đoạn 2023-2025 định hướng đến năm 2030 Ngân hàng đã có báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền và xây dựng lộ trình xử lý thoái thu các khoản lãi dự thu.

17. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	Năm 2023	Năm 2022
Trả lãi tiền gửi	5.773.609	3.634.992
Trả lãi tiền vay	768	3.828
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	193.032	188.867
Chi phí hoạt động tín dụng khác	8.981	3.830
Tổng cộng	5.976.390	3.831.517

18. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Thu phí dịch vụ	102.350	275.030
Thu dịch vụ thanh toán	62.258	43.693
Thu dịch vụ ngân quỹ	945	1.598
Thu khác về dịch vụ	39.147	229.739
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	68.832	142.188
Chi dịch vụ thanh toán	18.491	11.869
Chi về dịch vụ ngân quỹ	3.334	4.044
Chi khác về dịch vụ	47.007	126.275
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	33.518	132.842

19. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	591.696	1.265.712
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và chênh lệch đánh giá ngoại tệ kinh doanh	240.752	711.819
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	350.944	553.893
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	389.242	1.181.899
Chi từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay và chênh lệch đánh giá ngoại tệ kinh doanh	197.995	585.206
Chi từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	191.247	596.693
Lãi/ (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	202.454	83.813

20. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	183.422	194.425
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	22.938	27.677
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	160.484	166.748

21. Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập từ hoạt động khác	82.286	59.238
Chi phí từ hoạt động khác	216.819	37.424
Lãi/lỗ thuần từ các hoạt động kinh doanh khác	(134.533)	21.814

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

22. Chi phí hoạt động

	Năm 2023	Năm 2022
1. Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	6.583	1.249
2. Chi phí cho nhân viên	652.446	594.180
Trong đó:		
Chi lương và phụ cấp	583.614	543.335
Các khoản chi đóng góp theo lương	35.352	32.420
Chi trợ cấp	1.206	322
3. Chi về tài sản	236.877	195.555
Trong đó: Khấu hao tài sản cố định	50.931	38.841
4. Chi cho hoạt động quản lý công vụ	227.699	151.668
Trong đó:		
Công tác phí	7.671	6.116
Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	304	11
5. Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	95.846	85.029
6. Chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	19.270	-
Tổng cộng	1.238.721	1.027.681

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.037	1.230
2. Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
3. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.037	1.230

VII. Thông tin bổ sung một số khoản mục trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

24. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền mặt và các khoản tương đương tiền tại quỹ	248.513	384.031
Tiền gửi tại NHNN	2.287.057	3.749.729
Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác (không kỳ hạn và kỳ hạn < 3 tháng)	8.460.903	11.658.654
Tổng cộng	10.996.473	15.792.414

VIII. Các thông tin khác

25. Tình hình thu nhập của cán bộ, công nhân viên

	Năm 2023	Năm 2022
Số lượng nhân viên ngày 31/12	1.973	2.130
I. Bình quân số cán bộ, công nhân viên	2.052	2.130
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	583.614	543.335
2. Tiền thưởng		
3. Thu nhập khác	1.206	322
4. Tổng thu nhập (1+2+3)	584.820	543.657
5. Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	23,70	21,26
6. Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	23,75	21,27

26. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp/khấu trừ	
1. Thuế GTGT	1.338	10.025	10.673	690
2. Thuế TNDN	150	3.037	3.907	(720)
3. Các loại thuế khác	4.027	40.379	40.392	4.014
Tổng cộng	5.515	53.441	54.972	3.984

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

VIII. Các thông tin khác (tiếp)

27. Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

Loại tài sản đảm bảo	Giá trị đến 31/12/2023	Giá trị đến 31/12/2023
Bất động sản	66.997.326	68.938.149
Động sản	5.304.711	10.008.577
Giấy tờ có giá	19.642.936	20.927.759
Các tài sản đảm bảo khác	99.221.151	107.197.223
Tổng	191.166.124	207.071.708

28. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Chỉ tiêu	31/12/2023	01/01/2023
Bảo lãnh vay vốn	28.644	28.644
Cam kết giao dịch ngoại hối	4.438.665	10.526.850
<i>Cam kết mua ngoại tệ</i>	72.765	-
<i>Cam kết giao dịch hoán đổi</i>	4.365.900	10.526.850
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	417.270	262.005
<i>Cam kết thanh toán trong nghiệp vụ L/C</i>	417.270	262.005
Các bảo lãnh khác	2.871.193	3.582.868
<i>Bảo lãnh thanh toán</i>	177.373	296.985
<i>Bảo lãnh thực hiện hợp đồng</i>	417.431	467.134
<i>Bảo lãnh dự thầu</i>	23.051	76.795
<i>Cam kết bảo lãnh khác</i>	2.253.338	2.741.954
Các cam kết khác	4.442.664	714.478
Tổng cộng	12.198.436	15.114.845

29. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư tại 31/12/2023 Phải thu/ (Phải trả)
Ban điều hành	Thành viên chủ chốt	Lương thưởng Ban Tổng Giám đốc	12.594	-
		Thù lao HĐQT, BKS	15.264	-

30. Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ cho vay khách hàng	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	CCTC phát sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	55.344.259	85.880.515	3.317.107	5.336.460	13.389.684
Ngoài nước	-	-	-	-	-

31. Quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro tài chính mà Ngân hàng phải chịu bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động.

31.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng, khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Rủi ro tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay và bảo lãnh dưới nhiều hình thức.

Ngân hàng cũng chịu các rủi ro tín dụng khác phát sinh từ các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ và các rủi ro khác trong hoạt động giao dịch của Ngân hàng ('rủi ro giao dịch'), bao gồm các tài sản trên danh mục giao dịch không thuộc vốn chủ sở hữu, các công cụ phái sinh và số dư thanh toán với các đối tác.

Rủi ro tín dụng là rủi ro lớn nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; do đó Ban lãnh đạo quản lý rủi ro tín dụng cho Ngân hàng một cách rất cẩn trọng. Việc quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được tập trung vào một bộ phận quản lý rủi ro tín dụng chịu trách nhiệm báo cáo thường xuyên cho Ban Tổng Giám Đốc và người đứng đầu mỗi đơn vị kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

31. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

31.1.1 Đo lường rủi ro tín dụng xác định tổn thất và lập dự phòng

(a) Cho vay và bảo lãnh

Việc đo lường rủi ro tín dụng được thực hiện trước và trong thời gian cho vay.

Ngân hàng đã xây dựng các mô hình hỗ trợ việc định lượng rủi ro tín dụng. Các mô hình xếp hạng và chấm điểm này được sử dụng cho mọi danh mục tín dụng trọng yếu và hình thành cơ sở cho việc đo lường các rủi ro vi phạm thanh toán trước và trong khi cho vay.

Dựa trên việc đo lường trên, Ngân hàng phân loại các khoản vay và trích lập dự phòng theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đo lường và phân loại các khoản cho vay và bảo lãnh như đã trình bày trong Thuyết minh IV.6.

(b) Chứng khoán nợ

Các khoản đầu tư của Ngân hàng vào chứng khoán nợ là các công cụ nợ do Chính phủ và các tổ chức tín dụng và kinh tế có uy tín phát hành. Rủi ro tín dụng được ước tính theo từng khoản nợ cụ thể khi Ngân hàng đánh giá có sự thay đổi về rủi ro tín dụng của bên đối tác. Các khoản đầu tư vào các chứng khoán này được xem là cách để đảm bảo hoạch định chất lượng tín dụng tốt hơn và đồng thời duy trì nguồn tín dụng sẵn sàng để đáp ứng yêu cầu cấp vốn.

31.1.2 Các chính sách kiểm soát và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Ngân hàng kiểm soát rủi ro tín dụng bằng việc áp dụng các hạn mức đối với các rủi ro (cho cả rủi ro nội bảng và rủi ro ngoại bảng) liên quan đến từng khách hàng vay vốn, hoặc nhóm khách hàng vay vốn theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thêm vào đó, rủi ro tín dụng cũng được kiểm soát thông qua việc rà soát định kỳ các nhóm tài sản thế chấp và phân tích khả năng trả nợ lãi và vốn của các khách hàng vay vốn và các khách hàng tiềm năng.

Ngân hàng có một số các chính sách và cách thức thực hành để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Cách thức truyền thống nhất là nắm giữ các tài sản đảm bảo cho các khoản tạm ứng vốn, một cách thức phổ biến. Các loại tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay và ứng trước gồm có:

- Thế chấp đối với các bất động sản là nhà ở;
- Quyền đối với các tài sản hoạt động như trụ sở, máy móc thiết bị, hàng tồn kho, các khoản phải thu;
- Quyền đối với các công cụ tài chính như chứng khoán nợ và chứng khoán vốn.

Đối với các khoản cho vay có đảm bảo, tài sản thế chấp được định giá một cách độc lập bởi Ngân hàng với việc áp dụng các tỷ lệ chiết khấu cụ thể để xác định giá trị có thể cho vay tối đa. Tỷ lệ chiết khấu cho mỗi loại tài sản thế chấp được hướng dẫn trong Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và được Ngân hàng điều chỉnh cho từng trường hợp cụ thể. Khi giá trị hợp lý của các tài sản thế chấp bị giảm, Ngân hàng sẽ yêu cầu khách hàng vay vốn phải thế chấp thêm tài sản để duy trì mức độ an toàn đối với rủi ro của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng đối với các cam kết chủ yếu bao gồm thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính có tính chất tương tự như rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay. Thư tín dụng kèm chứng từ và thư tín dụng thương mại - là các cam kết bằng văn bản của Ngân hàng thay mặt cho khách hàng thanh toán cho bên thứ ba lên đến số tiền quy định theo các điều khoản và điều kiện cụ thể - được đảm bảo bằng chính hàng hóa liên quan và do đó rủi ro thấp hơn so với các khoản cho vay trực tiếp. Việc phát hành thư tín dụng và các hợp đồng bảo lãnh tài chính được thực hiện theo các quy trình đánh giá và phê duyệt tín dụng như đối với các khoản cho vay và tạm ứng cho khách hàng trừ khi khách hàng ký quỹ 100% cho các cam kết có liên quan.

31.2 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ trạng thái mở của lãi suất, các sản phẩm tiền tệ và công cụ vốn, tất cả các sản phẩm này đều chịu tác động từ biến động trên thị trường nói chung và từng loại thị trường nói riêng và sự thay đổi của mức độ biến động của giá thị trường như: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

31. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

31.2.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính bị biến động do tác động của các thay đổi về lãi suất của thị trường. Ngân hàng quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng.

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN	KHÔNG CHỊU LÃI	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG	TỪ 3 ĐẾN 6 THÁNG	TỪ 6 ĐẾN 12 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	248.513	-	-	-	-	-	-	248.513
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	2.287.057	-	-	-	-	-	2.287.057
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	8.460.903	-	-	-	-	-	8.460.903
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	14.748.039	-	9.305.505	21.823.781	1.140.822	2.931.410	5.366.135	28.567	55.344.259
Chứng khoán đầu tư (*)	288.260	-	1.700.000	300.000	-	2.009.146	4.953.987	4.138.291	13.389.684
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	785.746	-	-	-	-	-	-	785.746
Tài sản Có khác (*)	-	9.571.405	313.945	78.347	5.442	47.956	3.509.435	3.127.413	16.653.943
Tổng Tài sản	15.036.299	10.605.664	22.067.410	22.202.128	1.146.264	4.988.512	13.829.557	8.013.871	97.889.705
Nợ phải trả									
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	9.030.301	-	-	-	-	-	9.030.301
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15.023.502	13.917.829	22.859.439	9.876.595	15.172.834	15	76.850.214
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	992	17.055	8.360	-	-	-	26.407
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	16.658	16.658
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	-	1.991.125	1.175.781	3.166.906
Các khoản nợ khác	-	257.712	455.321	414.482	255.149	157.658	519.188	4.831	2.064.341
Tổng Nợ phải trả	-	257.712	24.510.116	14.349.366	23.122.948	10.034.253	17.683.147	1.197.285	91.154.827
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	15.036.299	10.347.952	(2.442.706)	7.852.762	(21.976.684)	(5.045.741)	(3.853.590)	6.816.586	6.734.878
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	8.037.427	-	-	-	-	-	-	8.037.427
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	15.036.299	18.385.379	(2.442.706)	7.852.762	(21.976.684)	(5.045.741)	(3.853.590)	6.816.586	14.772.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

31. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2023:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN	KHÔNG CHỊU LÃI	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 3 THÁNG	TỪ 3 ĐẾN 6 THÁNG	TỪ 6 ĐẾN 12 THÁNG	TỪ 1 ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM	TỔNG
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	384.031	-	-	-	-	-	-	384.031
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	3.749.729	-	-	-	-	-	3.749.729
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	11.658.654	-	-	-	-	-	11.658.654
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	5.540	59.236	115.899	42.698	-	-	223.373
Cho vay khách hàng (*)	9.147.339	-	8.088.597	21.523.032	1.387.813	1.854.497	5.446.556	274.439	47.722.273
Hoạt động mua nợ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	1.649.999	350.166	249.680	342.730	4.613.469	4.678.082	11.884.126
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	743.115	743.115
Tài sản Có khác (*)	-	12.905.158	104.185	95.223	18.585	21.100	646	1.273.667	14.418.564
Tổng Tài sản	9.147.339	13.289.189	25.256.704	22.027.657	1.771.977	2.261.025	10.060.671	7.688.903	91.503.465
Nợ phải trả									
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	8.517.244	-	-	-	-	-	8.517.244
Tiền gửi của khách hàng	-	-	13.371.301	9.474.115	17.029.531	12.728.466	18.737.186	9.730	71.350.329
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	-	-	22.240	22.240
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	0	-	-	-	1.455.485	541.270	1.996.755
Các khoản nợ khác	-	768.644	266.469	397.276	496.154	251.967	15.916	20	2.196.446
Tổng Nợ phải trả	-	768.644	22.155.014	9.871.391	17.525.685	12.980.433	20.208.587	573.260	84.083.014
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội bảng	9.147.339	12.520.545	3.101.690	12.156.266	(15.753.708)	(10.719.408)	(10.147.916)	7.115.643	7.420.451
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	4.941.877	-	-	-	-	-	-	4.941.877
Mức chênh lệch nhạy cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	9.147.339	17.462.422	3.101.690	12.156.266	(15.753.708)	(10.719.408)	(10.147.916)	7.115.643	12.362.328

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

31. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

31.2.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền sử dụng là đồng Việt Nam. Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng cũng là đồng Việt Nam. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng của Ngân hàng chủ yếu bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Tuy nhiên, một số tài sản khác của Ngân hàng bằng ngoại tệ khác đồng Việt Nam và đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ. Trạng thái đồng tiền được giám sát hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

CHỈ TIÊU	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI	CÁC NGOẠI TỆ KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỔI	TỔNG
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	23.875	124	110	24.109
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	35.568	-	-	35.568
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	367.905	2.674	11.822	382.401
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	265	-	265
Cho vay khách hàng (*)	210.582	-	-	210.582
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Tài sản Có khác (*)	877	-	-	877
Tổng Tài sản	638.807	3.063	11.932	653.802
Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	67	-	67
Tiền gửi của khách hàng	357.182	3.103	82	360.367
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	886.253	-	-	886.253
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-
Các khoản nợ khác	28.852	-	-	28.852
Vốn và các quỹ	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu	1.272.288	3.170	82	1.275.540
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(633.481)	(107)	11.850	(621.738)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(72.765)	-	-	(72.765)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(706.246)	(107)	11.850	(694.503)

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và công nợ của Ngân hàng theo loại tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 01 tháng 01 năm 2023:

CHỈ TIÊU	USD ĐƯỢC QUY ĐỔI	EUR ĐƯỢC QUY ĐỔI	CÁC NGOẠI TỆ KHÁC ĐƯỢC QUY ĐỔI	TỔNG
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	55.106	5	95	55.206
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	54.262	-	-	54.262
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	520.962	48.616	16.644	586.222
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	473.709	-	-	473.709
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
Tài sản Có khác (*)	1.462	-	-	1.462
Tổng Tài sản	1.105.501	48.621	16.739	1.170.861
Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	63	-	63
Tiền gửi của khách hàng	508.522	2.571	131	511.224
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	1.248.150	43.065	-	1.291.215
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-
Các khoản nợ khác	2	-	-	2
Vốn và các quỹ	-	-	-	-
Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu	1.756.674	45.699	131	1.802.504
Trạng thái tiền tệ nội bảng	(651.173)	2.922	16.608	(631.643)
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	(651.173)	2.922	16.608	(631.643)

(*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày
31 tháng 12 năm 2023

31. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp)

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023 đến ngày đáo hạn:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN		TRONG HẠN			TỔNG	
	TRÊN 3 THÁNG	ĐẾN 3 THÁNG	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 - 3 THÁNG	TỪ 3 - 12 THÁNG		TRÊN 1 NĂM
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	248.513	-	-	-	248.513
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	2.287.057	-	-	-	2.287.057
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	8.460.903	-	-	-	8.460.903
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-	-	-	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	-	-	-	-	-
Cho vay khách hàng (*)	11.037.201	3.710.838	2.443.448	3.167.185	14.691.229	20.294.358	55.344.259
Chứng khoán đầu tư (*)	-	288.261	1.700.000	300.000	2.009.146	9.092.277	13.389.684
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	785.746	785.746
Tài sản Có khác (*)	-	-	338.391	72.683	73.691	16.169.178	16.653.943
Tổng Tài sản	11.037.201	3.999.099	15.478.312	3.539.868	16.774.066	47.061.159	97.889.705
Nợ phải trả							
Tiền gửi của và vay từ các TCTD khác	-	-	9.030.301	-	-	-	9.030.301
Tiền vay từ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	15.305.785	13.635.546	32.521.636	15.387.247	76.850.214
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	992	17.055	8.360	-	26.407
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	16.658	16.658
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	-	3.166.906	3.166.906
Các khoản nợ khác	-	-	892.642	574.411	572.133	25.155	2.064.341
Tổng Nợ phải trả	-	-	25.229.720	14.227.012	33.102.129	18.595.966	91.154.827
Mức chênh thanh khoản ròng	11.037.201	3.999.099	(9.751.408)	(10.687.144)	(16.328.063)	28.465.193	6.734.878

31.2.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Ngân hàng không thể thực hiện được nghĩa vụ chi trả liên quan đến công nợ tài chính khi đến hạn và không có nguồn vốn thay thế khi khách hàng rút vốn. Hậu quả có thể dẫn đến việc Ngân hàng không còn khả năng thanh toán đối với người gửi tiền và không thực hiện được các cam kết cho vay. Ngân hàng quản lý rủi ro thông qua:

- Kiểm soát hoạt động huy động vốn và cho vay hàng ngày.
- Duy trì danh mục đầu tư bao gồm các chứng khoán dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt.
- Kiểm soát các chỉ số thanh khoản dựa trên báo cáo tình hình tài chính đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bảng dưới đây tóm tắt các khoản tài sản và nợ của Ngân hàng theo nhóm kỳ hạn tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày đáo hạn:

CHỈ TIÊU	QUÁ HẠN		TRONG HẠN				TỔNG
	TRÊN 3 THÁNG	ĐẾN 3 THÁNG	ĐẾN 1 THÁNG	TỪ 1 - 3 THÁNG	TỪ 3 - 12 THÁNG	TRÊN 1 NĂM	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	384.031	-	-	-	384.031
Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước	-	-	3.749.729	-	-	-	3.749.729
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	11.658.654	-	-	-	11.658.654
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác (*)	-	-	5.540	59.236	158.597	-	223.373
Cho vay khách hàng (*)	5.458.834	3.630.835	1.814.023	4.204.737	12.155.720	20.458.124	47.722.273
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	1.649.999	350.165	592.410	9.291.552	11.884.126
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	719.600	719.600
Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	743.115	743.115
Tài sản Có khác (*)	28	-	114.446	51.064	50.939	14.202.087	14.418.564
Tổng Tài sản	5.458.862	3.630.835	19.376.422	4.665.202	12.957.666	45.414.478	91.503.465
Nợ phải trả							
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	8.517.244	-	-	-	8.517.244
Tiền vay từ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi của khách hàng	-	-	13.688.399	9.157.017	29.757.997	18.746.916	71.350.329
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	-	-	-
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	22.240	22.240
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	0	-	-	1.996.755	1.996.755
Các khoản nợ khác	-	-	1.041.887	393.215	748.993	12.351	2.196.446
Tổng Nợ phải trả	-	-	23.247.530	9.550.232	30.506.990	20.778.262	84.083.014
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	5.458.862	3.630.835	(3.871.108)	(4.885.030)	(17.549.324)	24.636.216	7.420.451

108 (*) Khoản mục này không bao gồm số dư dự phòng rủi ro. Thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mẫu số: B05/TCTD-HN
Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

31. Quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

31.3 Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy, giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Ngân hàng có thể có các khác biệt đối với giá trị hợp lý của chúng.

Hiện tại, Ngân hàng chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình. Ngân hàng sẽ thực hiện việc trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính khi có các hướng dẫn chi tiết của các cơ quan quản lý.

32. Thông tin khác

Triển khai “Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 (“Đề án 689”), Ngân hàng đã ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với Công ty TNHH Ernst W& Young Việt Nam (E&Y). Theo đó, E&Y đã thực hiện rà soát lại toàn bộ danh mục tài sản của Ngân hàng, xác định danh mục nợ xấu và tài sản tồn đọng trên quan điểm thận trọng, xây dựng giải pháp và lộ trình xử lý nợ xấu và các tài sản tồn đọng được nhận diện bao gồm: phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro; lộ trình cụ thể xử lý, thu hồi nợ và tài sản tồn đọng; xử lý lãi dự thu phải thoái thu,... làm căn cứ để Ngân hàng xây dựng phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu ngân hàng giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030.

Trên cơ sở định hướng, giải pháp nêu tại Đề án 689, các văn bản chỉ đạo của NHNN và kết quả rà soát, đánh giá của E&Y, Ngân hàng đã xây dựng phương án cơ cấu lại 2023-2025, trong đó trình bày cụ thể: (i) Kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong việc triển khai PACCL 2019-2020; (ii) Đánh giá thực trạng hoạt động của Ngân hàng đến thời điểm 31/12/2022; (iii) Phương án cơ cấu lại Ngân hàng giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030 bao gồm quan điểm, mục tiêu cơ cấu lại cũng như các giải pháp cơ cấu lại và lộ trình thực hiện, trong đó bao gồm việc đề xuất cho phép Ngân hàng: thực hiện phân bổ dần việc trích lập dự phòng, thoái lãi dự thu trên cơ sở cân đối thu – chi, có kế hoạch thu hồi nợ đối với các khoản nợ cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5, có kế hoạch thu hồi các khoản đầu tư dài hạn theo lộ trình từng năm, có kế hoạch xử lý đối với các khoản tài sản gán nợ chờ xử lý, tăng thêm vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính.

Ngân hàng đã trình NHNN về phương án cơ cấu lại giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030, và đã nhận được ý kiến phản hồi của NHNN ngày 07/02/2024. Theo đó, Ngân hàng đang rà soát các nội dung đã được NHNN có ý kiến để hoàn thiện, bổ sung, thực hiện phê duyệt phương án cơ cấu lại này theo thẩm quyền và báo cáo NHNN.

Với phương án cơ cấu lại như đã trình bày, Ngân hàng luôn tin tưởng về khả năng hoạt động liên tục của Ngân hàng.

Ngoài các thông tin được trình bày theo PACCL nêu trên, Ngân hàng không có bất kỳ các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết, hay bất kỳ thông tin có liên quan nào khác kể từ ngày kết thúc thời kỳ tài chính này yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập bảng

Kế toán trưởng




Đỗ Quỳnh Trang

Bùi Thị Khánh Vân

Tổng Giám đốc



Tạ Kiều Hưng

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT

Đánh giá HĐQT về NCB

Tiếp nối những kết quả của giai đoạn bản lề năm 2022, trong năm 2023, NCB đã triển khai tái cấu trúc toàn diện cả về diện mạo và sức mạnh nội tại. Năm 2023, NCB đã đạt được kết quả đáng khích lệ so với các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023 được ĐHĐCĐ thông qua; đồng thời các tỷ lệ an toàn hoạt động luôn được giám sát chặt chẽ và tuân thủ quy định của NHNN.

Năng lực tài chính: Luôn đảm bảo thanh khoản, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống, bảo đảm công khai, minh bạch, lành mạnh và bền vững. Đồng thời, NCB tiếp tục triển khai việc tăng vốn điều lệ trong các năm tới nhằm củng cố, ổn định năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu về mở rộng quy mô kinh doanh, phát triển tối đa các nguồn lực.

Hoạt động kinh doanh:

- Tính đến 31/12/2023, tổng tài sản hợp nhất của NCB đạt 96.249 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm 2023 (tăng 7% so với năm 2022); Huy động tiền gửi của khách hàng đạt 80.043 tỷ đồng (tăng 9%); Cho vay khách hàng đạt 55.344 tỷ đồng (tăng 16%). NCB đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trọng yếu về Tổng tài sản, Huy động vượt kế hoạch đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên 2023.
- NCB cũng thành công cán mốc 1 triệu khách hàng theo mục tiêu đã đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên 2023, tăng trưởng 35% so với năm 2022, mức tăng nhanh nhất trong các năm. Điều này cho thấy lòng tin của các khách hàng vào NCB ngày càng gia tăng.
- Tỷ lệ an toàn hoạt động, tỷ lệ thanh khoản của NCB luôn được giám sát chặt chẽ, tuân thủ quy định của NHNN.

Công nghệ: NCB cũng đồng thời đầu tư xây dựng nền tảng dữ liệu, nền tảng hạ tầng công nghệ để ra mắt các sản phẩm số toàn diện, gia tăng trải nghiệm khách hàng. Hiện NCB đã nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi T24 phiên bản R21 hiện đại nhất trên thị trường, tăng tốc độ phục vụ người dùng và tăng cường công tác quản trị điều hành nội bộ. Các dự án chuyển đổi số liên tục được triển khai giúp khách hàng có trải nghiệm mượt mà, tiện lợi hơn như: Nâng cấp hệ thống lõi thẻ, áp dụng quy trình eKYC để mở tài khoản, rút tiền không cần thẻ vật lý tại máy rút tiền ATM...

Quản trị rủi ro: Nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ, giám sát quy trình và kiểm toán hệ thống; Triển khai công tác nhận diện sớm các rủi ro đạo đức, rủi ro do gian lận để giảm thiểu, ngăn chặn rủi ro cho hệ thống. Phát triển bền vững, nâng cao năng lực QTRR, công cụ quản lý rủi ro; Hoàn thiện khung QTRR, quy định cảnh báo xử lý sớm nợ có vấn đề để tuân thủ quy định NHNN và tiệm cận dần với các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động QTRR.

Quản trị nguồn nhân lực: Tiếp tục hoàn thiện và đẩy nhanh các dự án nhân sự, kiện toàn cơ cấu tổ chức, đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, linh hoạt, phù hợp và hiệu quả cao nhất, song song với xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn toàn diện. Quản lý tối ưu chi phí nhân sự và nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.

Truyền thông – Marketing: Đã thực hiện đẩy mạnh truyền thông, quảng bá thương hiệu NCB thông qua các chương trình, chiến dịch truyền thông, qua đó nâng cao nhận diện và uy tín thương hiệu NCB trên thị trường tài chính.

Đánh giá HĐQT về BĐH

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BĐH được thực hiện theo quy chế quản trị nội bộ của NCB, cụ thể thông qua các công việc sau:

- HĐQT tổ chức họp giao ban hàng tháng, sơ kết 6 tháng và tổng kết năm 2023 với BĐH. BĐH báo cáo HĐQT về: Tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tình hình thực hiện, kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ vừa qua và kế hoạch triển khai trong kỳ tiếp theo; báo cáo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT. Tại cuộc họp, HĐQT phân tích, đánh giá, và đưa ra các chỉ đạo định hướng BĐH để thực hiện đúng các chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh được giao;
- HĐQT xem xét các báo cáo giám sát cảnh báo rủi ro trong hoạt động kinh doanh của NCB được BKS lập hàng tháng/quý; xem xét các Thư quản lý do BKS lập (trong đó nêu lên các thiếu sót của các đơn vị, các tồn tại về quy trình tác nghiệp được phát hiện thông qua các cuộc kiểm toán nội bộ và kiến nghị chỉnh sửa), để chỉ đạo và giám sát BĐH trong công tác tổ chức triển khai xử lý, khắc phục các thiếu sót, tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro;



- Năm 2023, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với định hướng và sự giám sát chặt chẽ của HĐQT, BĐH đã triển khai nhiều giải pháp với mục tiêu chiến lược rõ ràng, hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023. Toàn hệ thống, NCB đã có một năm tăng trưởng ấn tượng về quy mô hoạt động, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trọng yếu về Tổng tài sản, Huy động và cán mốc chỉ tiêu cho vay;
- Năm 2023, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo BĐH thực hiện mọi mặt hoạt động của NCB theo đúng định hướng, mục tiêu, chiến lược; BĐH đã bám sát các mục tiêu, định hướng và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trọng tâm được ĐHĐCĐ, HĐQT giao phó.

QUỸ ĐẠO MỚI ẤP Ủ MUÔN KỲ TÍCH



CHƯƠNG III Hoạt động kinh doanh 2023

Bảng điều khiển buồng lái	114
Điểm sáng hành trình 2023	116
Tăng cường năng lực tài chính	121
Đầu tư giải pháp công nghệ hướng đến số hóa quy trình	122
Hoạt động Marketing - Truyền thông nâng cao thương hiệu và hỗ trợ kinh doanh	126
Nền tảng vững chắc cho giai đoạn 2024 - 2028	128

BẢNG ĐIỀU KHIỂN BUỒNG LÁI

Chỉ số hoạt động nổi bật



100%

Chỉ số an toàn hoạt động chuẩn quy định NHNN

Giải thưởng:



Thương hiệu truyền cảm hứng 2023

Asia Pacific Enterprise Awards



Môi trường làm việc **tốt nhất châu Á** 2023

Tạp chí HR Asia



Top 10 Thương hiệu uy tín chất lượng quốc gia 2023

Viện Nghiên cứu Kinh tế Châu Á



Top 100 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam 2023

Brand Finance



Ứng dụng Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2023 dành cho ứng dụng ngân hàng số KHCN NCB iziMobile

Tạp chí Global Banking & Finance Review



Top 50 Sản phẩm - “Dịch vụ tin dùng Việt Nam 2023” dành cho ứng dụng ngân hàng số KHDN iziBankbiz

Tạp chí Kinh tế Việt Nam

↑ 283%

Tăng trưởng doanh số giao dịch thẻ

13.200 tỷ đồng

↑ 200%

Huy động tiền gửi trực tuyến

202,5 tỷ đồng

↑ 142%

Doanh thu kinh doanh ngoại hối

ĐIỂM SÁNG HÀNH TRÌNH 2023



Hội nghị triển khai Nhiệm vụ trọng tâm 2023 tại Phú Quốc

Nâng cao nhận diện thương hiệu với việc ra mắt nền tảng âm nhạc kể chuyện đầu tiên trên thị trường Ngân hàng “NCB Sing & Share – Mở triệu ước mơ”

Quý I/2023, NCB triển khai rầm rộ chiến dịch thương hiệu “NCB Sing & Share - Mở triệu ước mơ” thông qua các show âm nhạc được phát sóng trực tiếp trên Fanpage của NCB. Giữa các chiến dịch thương hiệu được tổ chức thường xuyên từ các nhân hàng, “NCB Sing & Share – Mở triệu ước mơ” như một luồng gió mới mang đến những trải nghiệm, góc nhìn mới mẻ về hành trình chinh phục ước mơ cùng hàng triệu khán giả.



Ngân hàng NCB khai trương Trụ sở mới

Tháng 8/2023, NCB đã khai trương trụ sở mới tại số 25 Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, một trong những vị trí đắc địa nhất Hà Nội. Trụ sở được thiết kế theo phong cách hiện đại, sang trọng, trang nhã với đầy đủ công năng. Không gian và cảnh quan cũng được ngân hàng đặc biệt chú trọng để mang tới trải nghiệm tích cực, tươi mới cho khách hàng đến giao dịch, cũng như tạo môi trường làm việc tràn đầy cảm hứng cho cán bộ nhân viên.



Chiến dịch “NCB Sing & Share - Mở triệu ước mơ” mở lối đi cho riêng mình, lan tỏa năng lượng tích cực đến công chúng thông qua việc “mở” ước mơ của chính các khách mời nổi tiếng, từ đó cổ vũ công chúng/khán giả theo đuổi ước mơ của mình. Đây chính là chìa khóa giúp cho chiến dịch “NCB Sing & Share - Mở triệu ước mơ” chạm đến trái tim của đông đảo công chúng bởi bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ thấy đâu đó có bóng hình mình hiện diện trên hành trình mở triệu ước mơ ấy. Chương trình là minh chứng cho cam kết của NCB trong hành trình trao gửi giá trị cho cộng đồng và truyền cảm hứng, lan tỏa động lực tích cực để triệu ước mơ Việt trở thành hiện thực.

Thu hút

16 triệu

lượt xem

Được đưa tin trên hơn

300

bài báo

ĐIỂM SÁNG HÀNH TRÌNH 2023

Hành trình văn hóa “Khai mở huyền thoại - Chinh phục tầm cao”

Gần 1.000 CBNV đang làm việc tại các Chi nhánh NCB khu vực miền Nam đã được tham gia hành trình văn hóa với chủ đề “Khai mở huyền thoại - Chinh phục tầm cao” diễn ra tại đỉnh núi thiêng Bà Đen (Tây Ninh). Hành trình trải nghiệm, khám phá tại Sun World Ba Den Mountain không chỉ đưa CBNV NCB chiêm ngưỡng những công trình kỳ vĩ, mà còn giúp hun đúc ý chí mạnh mẽ. Talkshow với chủ đề cùng tên là điểm dừng chân của hành trình. Mỗi câu chuyện được chia sẻ là một thông điệp được gửi đi về lòng trung thành, sự tin nhiệm, về mục tiêu vì sự phát triển của tổ chức, vì sự tin yêu của khách hàng và vì những giá trị công việc mà mỗi CBNV trân quý.



Ban hành bộ chuẩn mực hành vi theo 05 giá trị cốt lõi

Năm 2023, NCB đã ban hành Bộ chuẩn mực hành vi theo 05 Giá trị cốt lõi của NCB (Trung thành - Tín nhiệm - Tận tâm - Tinh tế - Thăng hoa) với 30 tuyên ngôn và 90 chỉ dẫn hành động. Nhiều hoạt động truyền thông giá trị cốt lõi đã được tổ chức như: Hội thảo “Văn hóa doanh nghiệp - Từ chiến lược đến thực thi”, “Thăng hoa để thay đổi - Thay đổi để thăng hoa”... Bên cạnh đó, các chiến dịch truyền thông lan tỏa, phủ sóng trên toàn hệ thống về các Giá trị cốt lõi đã giúp các CBQL vận dụng trong công tác quản lý, các CBNV thực hành trong công việc, và khách hàng thêm hiểu, tin yêu NCB.

TRUNG THÀNH

TÍN NHIỆM

TẬN TÂM

TINH TẾ

THĂNG HOA

Cuộc thi “Ngôi sao dịch vụ khách hàng - The New Teller 2023”

Cuộc thi nghiệp vụ trên quy mô toàn hệ thống dành riêng cho các CBNV là giao dịch viên, mang tới thông điệp không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ khách hàng, đáp ứng những mục tiêu phát triển theo chiến lược mới của NCB. Sự kiện cũng là một phần trong chính sách phát triển nhân tài được Ban Lãnh đạo NCB quan tâm phát triển. Theo đó, những giao dịch viên xuất sắc nhất sẽ được tham gia các khóa đào tạo nhằm trau dồi chuyên môn, nghiệp vụ, được ưu tiên phát triển lộ trình sự nghiệp, và gia tăng các chế độ lương, thưởng và phúc lợi tương xứng.



Lễ ra mắt Dự án Chiến lược “Entering the Digital Era” - “Thăng trọng lực, bay vào kỷ nguyên số”

Tháng 8/2023, NCB đã ký kết hợp tác với đối tác tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới để xây dựng chiến lược mới cho Ngân hàng giai đoạn 2023-2028. Đây là đơn vị có tầm nhìn chiến lược, thấu hiểu thị trường, xu hướng toàn cầu và Việt Nam, đồng thời đồng điệu với NCB trong lý tưởng và định hướng phát triển, đồng hành nghiên cứu, xây dựng chiến lược và kế hoạch mang tính bứt phá cho Ngân hàng, hướng tới mục tiêu phát triển lành mạnh, an toàn, hiệu quả.



Tháng 12/2023, NCB chính thức công bố Dự án Chiến lược xác định mô hình kinh doanh chiến lược “Digital Wealth – Quản lý gia sản hỗn hợp số” cho NCB giai đoạn 2023 - 2028. Quản lý gia sản hỗn hợp số sẽ là xu hướng đầu tư trong tương lai cho tất cả những khách hàng có thu nhập ổn định và mong muốn một giải pháp đầu tư đơn giản, thuận tiện, và hoạch định một kế hoạch tài chính cá nhân giúp khách hàng đạt được mục tiêu cụ thể. Mô hình Quản lý gia sản hỗn hợp số đã được HĐQT NCB phê duyệt triển khai và đang trong quá trình xây dựng kế hoạch triển khai tổng thể, dự kiến sẽ ra mắt thị trường vào cuối năm 2024 với những giải pháp vượt trội tiên phong tại thị trường Việt Nam.

ĐIỂM SÁNG HÀNH TRÌNH 2023

Ký kết Thỏa thuận Hợp tác chiến lược với Công ty BHNT Generali

Sự kiện đánh dấu một bước tiến quan trọng trong mối quan hệ giữa hai tổ chức tài chính hàng đầu. Thông qua thỏa thuận này, NCB và Generali cam kết hợp tác lâu dài để tận dụng lợi thế cạnh tranh và bổ sung khả năng của nhau trong lĩnh vực Ngân hàng và bảo hiểm nhân thọ. Mục tiêu chính là mang lại những sản phẩm và dịch vụ tài chính, bảo hiểm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Cái bắt tay hợp tác này không chỉ mở rộng cơ hội kinh doanh cho cả hai bên, mà còn góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng, qua đó tạo ra giá trị bền vững cho cả khách hàng và thị trường tài chính nói chung.



Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn của NCB

Ngày 29/12/2023, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận việc tăng vốn của NCB, theo đó, NCB được phép phát hành 620.000.000 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ thêm tối đa 6.200 tỷ đồng. Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 của NCB thông qua vào tháng 4 năm 2023 và được Hội đồng quản trị NCB triển khai theo quy định. Mục đích của việc chào bán thêm cổ phiếu và tăng vốn điều lệ là bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính của Ngân hàng.

Việc tăng vốn điều lệ là một tín hiệu tích cực, tạo sức bật quan trọng cho quá trình chuyển đổi toàn diện và mạnh mẽ của NCB, hướng tới các mục tiêu chiến lược của Ngân hàng. Đặc biệt trong bối cảnh NCB đang không ngừng nâng cao nền tảng công nghệ phục vụ mục tiêu số hóa toàn diện, đầu tư giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, gia tăng giá trị cho khách hàng và bắt tay cùng tổ chức tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới triển khai quyết liệt chiến lược mới giai đoạn 2023 – 2028.



TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Tháng 12/2023, NHNN đã chấp thuận việc tăng vốn của NCB lên 11.802 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 của NCB thông qua vào tháng 4 năm 2023, và được Hội đồng quản trị NCB triển khai theo quy định nhằm bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, tăng cường năng lực tài chính của Ngân hàng.

Đây là nền tảng để NCB nâng cao năng lực tài chính, tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh thông qua việc tăng giới hạn cấp tín dụng, giới hạn đầu tư... Từ đó, NCB củng cố khả năng cung ứng vốn cho nền kinh tế, đồng thời chủ động phát huy tối đa tiềm năng, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, phát triển dịch vụ, mạng lưới, góp phần gia tăng lợi ích cho khách hàng và thúc đẩy kinh tế - xã hội đất nước, bảo đảm tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của NHNN, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị rủi ro, thực hiện mục tiêu tăng trưởng bền vững, hiệu quả, an toàn theo chuẩn mực quốc tế.



ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ HƯỚNG ĐẾN SỐ HÓA QUY TRÌNH

2023 là năm NCB đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ thông tin, tập trung vào phát triển kiến trúc hệ thống nền tảng, đổi mới ứng dụng công nghệ thông tin, hỗ trợ số hóa quy trình nghiệp vụ và số hóa các dịch vụ ngân hàng. 35 dự án công nghệ đã được triển khai, trong đó các dự án nổi bật bao gồm:

Hạ tầng công nghệ thông tin

Đầu tư triển khai hạ tầng điện toán đám mây (Cloud):

Tháng 7/2023, HĐQT NCB đã phê duyệt chủ trương về việc triển khai hạ tầng đám mây được cung cấp bởi đối tác hàng đầu thế giới; xây dựng lộ trình triển khai ưu tiên cho nền tảng dữ liệu (Data Platform) của Ngân hàng, và tiến tới triển khai mở rộng mô hình đám mây đối với các hệ thống công nghệ khác trong tương lai. Việc triển khai hạ tầng điện toán đám mây đánh dấu một bước quan trọng trong chiến lược chuyển đổi số của NCB, hướng đến việc nâng cao khả năng quản lý và khai thác dữ liệu, tối ưu hóa hiệu suất, tăng khả năng mở rộng linh hoạt, và cung cấp trải nghiệm người dùng vượt trội.

NCB xây dựng chiến lược và lộ trình triển khai hệ sinh thái kỹ thuật số linh hoạt, tích hợp, đồng thời cung cấp những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng và đối tác. Đây là bước tiến quan trọng trong sự đổi mới và góp phần vào kế hoạch đưa NCB trở thành ngân hàng tiên phong trong cuộc cạnh tranh ngành Ngân hàng hiện đại.



Ứng dụng Công nghệ thông tin

Triển khai nền tảng dữ liệu lớn Data Platform

Hướng tới mục tiêu ra quyết định dựa trên dữ liệu trong kỷ nguyên số, NCB đang đầu tư mạnh mẽ vào việc phát triển hệ thống nền tảng dữ liệu, với kiến trúc dữ liệu hiện đại (như kiến trúc LakeHouse, Data Vault 2.0...). Đây là bước tiến quan trọng nhằm nâng cao khả năng quản lý và xử lý dữ liệu, giúp Ngân hàng đạt được hiệu suất tối ưu trong quá trình hoạch định chiến lược và ra quyết định kinh doanh.

Kiến trúc Lakehouse, kết hợp giữa lợi ích của Data Warehouse và Data Lake, sẽ mang lại khả năng linh hoạt và tính mạnh mẽ trong việc lưu trữ, xử lý và truy xuất dữ liệu. Điều này sẽ hỗ trợ NCB trong việc xây dựng nền tảng dữ liệu vững mạnh, đồng thời tối ưu hóa quá trình phân tích và báo cáo; làm tiền đề cho việc áp dụng AI/Machine Learning vào các bài toán kinh doanh.

Data Vault 2.0, mô hình thiết kế dữ liệu linh hoạt và hiệu quả, sẽ giúp đơn giản hóa quá trình tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, làm cho hệ thống trở nên linh hoạt và dễ bảo trì. Sự kết hợp của hai công nghệ này không chỉ giúp NCB đáp ứng nhanh chóng với các yêu cầu phức tạp của thị trường ngân hàng hiện đại, mà còn tạo ra một cơ sở hạ tầng linh hoạt và mở rộng để hỗ trợ sự phát triển trong tương lai.

ĐẦU TƯ GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ HƯỚNG ĐẾN SỐ HÓA QUY TRÌNH (TIẾP THEO)

Ứng dụng Công nghệ thông tin (TIẾP THEO)



Nâng cấp và tối ưu ứng dụng Mobile Banking và Internet Banking

Với mục tiêu cải tiến liên tục ứng dụng Mobile banking và Internet banking của ngân hàng, nhằm đem lại trải nghiệm và dịch vụ số tốt nhất và an toàn nhất cho khách hàng trên các ứng dụng trên kênh số, năm 2023 NCB đã tập trung vào công tác tăng cường an ninh bảo mật cho các giao dịch được thực hiện trên hệ thống, đồng thời triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu suất, tối ưu trải nghiệm của khách hàng, tăng tốc độ xử lý giao dịch trên hệ thống. So với trước đây, các giao dịch trọng yếu như đăng nhập, chuyển tiền 24/7, thanh toán bằng mã QR... đã được tối ưu tăng tốc độ hơn 300%, đạt hiệu năng theo tiêu chuẩn ở nhóm dẫn đầu thị trường.

NCB đã và đang đẩy mạnh áp dụng trí tuệ nhân tạo trong các sản phẩm số thông qua việc triển khai nâng cấp giải pháp định danh Khách hàng eKYC, qua đó đẩy mạnh cung cấp dịch vụ mở tài khoản online không cần đến quầy, góp phần quan trọng vào cột mốc NCB đạt 1 triệu khách hàng. Bên cạnh đó, NCB cũng phát triển và đưa các tính năng thẻ hiện đại vào kênh số: Cho phép KH phát hành thẻ phi vật lý, quản lý thẻ online; NCB là một trong những Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam cho phép người dùng rút tiền tại máy rút tiền ATM trên toàn quốc mà không cần thẻ vật lý (sử dụng phương thức quét mã VietQR phối hợp với Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam - NAPAS).



Nâng cấp chức năng hệ thống Ngân hàng lõi Corebanking T24

Tiếp nối thành công triển khai nâng cấp hệ thống giai đoạn 1 lên phiên bản cao nhất với chất lượng và thời gian kỷ lục, NCB tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của dự án nâng cấp Ngân hàng lõi Corebanking T24, tập trung vào việc xây dựng các chức năng sản phẩm mới, tối ưu hoá chức năng hiện hữu, hướng tới xây dựng hệ thống Corebanking có năng lực mạnh, khả năng phát triển mở rộng, hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Bên cạnh đó, dự án cũng giúp tăng cường chức năng kiểm soát rủi ro vận hành, tối ưu tác nghiệp của người dùng cuối, giảm thời gian xử lý vận hành giao dịch.



Nâng cấp nền tảng kết nối thanh toán tập trung (Payment Gateway)

Trong lộ trình số hóa quy trình, số hóa các dịch vụ Ngân hàng, nhằm tạo ra sự thay đổi và đột phá lớn trong hoạt động, việc xây dựng và phát triển các hệ thống nền tảng, đặc biệt là các hệ thống kết nối đóng vai trò rất quan trọng. Tại NCB, nền tảng kết nối thanh toán tập trung - Payment Gateway được triển khai theo kiến trúc mới, đảm bảo hiệu năng cao, tính mở rộng trong tương lai. Giải pháp Payment Gateway mới giúp trang bị năng lực thực hiện kết nối với nhiều hệ thống, đối tác, hệ sinh thái, đồng thời duy trì hoạt động ổn định với tốc độ xử lý nhanh và linh hoạt.



Ứng dụng quy trình làm việc liên tục và tự động hóa phần mềm (CI/CD) vào hoạt động phát triển sản phẩm công nghệ

Song song với việc đầu tư vào các ứng dụng công nghệ phục vụ các hoạt động và dịch vụ Ngân hàng, NCB cũng chú trọng đầu tư vào công cụ, phương pháp triển khai hiện đại cho các hoạt động công nghệ thông tin. CI/CD (Continuous Integration/Continuous Deployment) đã được NCB nghiên cứu và đưa vào triển khai từ năm 2023, theo hướng tự động tích hợp và triển khai các microservices của các hệ thống một cách liên tục, tự động trên các môi trường phát triển sản phẩm. Việc áp dụng CI/CD sẽ giúp Ngân hàng tối ưu hóa quy trình phát triển và triển khai các ứng dụng, đảm bảo tính chính xác, ổn định, giảm thời gian phát triển trong khi vẫn duy trì chất lượng phát triển phần mềm, giảm thiểu rủi ro vận hành, đồng thời tối ưu thời gian triển khai thay đổi của các hệ thống công nghệ thông tin, giúp đưa sản phẩm ra thị trường một cách nhanh chóng.



HOẠT ĐỘNG MARKETING - TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO THƯƠNG HIỆU VÀ HỖ TRỢ KINH DOANH

Hoạt động Marketing – Truyền thông của NCB đã được triển khai mạnh mẽ trong năm 2023, góp phần quảng bá rộng rãi hình ảnh một “NCB phiên bản mới” hấp dẫn, không ngừng đổi mới với những dấu ấn ấn tượng:

Tháng 3/2023, NCB ra mắt chiến dịch “NCB Sing & Share - Mở triệu ước mơ” – Nền tảng âm nhạc kể chuyện đầu tiên của ngành ngân hàng. Nền tảng âm nhạc khác biệt này đã thu hút 16 triệu lượt xem trên tất cả các nền tảng, nhận lượt tương tác lớn với hàng trăm bài báo.



Trong năm 2023, Khối Marketing – Truyền thông đã kết hợp cùng các Khối Kinh doanh và đối tác triển khai hơn 30 chương trình khuyến mại tới khách hàng, không chỉ thu hút sự quan tâm mà còn gia tăng giá trị dành cho khách hàng của NCB.

Ứng dụng Ngân hàng số NCB iziMobile được truyền thông mạnh mẽ với thông điệp “Ngân hàng gọn gàng – Sống nhẹ nhàng”. Lần đầu tiên, một ứng dụng ngân hàng số dành cho KHCN được thiết kế hướng tới sự tinh gọn, tập trung vào các tính năng chính theo nhu cầu sử dụng của khách hàng, thay vì xu hướng siêu ứng dụng phức tạp. Chiến dịch thu hút sự quan tâm lớn của giới trẻ với 7,6 triệu lượt tiếp cận; hơn 2,4 triệu lượt xem iTVC sản phẩm và hơn 20.400 lượt tìm hiểu về ứng dụng.



7,6 triệu
lượt tiếp cận

20.400 lượt tìm hiểu

2,4 triệu
lượt xem iTVC

Chiến dịch “Mở NCB iziMobile – Mở Thế giới diệu kỳ” mùa hè năm 2023 được triển khai rộng rãi trên khắp các Công viên giải trí hàng đầu Việt Nam đã mang về hơn 65.000 tài khoản mở mới chỉ trong 4 tháng, giúp quảng bá rộng rãi thương hiệu NCB nói chung và ứng dụng NCB iziMobile nói riêng tới khách hàng khắp ba miền.

65.000
tài khoản mở mới

Ngân hàng số NCB iziBankbiz dành cho doanh nghiệp của NCB đã được quảng bá mạnh mẽ tới KHDN trong năm 2023. Các sản phẩm truyền thông đa dạng, quảng bá trên hàng loạt kênh đã đưa NCB iziBankbiz tới gần hơn với cộng đồng doanh nghiệp. Đặc biệt, iTVC về ứng dụng được NCB xây dựng với phong cách hiện đại, dễ hiểu, làm nổi bật vai trò đồng hành quan trọng với mỗi doanh nghiệp. Bên cạnh việc truyền thông mạnh mẽ, các chương trình ưu đãi hấp dẫn được triển khai đã giúp NCB iziBankbiz chiếm trọn cảm tình của đông đảo người dùng chỉ sau chưa đầy một năm ra mắt, lọt top sản phẩm – dịch vụ được tin dùng bậc nhất 2023 do Tạp chí Kinh tế Việt Nam bình chọn.



NCB iziBankbiz
được tin dùng bậc nhất 2023
do Tạp chí Kinh tế Việt Nam bình chọn



NỀN TẢNG VỮNG CHẮC CHO GIAI ĐOẠN 2024 - 2028

Năm 2023, NCB chuyển đổi toàn diện cả về diện mạo và sức mạnh nội tại, thẳng trọng lực để sẵn sàng bút phá vào quỹ đạo mới.

Song song với việc kiện toàn bộ máy lãnh đạo, với sự tham gia của các cán bộ quản lý giàu tâm huyết, có chuyên môn sâu rộng và dày dặn kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng, NCB thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng nhân sự. Hệ thống mạng lưới kênh phân phối được cơ cấu lại để quản lý tập trung, hiệu quả, nâng cao năng lực hệ thống. Cùng với các chính sách nhân sự hấp dẫn, cạnh tranh, NCB xây dựng văn hóa doanh nghiệp đặt yếu tố con người làm ưu tiên hàng đầu, tạo điều kiện để mọi cán bộ nhân viên có cơ hội phát triển bản thân, đồng thời đảm bảo những giá trị cốt lõi của người NCB luôn được phát huy, để tổ chức ngày càng hoàn thiện.

NCB cũng tiếp tục đầu tư xây dựng nền tảng dữ liệu, nền tảng hạ tầng công nghệ để ra mắt các sản phẩm số toàn diện, gia tăng trải nghiệm khách hàng. Hệ thống ngân hàng lõi được nâng cấp phiên bản hiện đại nhất trên thị trường đã tăng tốc độ phục vụ người dùng và tăng cường công tác quản trị điều hành nội bộ. Các dự án chuyển đổi số liên tục được triển khai giúp khách hàng có trải nghiệm mượt mà, tiện lợi hơn.

Với việc hoàn thành Giải pháp triển khai tự thực hiện đánh giá mức đủ vốn (ICAAP) chuẩn Basel 2, NCB có thể tự đánh giá mức đủ vốn trong điều kiện kinh doanh thông thường và khi có những biến động bất lợi của thị trường. Đây là một phần của chiến lược giúp NCB phát triển bền vững, nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tối ưu hoá hiệu quả sử dụng vốn, từ đó tăng mức độ tín nhiệm của Ngân hàng.

Đồng thời, NCB đã thực hiện Đánh giá tổng thể và Xây dựng lộ trình kiện toàn Hệ thống Kiểm soát nội bộ dưới sự tư vấn của đối tác quốc tế để kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời những tổn thất và các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động Ngân hàng. NCB đang trong lộ trình hoàn thiện nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, tiệm cận với chuẩn mực quản trị Ngân hàng, tiến tới chuẩn mực quốc tế.

Song song với đó, NCB đầu tư nâng cao nhận diện thương hiệu đối với khách hàng và cộng đồng. Các chiến dịch thương hiệu điểm nhấn và các chương trình marketing – truyền thông sản phẩm hấp dẫn trong năm 2023 đã đưa chỉ số về mức độ nhận biết thương hiệu của NCB tăng 3% so với năm 2022.



Đến nay, NCB là TCTD đầu tiên hoàn thành việc xây dựng phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2023-2025 theo lộ trình “Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định 689 của Thủ tướng Chính phủ. Sau khi rà soát, ngày 7/2/2024 NHNN Việt Nam đã có công văn trả lời về các đề xuất, khuyến nghị của NCB. Trên cơ sở ý kiến của NHNN và ĐHĐCĐ, NCB sẽ hoàn chỉnh phương án theo Điều lệ Ngân hàng để tổ chức triển khai thực hiện. Qua đó, NCB đã xây dựng lộ trình, kế hoạch giải quyết toàn diện các tồn tại và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo NCB phát triển lành mạnh, an toàn và bền vững.

Năm 2023, song song với việc xây dựng phương án cơ cấu lại Ngân hàng, NCB bắt tay cùng đối tác tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới để nghiên cứu, đề xuất chiến lược phát triển ngân hàng với tầm nhìn dài hạn và khát vọng trở thành Ngân hàng cung cấp dịch vụ, giải pháp tài chính tốt nhất cho khách hàng siêu giàu trong 10 năm tới. Một NCB mới mang lại các trải nghiệm ngân hàng thông qua tư duy đổi mới, sáng tạo, là trung tâm của sự đổi mới dịch vụ tài chính, tiên phong phát triển các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng công nghệ tối tân nhất, hướng tới trở thành ngân hàng có trách nhiệm với xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của cộng đồng mà NCB phục vụ.

Năm 2023, NCB chuyển đổi toàn diện cả về diện mạo và sức mạnh nội tại, thẳng trọng lực để sẵn sàng bút phá vào quỹ đạo mới.

Chỉ số về mức độ nhận biết thương hiệu của NCB tăng

↑ 3%

so với năm 2022.

MỘT TRẠM ĐẾN CHẠM ĐẾN TRIỆU TIN – YÊU

CHƯƠNG IV

Định hướng kinh doanh 2024

Hội ký thể hệ hoa tiêu	132	• Dự án Chiến lược	142
Định hướng kinh doanh 2024	138	• Dự án Chuyển đổi số	146
• Năng lực tài chính	138	• QTRR và Kiểm soát nội bộ	150
• Hoạt động kinh doanh	138	• Nguồn nhân lực	150
• Công nghệ	141	• Marketing - Truyền thông	151





HỒI KÝ THỂ HỆ HOA TIÊU

Là người lãnh đạo trực tiếp dẫn dắt Tàu Du Hành NCB vượt lực cản, tăng tốc bứt phá chuẩn bị cho hành trình chinh phục quỹ đạo mới, ông Tạ Kiều Hưng - Tổng Giám đốc NCB ấp ủ nhiều niềm tin và hoài bão đối với tiến trình tái cấu trúc của NCB và với việc đưa vào thực thi một chiến lược phát triển dài hạn đã được xây dựng chuyên nghiệp và bài bản.



ÔNG TẠ KIỀU HƯNG
Tổng Giám đốc

Trên dưới một lòng

“Ba từ khoá quan trọng trong quá trình hoạt động của NCB là:

**TẬP TRUNG
CHUYỂN ĐỔI
LINH HOẠT.”**

Giữa bối cảnh nền kinh tế năm 2023 còn nhiều thách thức, nhiều giải pháp then chốt đã giúp NCB hoá giải các tồn tại, biến “nguy” thành “cơ”, tạo nên động lực tăng trưởng.

Đầu tiên, và quan trọng nhất, NCB có sự chỉ đạo, dẫn dắt xuyên suốt, nhất quán từ HĐQT đến BDH, sự “đồng tâm hiệp lực” của đội ngũ CBNV trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch. Đây là động lực quan trọng cho sự phát triển của NCB, không chỉ cho năm 2023 mà còn cho nhiều năm sau nữa.

Thứ hai, NCB đã quy hoạch hoạt động kinh doanh, tập trung vào những mảng có thể cạnh tranh, cởi bỏ những hoạt động rủi ro cao hoặc không hiệu quả. Hoạt động kinh doanh và hoạt động xử lý nợ được bóc tách thành hai mảng riêng để chuyên môn hoá, tăng cường hiệu quả nói chung.

Thứ ba, NCB đã tinh gọn bộ máy hoạt động để gia tăng hiệu quả. Mạng lưới các điểm giao dịch trên toàn hệ thống được tối ưu hóa, giúp tiết kiệm chi phí vận hành, đồng thời tạo sự tập trung để xây dựng những chi nhánh lớn mạnh, giàu nhân lực và vật lực. Về nhân sự, NCB đã thu hút thành công nhiều nhân sự có năng lực, kinh nghiệm và đam mê từ nhiều TCTD lớn để hình thành bộ khung vững chắc cho hành trình mới.

Thứ tư, công tác phát triển các hoạt động kinh doanh mới và tăng trưởng mảng khách hàng doanh nghiệp và cá nhân, bao gồm kinh doanh phí ngoại tệ và dịch vụ liên quan đến tín dụng, tăng trưởng khách hàng cá nhân mới diễn ra thuận lợi, đã góp phần vào sự tăng trưởng và thành công chung.

Cuối cùng và cũng là yếu tố mang tính quyết định, với sự tư vấn của đối tác chiến lược quốc tế hàng đầu, HĐQT đã phê duyệt và triển khai dự án xây dựng Chiến lược Phát triển giai đoạn 2024 – 2028. Đây vừa là động lực tinh thần, vừa là kim chỉ nam cho hàng nghìn CBNV NCB tin tưởng và vững vàng bước vào hành trình tương lai đầy hứa hẹn.

Nhiều lợi thế hiếm có

“Trước đây có những việc mất 5 năm mới làm được, giờ có công nghệ thì chỉ còn mất 1 năm.”

Nhìn lại năm 2023, tôi đánh giá hai trụ cột trong đề án tái cấu trúc tổng thể đã được cả bộ máy thực hiện đặc biệt thành công, đó là lộ trình xử lý nợ linh hoạt đã cơ bản hoàn thành giai đoạn I, đang bước vào giai đoạn II; và Đề án tăng vốn điều lệ giai đoạn II đã được NHNN thông qua, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2024.

Bên cạnh thuận lợi, còn hai điểm thách thức dành cho NCB: Quy mô nợ xấu lớn đang đòi hỏi nỗ lực nhiều hơn để xử lý; và dư địa tín dụng cần được cải thiện để tăng tốc quá trình tái cấu trúc nói chung.

Tuy nhiên, nhờ những lợi thế hiếm có, nổi bật trong đó là sự quyết tâm của các cổ đông lớn, HĐQT và BDH; sự ủng hộ và hỗ trợ từ cơ quan quản lý, đặc biệt là NHNN; sự tiên phong của NCB trong việc đón đầu nhu cầu của khách hàng; và sự thuận tiện trong việc áp dụng công nghệ vào hoạt động, NCB đang có nhiều lợi thế trong công cuộc tái cấu trúc.

Trước đây, tái cấu trúc ngân hàng là một quá trình chậm chạp và khó khăn khi không có sự hỗ trợ của công nghệ. NCB thì khác, chúng tôi có cơ hội đổi mới nhanh hơn nhờ công nghệ, hoàn toàn vượt rào cản về tốc độ. Trước đây có những việc mất 5 năm để hoàn thành, thì nay, nhờ có công nghệ, chỉ cần 1 năm. Vấn đề hiện giờ chỉ là chọn đúng và làm đúng mà thôi.



HỒI KÝ THỂ HỆ HOA TIÊU

Sự quyết tâm cao nhất ở thượng tầng

"Máy móc và công nghệ, bao gồm cả AI, là các hệ thống công cụ hỗ trợ, không thể hoàn toàn thay thế con người, đặc biệt là những nhân sự chất lượng cao."

ÔNG NGUYỄN VỊNH
Giám đốc Khối Công nghệ

Ông Nguyễn Vinh - Giám đốc Khối Công nghệ cho rằng chuyển đổi số không nên chỉ dừng lại ở một xu hướng, mà là câu chuyện cần được thực thi một cách bài bản. Điều này không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu mà phải được chuyển hóa thành hành động cụ thể trong tất cả hoạt động của tổ chức.

Yếu tố then chốt để chuyển đổi số thành công là sự ủng hộ và kiên định xuyên suốt từ cấp cao nhất của tổ chức đến mọi cấp độ cán bộ nhân viên. Yếu tố này đang được thể hiện sống động tại NCB, từ HĐQT truyền tải tới BDH và CBNV, đều đồng nhất một tinh thần mạnh mẽ, nhất quán.

Chiến lược công nghệ của NCB tập trung vào ba yếu tố quan trọng: Con người, quy trình, và sản phẩm công nghệ. Trong đó, sản phẩm công nghệ đóng một vai trò trung tâm, với sự chú trọng vào Big Data, trí tuệ nhân tạo (AI), và nền tảng tích hợp mở (OpenAPI), song hành với đảm bảo an ninh bảo mật hệ thống. Việc áp dụng công nghệ này không chỉ giúp tự động hóa và tối ưu hóa quy trình chăm sóc khách hàng, tiết kiệm chi phí, mà còn mang lại trải nghiệm tốt hơn và an toàn hơn cho khách hàng, đồng thời tiết kiệm chi phí nhân sự vận hành.

Con người tại NCB vẫn là yếu tố đóng vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình tối ưu hóa quy trình, nghiên cứu, triển khai, và vận hành các sản phẩm công nghệ. Điều này nhấn mạnh một quan điểm quan trọng, đó là máy móc và công nghệ, bao gồm cả AI, là công cụ hỗ trợ, không thể hoàn toàn thay thế con người, đặc biệt là những nhân sự chất lượng cao. Sức mạnh sáng tạo, khả năng phán đoán, và kỹ năng quản lý dự án của con người là không thể thay thế.



Sứ mệnh lâu dài

"Sứ mệnh lâu dài của NCB không chỉ là hình thành thói quen đầu tư cho người dân Việt Nam, mà còn giúp khách hàng hiểu về việc đầu tư đúng cách, an toàn và hiệu quả."

ÔNG LÊ TUẤN TÚ
Giám đốc Dự án Chiến lược kiêm Phó Giám đốc Khối QTRR

Có thể nói, chuyển đổi số đang được đánh giá là một xu hướng không thể đảo ngược. Do đó, NCB đang tạo cách biệt bằng cách không chỉ đầu tư vào công nghệ mới, mà còn phải là những công nghệ đủ linh hoạt, đủ khả năng thích ứng liên tục.

Cái gì đúng ở hiện tại, có thể sẽ lỗi thời trong chỉ một, hai năm nữa. Vì vậy mọi công nghệ, ứng dụng NCB xây dựng đều được tính đến khả năng linh hoạt, tương thích khi thay thế, cập nhật. Làm chủ tốc độ luôn làm nên lợi thế của người dẫn đầu.

Do đó, quá trình này cũng mang trọng số lớn quyết định khả năng triển khai thành công của Chiến lược phát triển dài hạn trong tương lai. Tôi cho rằng, điều thị trường đang thực sự cần là một hệ thống đầu tư toàn diện, kết hợp giữa số hóa và tư vấn cá nhân hóa, để phục vụ mọi nhóm khách hàng một cách tốt nhất, từ việc cung cấp thông tin, tư vấn, đến việc thực hiện đầu tư, tiện lợi trong mọi bước của hành trình đầu tư.

Các nền tảng hỗ trợ như AI và chatbot sẽ giúp khách hàng dễ dàng tiếp cận thông tin, được tư vấn và hỗ trợ quyết định đầu tư với các khoản tiền từ nhỏ đến lớn, hoặc thậm chí là việc đầu tư định kỳ hàng tháng. Điều này giúp khách hàng từ người không biết phải làm gì với số tiền nhàn rỗi hàng tháng, trở thành một nhà đầu tư biết tận dụng cơ hội, tạo ra lợi ích từ việc đầu tư có cơ sở, được khuyến nghị và tư vấn một cách rõ ràng - đây là miêu tả sơ bộ các lợi ích mang lại khi Chiến lược phát triển bền vững của NCB được đưa vào thực tiễn.

Sứ mệnh lâu dài của NCB không chỉ là hình thành thói quen đầu tư cho người dân Việt Nam, mà còn giúp khách hàng hiểu về việc đầu tư đúng cách, an toàn và hiệu quả. Điều này rất quan trọng trong bối cảnh hiện nay, khi bản chất của hoạt động đầu tư không chỉ là lợi nhuận, mà còn là việc hiểu rõ bản chất và rủi ro của sản phẩm đầu tư. NCB mong muốn giúp cộng đồng không chỉ tham gia vào thị trường đầu tư một cách tự tin, mà còn có thể sinh lời một cách an toàn và bền vững.





HỒI KÝ THỂ HỆ HOA TIÊU

Dùng đúng người, giao đúng việc

“Điều thực sự làm nên khác biệt, tạo sự cách biệt trên đường đua dịch vụ dành cho khách hàng cao cấp, là văn hóa về con người.”

Tại NCB, nguồn nhân lực được xác định là một trong ba chân kiềng đóng vai trò quyết định trong việc chinh phục mục tiêu phát triển và chiến lược kinh doanh. Toàn bộ yếu tố tác động đến hành trình trải nghiệm và phát triển của nhân sự đều được tính toán, bao hàm và cơ cấu một cách hệ thống hóa.

Tôi ví dụ, nhân sự tại NCB không chỉ được sắp xếp theo vị trí và chức danh, mà được cơ cấu theo Bộ chỉ số Khung năng lực vào 9 nhóm theo thứ tự tăng dần, cùng đó là kế hoạch hành động được “may đo” cho từng nhóm. Đây là bộ nhận diện toàn diện và bài bản, giúp chúng tôi “dùng đúng người, giao đúng việc”.

Quan trọng hơn, “bộ lọc” này cũng giúp chúng tôi tuyển lựa được đội ngũ tinh hoa cho giai đoạn triển khai chiến lược trung và dài hạn của NCB về quản lý gia sản hỗn hợp số. Phục vụ khách hàng cao cấp là một nghệ thuật. Để chiếm được thiện cảm của thượng khách, bạn chỉ giỏi chuyên môn thôi chưa đủ, mà còn phải tinh tế, có dấu ấn cá nhân riêng biệt. Bên cạnh việc nhận diện và đầu tư ưu tiên cho nhóm nhân tài hiện tại, chúng tôi cũng xây dựng chiến lược thu hút đặc biệt vượt trội đối với một số vị trí chủ chốt.

Vận hành trong kỷ nguyên của sự chuyển đổi không ngừng, chúng tôi vẫn luôn tâm niệm con người là trung tâm của mọi hoạt động, là hệ quy chiếu chi phối mọi chiến lược và mục tiêu. Và hành trình cùng NCB đi tới tương lai mới sẽ thúc đẩy các NCBers cán đích không chỉ Trạm đến mang tên Thành công hay Chiến thắng, mà còn cả những Trạm nghỉ mang tên Tự hào và Thăng hoa.

Bà VÕ THỊ THÙY DƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực



Bà PHẠM THỊ HIỀN
Phó Tổng Giám đốc
kiêm Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Hoa tiêu dẫn đường

“Quản trị rủi ro trong ngân hàng là một nghệ thuật đi tìm điểm cân bằng “vàng” giữa rủi ro và lợi nhuận.”

Tại NCB, đóng vai trò “hoa tiêu” cho bộ phận kinh doanh là bộ phận Quản trị Rủi ro. Đây được ví như người dẫn đường cho bộ phận kinh doanh nhận diện được lĩnh vực tiềm năng để khai thác, lĩnh vực rủi ro và biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Tôi cho rằng “quản trị rủi ro cần phải chặt chẽ, phòng tránh mọi rủi ro cho ngân hàng” là quan điểm đã lỗi thời. Không có công thức quản trị rủi ro chung cho tất cả ngân hàng, bởi mỗi ngân hàng có một danh mục khách hàng, lợi thế kinh doanh và nền tảng riêng.

Quản trị rủi ro trong ngân hàng là một nghệ thuật đi tìm điểm cân bằng “vàng” giữa rủi ro và lợi nhuận. Muốn làm kinh doanh tốt, thì bộ phận quản trị rủi ro phải hiểu kinh doanh, và ngược lại, muốn quản trị rủi ro tốt thì bộ phận kinh doanh phải hiểu rủi ro. Chỉ khi cả hai bên hiểu rõ lẫn nhau, ngân hàng mới đạt được tối ưu về lợi nhuận với rủi ro thấp nhất.

Về chiến lược phát triển 2024 - 2028 của NCB, vai trò của bộ phận Quản trị rủi ro là vô cùng quan trọng, khi không chỉ giám sát và theo dõi những rủi ro phát sinh và các vấn đề trong hoạt động hàng ngày, mà còn cùng đồng hành để giám sát cả những rủi ro liên quan đến chuyển đổi số và thực thi các sáng kiến chiến lược, nhằm hạn chế tối đa rủi ro tiềm tàng đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

- Hoàn thành tăng vốn điều lệ thêm 6.200 tỷ đồng nhằm củng cố và ổn định năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu về mở rộng quy mô kinh doanh và phát triển tối đa các nguồn lực;
- Ưu tiên đảm bảo thanh khoản và các chỉ số an toàn hoạt động Ngân hàng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống, bảo đảm công khai, minh bạch, phát triển lành mạnh và bền vững.
- Một số chỉ số tài chính chủ yếu:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KHKD 2024
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	105.892
2	Huy động khách hàng	Tỷ đồng	86.050
3	Cho vay khách hàng	Tỷ đồng	64.344
4	Quy mô khách hàng	Khách hàng	1.150.000
5	Lũy kế khách hàng sử dụng App iziMobile	Khách hàng	595.051
6	Lũy kế số lượng thẻ tín dụng	Thẻ	31.991
7	Tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	Tỷ đồng	6.075
8	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	NCB cam kết dùng toàn bộ lợi nhuận để thực hiện nghĩa vụ theo PACCL



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Khách hàng cá nhân



Với mục tiêu trở thành ngân hàng cung cấp dịch vụ và giải pháp tài chính tốt nhất cho phân khúc khách hàng siêu giàu trong 10 năm tới, trong năm 2024, NCB sẽ tiếp tục tập trung cải tiến tính năng sản phẩm, tối ưu kênh bán, tăng năng suất lao động và chất lượng phục vụ nhằm đem tới sản phẩm dịch vụ ưu việt và chất lượng cao cấp dành cho phân khúc khách hàng có thu nhập trung bình khá trở lên và khách hàng trẻ năng động.

01

Sản phẩm & dịch vụ

- Thiết kế sản phẩm, dịch vụ theo hướng số hoá, đơn giản về thủ tục, quy trình, đẩy nhanh tốc độ xử lý mang đến trải nghiệm nhanh chóng, tiện lợi và an toàn khi sử dụng.
- Ra mắt các sản phẩm dịch vụ mới, tính năng mới đáp ứng trọn vẹn nhu cầu Tài chính đa dạng của khách hàng.
- Triển khai các chương trình hợp tác đối tác, các chương trình ưu đãi, khuyến mại mang đến cho khách hàng các dịch vụ đặc quyền, chất lượng, khác biệt.

02

Hoạt động bán hàng

- Tiếp tục tối ưu hệ thống kênh bán theo hướng tăng cường hoạt động marketing tại địa phương, khai thác địa bàn vi mô nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh các chi nhánh.
- Tăng cường triển khai bán hàng thông qua hoạt động kết nối với các đối tác lớn có đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp, tập khách hàng lớn, tiềm năng.
- Tổ chức triển khai bán hàng đồng bộ, đa kênh trên nền tảng Digital Marketing, Telesales và kênh chi nhánh.
- Thiết kế và triển khai các giải pháp, chương trình kinh doanh “may đo” phù hợp với từng đối tượng khách hàng, kênh bán cụ thể.

03

Lực lượng bán

- Tiếp tục điều chỉnh chính sách lương gắn với kết quả hoàn thành KPIs phù hợp và cạnh tranh so với thị trường, nhằm thu hút và thúc đẩy năng lực đội ngũ bán hàng.
- Tăng cường tổ chức hoạt động đào tạo, thi nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ bán hàng thường xuyên, liên tục. Triển khai các khóa học, chương trình đào tạo kỹ năng bán hàng, chăm sóc khách hàng hướng đến phục vụ phân khúc khách hàng ưu tiên.
- Cung cấp tài liệu, công cụ bán hàng chuyên nghiệp, hiện đại hỗ trợ lực lượng bán hàng có đầy đủ thông tin, nhanh chóng, cập nhật và hiệu quả. NCB cũng sẽ triển khai hệ thống CRM trong công tác quản lý khách hàng và quản trị bán hàng nhằm nâng cao năng suất bán hàng.
- Để đạt các mục tiêu tăng trưởng trọng tâm trong thời gian ngắn, NCB sẽ triển khai các đội đặc nhiệm (taskforce) thực hiện các chiến dịch bán hàng “quick win”.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Khách hàng doanh nghiệp



Định hướng kinh doanh năm 2024

Với mục tiêu tập trung phát triển bền vững, thực hiện chiến lược chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dịch vụ, trong năm 2024, NCB sẽ phát triển sản phẩm/dịch vụ dành cho KHDN theo hướng tinh gọn, hiệu quả, tăng thu phí dịch vụ và thu ngoài lãi. Hoạt động kinh doanh sẽ tập trung vào các nhóm khách hàng nằm trong hệ sinh thái khách hàng chiến lược của NCB, khách hàng thuộc ngành nghề sản xuất, chế biến chế tạo, xuất nhập khẩu và nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nhóm ngành dược, thiết bị y tế. Đây là các nhóm ngành sẽ giúp phần tăng trưởng CASA, đẩy mạnh thanh toán quốc tế và tăng cường thu phí dịch vụ. Song song đó, công tác đẩy mạnh thu hồi nợ xấu, hạn chế phát sinh nợ quá hạn mới cũng là một điểm được quan tâm chú trọng trong năm 2024.

Kế hoạch sản phẩm dịch vụ KHDN năm 2024

Để nâng cao trải nghiệm người dùng và chất lượng sản phẩm cung cấp cho Khách hàng, NCB tập trung cải thiện các sản phẩm hiện có và xây dựng các sản phẩm mới theo hướng như sau:

- Tăng cường các tính năng nổi trội cho sản phẩm ngân hàng điện tử và xây dựng thêm các tính năng mới cho đối tác chiến lược.
- Xây dựng các sản phẩm tín dụng mới và triển khai các chiến dịch thúc đẩy sản phẩm theo hướng thiết kế các chương trình riêng dành cho các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành nghề khác nhau.
- Tiếp tục đẩy mạnh các sản phẩm thế mạnh hiện tại của NCB như sản phẩm cấp tín dụng cho doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp xây lắp.
- Tập trung xây dựng các chính sách ưu đãi hướng tới các nhóm ngành ưu tiên như nông lâm nghiệp, thủy sản, dệt may, thực phẩm, đồ uống, hóa chất, và các sản phẩm công nghệ cao.
- Cung cấp các giải pháp/ sản phẩm tài chính và thanh toán theo hướng may đo riêng biệt, nhằm tận dụng ưu thế về dòng tiền và tệp khách hàng đa dạng của các khách hàng Doanh nghiệp lớn, hệ sinh thái của đối tác chiến lược.

Nguồn vốn và Thị trường Tài chính



Năm 2024, NCB chủ trương tập trung tối ưu hóa nguồn vốn, đảm bảo thanh khoản tuân thủ các quy định, đồng thời áp dụng hệ thống công nghệ thông tin để giảm thiểu rủi ro hoạt động và tăng cường hiệu quả quản trị.

Về hoạt động kinh doanh sản phẩm thị trường tài chính (FX Sales), NCB sẽ tập trung phát triển khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp theo hướng kiến tạo tiện ích về thanh toán, chuyển tiền quốc tế và tài trợ thương mại.

2024 được định vị là năm chiến lược về hoàn thiện cơ chế chính sách, nghiên cứu đóng gói sản phẩm, chương trình thúc đẩy vì mục tiêu kinh doanh, đặc biệt là mục tiêu doanh số ngoại tệ. Theo đó, các hoạt động về nguồn vốn và thị trường tài chính sẽ được triển khai theo hướng có sự phối hợp chặt chẽ với các đơn vị kinh doanh để xây dựng các gói sản phẩm kết hợp cho khách hàng, nhằm gia tăng hoạt động bán chéo và gia tăng tỷ lệ sử dụng sản phẩm, vì mục tiêu tăng trưởng kinh doanh ngoại tệ, đồng thời ứng dụng công nghệ nhằm số hóa các sản phẩm và đưa lên kênh phân phối số.

CÔNG NGHỆ

- Hoàn thành triển khai các sáng kiến và dự án công nghệ: Data Platform, Nâng cấp corebanking T24 giai đoạn 2, Hệ thống phòng chống rửa tiền AML, hệ thống quản trị nội dung tập trung ECM, thay thế hệ thống khởi tạo khoản vay hiện đại LOS... nhằm hỗ trợ phát triển kinh doanh và tối ưu hoạt động vận hành, hướng tới số hóa các quy trình, nghiệp vụ trong Ngân hàng.
- Ưu tiên công tác bảo đảm an ninh, nâng cao sự tin cậy của hệ thống thông tin, áp dụng các chuẩn mực bảo mật trong giao dịch, an toàn dữ liệu trong ngân hàng, thông qua nhóm các dự án và sáng kiến an ninh bảo mật như: Giải pháp DLP (Data Loss Prevention), giải pháp an ninh thể hệ mới XDR, APT...
- Tập trung công tác vận hành ứng dụng, vận hành hệ thống nhằm đảm bảo các hệ thống Công nghệ thông tin hoạt động ổn định, hướng tới tỷ lệ thời gian hoạt động (uptime rate) đạt tiêu chuẩn tốt nhất trên thị trường.
- Thực hiện trọng tâm các sáng kiến công nghệ phục vụ dự án chiến lược chuyển đổi số: Triển khai các nền tảng tích hợp Open API, CRM, Hệ thống chấm điểm tín dụng tự động, thay thế nền tảng ngân hàng số hợp kênh hiện đại, và ứng dụng AI, Machine Learning trong các sản phẩm số phục vụ khách hàng.



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

DỰ ÁN CHIẾN LƯỢC

Thị trường tài chính thế giới đang trải qua biến động to lớn do nhiều yếu tố, như thách thức từ dịch bệnh, sự cạnh tranh ngày càng tăng từ các công nghệ tài chính mới, và áp lực liên quan đến biến động tình hình tài chính toàn cầu. Những thay đổi này tạo ra thách thức lớn đối với các tổ chức tài chính trên toàn thế giới, đòi hỏi sự đổi mới trong chiến lược đầu tư, chiến lược kinh doanh, đồng thời cung cấp cơ hội mới cho những ngân hàng nhỏ có khả năng nắm bắt và thích ứng nhanh chóng.



Việt Nam đang trải qua một hành trình phát triển tích cực trong nhiều lĩnh vực, bao gồm giáo dục, y tế, môi trường, và kinh tế. Đổi mới trong nền kinh tế, cùng với thu hút đầu tư nước ngoài đã thúc đẩy sự đa dạng hóa và phát triển bền vững. Sự phát triển tích cực này không chỉ tạo lập cơ sở cho một môi trường kinh doanh thịnh vượng, mà còn đặt nền móng cho sự tiến bộ của cộng đồng và xã hội Việt Nam trong thời gian tới.

“Cam kết tái định nghĩa trải nghiệm ngân hàng thông qua đổi mới và sáng tạo, trở thành trung tâm đổi mới dịch vụ tài chính và tiên phong trong phát triển các giải pháp, dịch vụ và áp dụng công nghệ mới”

5 năm tới
Đồng hành với nhóm khách hàng trung lưu và thế hệ trẻ

Trong những năm gần đây, chúng ta đã chứng kiến sự phát triển năng động và mạnh mẽ, đặc biệt là trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, nơi mà phân khúc khách hàng trung lưu và thế hệ trẻ đóng vai trò quan trọng. Sự gia tăng về thu nhập và ý thức về quản lý tài chính đã tạo ra một lượng khách hàng có sức ảnh hưởng cao, tìm kiếm những giải pháp tài chính đa dạng và thông minh để tối ưu hóa lợi ích cá nhân và gia đình. Họ không chỉ quan tâm đến việc tích lũy tài sản mà còn đặt ra những yêu cầu cao về trải nghiệm dịch vụ và sự linh hoạt trong quản lý tài chính. Các sản phẩm và dịch vụ tài chính phải đáp ứng đầy đủ những tiêu chí này, từ việc đầu tư thông minh, công nghệ hiện đại, cho đến những trải nghiệm khách hàng thuận tiện và vượt trội.

10 năm tới
Phục vụ tốt nhất phân khúc khách hàng siêu giàu

Không nằm ngoài sự phát triển đó, NCB mong muốn được đồng hành với nhóm khách hàng trung lưu và thế hệ trẻ trong 5 năm tới, hướng tới tầm nhìn 10 năm trở thành ngân hàng phục vụ tốt nhất phân khúc khách hàng siêu giàu, với cam kết tái định nghĩa trải nghiệm ngân hàng thông qua đổi mới và sáng tạo, trở thành trung tâm đổi mới dịch vụ tài chính và tiên phong trong phát triển các giải pháp, dịch vụ và áp dụng công nghệ mới.



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

DỰ ÁN CHIẾN LƯỢC (TIẾP THEO)

Đồng thời, cam kết của NCB là tạo ra giá trị tài chính và đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của cộng đồng. Ngân hàng không chỉ mong muốn mang lại lợi ích cho xã hội và khách hàng, mà còn xây dựng một môi trường làm việc sáng tạo, nơi mà đội ngũ nhân viên được khuyến khích phát triển và hướng về mục tiêu cùng đồng hành với sứ mệnh “Bước vào kỷ nguyên số”. Do đó, NCB đã quyết định lựa chọn đối tác tư vấn chiến lược hàng đầu thế giới cùng đồng hành trong quá trình xác định mô hình chiến lược 5 năm.

Dự án Chiến lược được thành lập và triển khai chính thức vào tháng 7 năm 2023, hợp tác cùng Đối tác Tư vấn chiến lược, dự án đã xác định được mô hình kinh doanh chiến lược “Digital Wealth – Quản lý gia sản hỗn hợp số” cho NCB giai đoạn 2023 đến 2028.

Xác định mô hình chiến lược 5 năm:

2023 - 2028

Quản lý gia sản hỗn hợp số cho phép thống kê và quản lý thu nhập – chi phí, tài sản tiêu dùng, tài sản kinh doanh, tài sản đầu tư tài chính, bất động sản và nợ, giúp khách hàng có tầm nhìn bao quát nhất về hiện trạng tài chính của bản thân. Từ đó, hỗ trợ khách hàng xác định rủi ro, thiết lập kế hoạch độc lập tài chính, giúp khách hàng hoạch định cụ thể thời gian hoàn thành mục tiêu và khối tài sản tương ứng dựa trên nền tảng số hóa và trí tuệ nhân tạo (AI), mang đến cho khách hàng giao dịch an toàn, nhanh chóng, thuận tiện và đa kênh với chi phí thấp nhất.

Quản lý gia sản hỗn hợp số sẽ là xu hướng đầu tư trong tương lai cho tất cả những khách hàng có thu nhập ổn định và mong muốn một giải pháp đầu tư đơn giản, thuận tiện, và hoạch định một kế hoạch tài chính cá nhân giúp khách hàng đạt được mục tiêu cụ thể.

**“Digital Wealth -
Quản lý gia sản
hỗn hợp số”**



NỀN TẢNG QUẢN LÝ GIA SẢN HỖN HỢP SỐ CỦA NCB HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU TRONG 5 NĂM:

Cung cấp dịch vụ quản lý gia sản hỗn hợp số cho

2,8 TRIỆU

khách hàng tại Việt Nam.

Trở thành ứng dụng quản lý gia sản

HÀNG ĐẦU

tại Việt Nam.

O2O - Cung cấp dịch vụ và trải nghiệm

TIỆN LỢI VÀ LINH HOẠT

tại Việt Nam.

Sử dụng công nghệ đám mây để

**NÂNG CAO TRẢI NGHIỆM
CỦA KHÁCH HÀNG**

– giao dịch thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, tiết kiệm chi phí và đa dạng về dịch vụ.

Mô hình Quản lý gia sản hỗn hợp số đang trong quá trình xây dựng kế hoạch triển khai tổng thể. Dự kiến sẽ ra mắt thị trường vào cuối năm 2024 với những giải pháp vượt trội và chưa từng có tại thị trường Việt Nam.

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ

NCB đặt mục tiêu và hoạch định kế hoạch triển khai chuyển đổi số cho giai đoạn 5 năm tiếp theo, trong đó tập trung vào ứng dụng công nghệ, kỹ thuật số để tạo sự khác biệt, nâng cao hiệu quả hoạt động và mang lại các giá trị bền vững. Theo đó, lộ trình chuyển đổi được chia làm 3 giai đoạn:

01

2023 - 2024



Giai đoạn 1 (2023 - 2024) – Xây dựng nền tảng

3 trọng tâm chính là Nhân tài, Công nghệ và Dữ liệu. Đây là giai đoạn quan trọng nhằm tạo nền móng vững chắc cho các giải pháp số hoá trong tương lai.

02

2025 - 2026



Giai đoạn 2 (2025 - 2026) – Tạo dựng sự gắn kết

Đặt mục tiêu tăng trưởng số lượng khách hàng và tăng hiệu quả trên mỗi khách hàng thông qua việc triển khai mở rộng các hành trình số và các giải pháp đột phá.

03

2027 - 2028



Giai đoạn 3 (2027 - 2028) - Định vị Sự Khác Biệt

Tập trung phát triển các sản phẩm và dịch vụ cá nhân hoá dựa trên dữ liệu. Đồng thời, triển khai dịch vụ tài chính nhúng và mô hình Banking as a Service (BaaS) để cung cấp giải pháp toàn diện cho các đối tác chiến lược.

Trong bối cảnh đó, Dự án Chuyển đổi số được thành lập vào tháng 06 năm 2023 với đội ngũ nhân tài có nhiều kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyển đổi số và dữ liệu. Dự án Chuyển đổi số được thành lập giúp NCB đặt bước chân đầu tiên trên hành trình chuyển mình toàn diện.

Ngay từ những bước đi đầu tiên, NCB đã xác định rất rõ ràng về mục tiêu “tạo ra sự khác biệt và tiêu chuẩn mới về sự ưu việt” trên thị trường. Với tâm thế sẵn sàng, 5 nguyên tắc của Chiến lược Chuyển đổi số NCB đã được đặt ra:

Nhu cầu của khách hàng là sự ưu tiên hàng đầu

Khơi dậy sức mạnh đổi mới

Nâng cao kiến thức tài chính của khách hàng

Minh bạch, tin tưởng, liêm chính

Cá nhân hóa hành trình

NCB mong muốn mang đến sự đột phá không chỉ trong cách nghĩ, mà còn là cách làm, để đưa “ngân hàng đến với khách hàng” và định vị bản thân như một ngân hàng mang tiêu chuẩn công nghệ của Thung lũng Silicon trong tương lai bằng việc sử dụng sức mạnh của dữ liệu kết hợp và công nghệ trong mọi quyết định, song song với việc chuyển đổi sâu sắc văn hóa doanh nghiệp và mô hình kinh doanh.



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ (TIẾP THEO)

Vì vậy, năm 2023 được coi là năm bản lề, là tiền đề cho NCB hoạch định các mục tiêu lớn và bắt đầu xây dựng nền móng đầu tiên cho hành trình chuyển đổi của mình. Tháng 08 năm 2023, Dự án Chuyển đổi số đã phối hợp với Khối Công nghệ lên kế hoạch triển khai các dự án quan trọng như: Dự án Triển khai Giải pháp Điện toán Đám mây - Cloud, dự án Hệ thống Quản trị Dữ liệu tập trung - kho dữ liệu toàn hàng (nơi lưu trữ toàn bộ dữ liệu) trên nền tảng đám mây - Data platform, Dự án Trí tuệ nhân tạo và máy học (AI-Machine learning).

Với việc xác định rõ tầm quan trọng của dữ liệu, NCB tập trung xây dựng dữ liệu trở thành tài sản của doanh nghiệp, có thể khai mở mọi giá trị cho nhân viên và khách hàng. Sử dụng dữ liệu để thực hiện các phân tích nâng cao/phân tích dự báo, ứng dụng phương pháp máy học kết hợp với trí tuệ nhân tạo (AI) cũng như phát triển các sản phẩm dữ liệu nhằm thúc đẩy văn hóa quản trị theo dữ liệu. Để có thể thực hiện được những nhiệm vụ nêu trên, tất cả các bộ phận trong nội bộ ngân hàng xác định, xử lý các nguồn dữ liệu phi cấu trúc, tạo dựng và triển khai các cơ hội khai thác dữ liệu mới.



Bên cạnh đó, NCB thiết lập và triển khai các công nghệ, công cụ, phương pháp tiếp cận và phương pháp luận để thực sự số hóa. Các nền tảng công nghệ cốt lõi cũng được lên kế hoạch đầu tư hoặc thay thế: Dự án triển khai Hệ thống Quản lý Quan hệ Khách hàng và Quản lý Tương tác Đa kênh, Dự án Thay thế và Triển khai Hệ thống khởi tạo và xử lý hồ sơ, Dự án triển khai Hệ thống ra quyết định thông minh, và Dự án Mobile App mới.

Đặt mục tiêu số hóa trên mọi mặt trận và xem “Nhu cầu của khách hàng là ưu tiên hàng đầu”, NCB hướng đến một hệ thống quản lý quan hệ khách hàng và quản lý tương tác đa kênh có đầy đủ các khía cạnh về một khách hàng: thông tin khách hàng 360 độ, chân dung khách hàng, các điểm “chạm” của khách hàng với NCB trên tất cả các kênh từ kênh vật lý đến kênh số - Offline to Online, nhằm có sự am hiểu đầy đủ về khách hàng của mình, cũng như sẵn sàng tâm thế phục vụ khách hàng. Hệ thống khởi tạo và xử lý hồ sơ và hệ thống ra quyết định thông minh sẽ mang lại một trải nghiệm hoàn toàn khác cho hành trình vay vốn ngày nay trên thị trường và hướng đến giải pháp thực sự số hóa - “True Digital”.

Và để hoàn thiện trải nghiệm số, NCB hướng tới một diện mạo mới của Mobile App với giao diện mới, các tính năng thực sự độc đáo và chưa từng có trên thị trường.

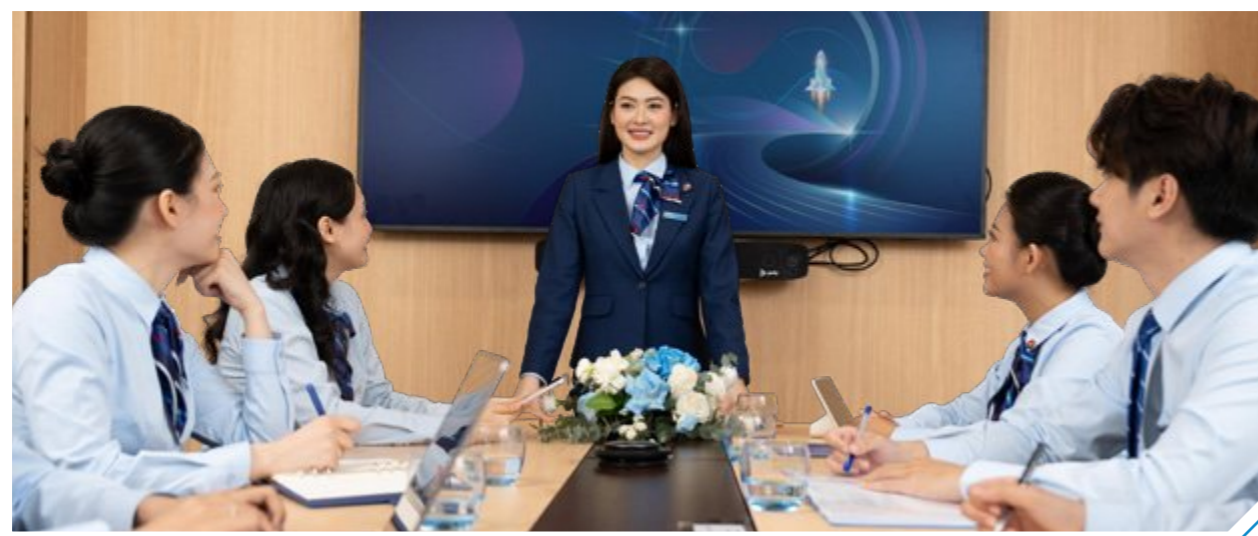
Thêm vào đó, NCB đã triển khai thiết lập văn phòng làm việc mới và áp dụng cách thức làm việc mới theo phương pháp “agile” để có thể nhanh chóng, linh hoạt thích nghi với các thay đổi trong môi trường kinh doanh đầy biến động. Tất cả các yếu tố này đều góp phần tạo điều kiện để thực hiện tốt nhất chiến lược chuyển đổi số - chuyển mình mà NCB đã lựa chọn.

True Digital

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Nâng cao năng lực của hệ thống kiểm soát nội bộ; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tuân thủ, giám sát quy trình và kiểm toán hệ thống; Triển khai công tác nhận diện sớm các rủi ro đạo đức, rủi ro do gian lận để giảm thiểu, ngăn chặn rủi ro cho hệ thống;
- Phát triển bền vững, nâng cao năng lực QTRR, công cụ quản lý rủi ro; Hoàn thiện khung QTRR, quy định cảnh báo xử lý sớm nợ có vấn đề để tuân thủ quy định NHNN và tiệm cận dần với các chuẩn mực quốc tế trong hoạt động QTRR;
- NCB tiếp tục triển khai các tiểu dự án trong Lộ trình hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, làm nền tảng cho NCB hoạt động an toàn, bền vững, hỗ trợ triển khai các dự án chuyển đổi số và dự án chiến lược của Ngân hàng.



NGUỒN NHÂN LỰC



Bên cạnh việc tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức và nhân sự, NCB tập trung vào các giải pháp thực tiễn nhằm thúc đẩy hiệu suất và nâng cao năng suất lao động bao gồm thể chế chính sách và đầu tư về nền tảng công nghệ, chuyển đổi số nhằm rút ngắn thời gian xử lý và tăng độ chính xác trong tác nghiệp, vận hành. Song song với đó, NCB chú trọng phát triển văn hóa doanh nghiệp và môi trường làm việc nhằm tiếp tục duy trì niềm tự hào và kiến tạo hạnh phúc của CBNV, phát huy những gì đã có, đã được công nhận bởi giải thưởng “Nơi làm việc tốt nhất châu Á 2023.”

ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

MARKETING – TRUYỀN THÔNG

2024 là năm bản lề cho quá trình chuyển đổi nhận diện thương hiệu của NCB sang một giai đoạn thay đổi toàn diện và sâu sắc phù hợp với chiến lược mới.

Với ý nghĩa đó, các hoạt động marketing – truyền thông thương hiệu của NCB trong 2024 tiếp tục được duy trì nhằm phủ rộng nhận biết thương hiệu NCB trong công chúng và các đối tượng khách hàng mục tiêu trên cả các kênh trực tiếp và trực tuyến. Bên cạnh đó, NCB bắt tay vào triển khai xây dựng một chiến lược thương hiệu mới bài bản, có định hướng phù hợp với chiến lược chuyển đổi của NCB trong tương lai trung và dài hạn.

Các hoạt động marketing – truyền thông hỗ trợ kinh doanh mảng KHCN cũng bám sát theo chiến lược chuyển đổi mới của NCB. Theo đó, tập trung tăng trưởng tệp khách hàng trẻ năng động và khách hàng trung lưu, triển khai bán chéo tới tệp khách hàng doanh nghiệp hiện hữu và từ hệ sinh thái của đối tác chiến lược, tiếp tục củng cố sự tin nhiệm và tin yêu của khách hàng dành cho NCB.



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH 2024 (TIẾP THEO)

MARKETING – TRUYỀN THÔNG (TIẾP THEO)



Bên cạnh đó, với định hướng chuyển đổi số toàn diện, trong năm 2024, Khối Marketing - Truyền thông phối hợp chặt chẽ với các Khối kinh doanh để thúc đẩy phát triển giải pháp thanh toán QR trên toàn quốc, đồng thời tăng cường kết nối thanh toán, cung cấp giải pháp thanh toán ưu việt cho khách hàng của đối tác chiến lược.

Đẩy mạnh hoạt động kết nối hệ thống đối tác

Thúc đẩy tăng trưởng khách hàng, gia tăng ưu đãi toàn diện (giáo dục, ẩm thực, giải trí...) cho khách hàng của NCB, từ đó tăng trưởng CASA - một trong những chỉ số sức khỏe tài chính quan trọng của Ngân hàng.

Với sản phẩm KHDN, các hoạt động marketing - truyền thông được tăng cường cho các sản phẩm ngân hàng điện tử, sản phẩm tín dụng, tài trợ thương mại, bảo lãnh... và tập trung chủ yếu tới khách hàng mục tiêu thuộc nhóm ngành nghề, lĩnh vực theo đúng định hướng kinh doanh: Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến chế tạo, xuất nhập khẩu và nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

PHỤ LỤC

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, các Phó TGĐ và BKS

Thành viên HĐQT, BKS và BDH được hưởng thù lao, lương, thưởng và các lợi ích khác theo kết quả thực hiện công việc và kết quả kinh doanh của Ngân hàng, đảm bảo việc sử dụng quỹ thù lao và ngân sách hoạt động đã được ĐHĐCĐ phê duyệt năm 2023, phù hợp Điều lệ NCB và các quy định nội bộ khác có liên quan.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không phát sinh.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị ngân hàng: Công tác quản trị ngân hàng của NCB đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp đối với công ty đại chúng và niêm yết như: Luật các TCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

25 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

PHONE 024 3201 8114
HOTLINE 028 38216 216/ 18006166
WEB <http://www.ncb-bank.vn>



Ngân hàng TMCP Quốc Dân

BAO CÁO THƯỜNG NIÊN
2023